

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 05 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 05 năm 2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT VẬT LIỆU

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hà Thanh Toàn	GS.TS., Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Hiếu Trung	PGS.TS., Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Cương	TS., Hiệu trưởng Trường Bách khoa	Phó Chủ tịch
4	Đoàn Văn Hồng Thiện	PGS.TS., Trưởng Khoa Kỹ thuật hoá học	Thư ký hội đồng
5	Trần Văn Tỷ	PGS.TS., Phó hiệu trưởng Trường Bách khoa	Thành viên
6	Nguyễn Chí Ngôn	PGS.TS., Phó chủ tịch hội đồng trường	Thành viên
7	Nguyễn Minh Trí	ThS., Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 2
8	Ngô Thanh Phong	PGS.TS., Trưởng Khoa Khoa học tự nhiên, Ủy viên Thường trực Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
9	Phan Minh Nhật	ThS., Phó Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 1
10	Nguyễn Thanh Tường	TS., Trưởng phòng CTSV	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 5
11	Lê Phi Hùng	ĐH., Trưởng phòng TC-CB	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 4
12	Nguyễn Văn Trí	ThS., Trưởng phòng Quản trị - thiết bị	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 6
13	Lê Nguyễn Đoan Khôi	PGS.TS., Trưởng phòng QL-KH	Thành viên
14	Văn Phạm Đan Thủy	PGS.TS., Ban Quản lý dự án ODA	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 3
15	Trần Thị Ngọc Mỹ (MSSV: B1909696)	Sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học K45, Đại diện Người học	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG	ix
DANH MỤC HÌNH	x
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo	1
b. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá.....	2
1.2. Tổng quan chung	4
a. Trường Đại học Cần Thơ.....	4
b. Trường Bách khoa	6
c. Khoa Kỹ thuật Hóa học.....	8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	9
Tiêu chuẩn 1.....	9
Mở đầu	9
Tiêu chí 1.1.....	9
Tiêu chí 1.2.....	12
Tiêu chí 1.3.....	16
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	20
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	21
Mở đầu	21
Tiêu chí 2.1.....	22
Tiêu chí 2.2.....	25
Tiêu chí 2.3.....	28
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	28
Tiêu chuẩn 3.....	29

Mở đầu	29
Tiêu chí 3.1:	30
Tiêu chí 3.2:	34
Tiêu chí 3.3:	36
Kết luận Tiêu chuẩn 3	39
Tiêu chuẩn 4	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 4.1	40
Tiêu chí 4.2	42
Tiêu chí 4.3	44
Kết luận Tiêu chuẩn 4	47
Tiêu chuẩn 5	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 5.1	48
Tiêu chí 5.2	51
Tiêu chí 5.3	53
Tiêu chí 5.4	55
Tiêu chí 5.5	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	58
Tiêu chuẩn 6	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 6.1	60
Tiêu chí 6.2	63
Tiêu chí 6.3	66
Tiêu chí 6.4	67
Tiêu chí 6.5	69
Tiêu chí 6.6	71

Tiêu chí 6.7.....	72
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	74
Tiêu chuẩn 7.....	75
Mở đầu	75
Tiêu chí 7.1.....	75
Tiêu chí 7.2.....	78
Tiêu chí 7.3.....	80
Tiêu chí 7.4.....	81
Tiêu chí 7.5.....	84
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	86
Tiêu chuẩn 8.....	86
Mở đầu	86
Tiêu chí 8.1.....	87
Tiêu chí 8.2.....	88
Tiêu chí 8.3.....	90
Tiêu chí 8.4.....	92
Tiêu chí 8.5.....	97
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	99
Tiêu chuẩn 9.....	99
Mở đầu	99
Tiêu chí 9.1.....	100
Tiêu chí 9.2.....	102
Tiêu chí 9.3.....	104
Tiêu chí 9.4.....	106
Tiêu chí 9.5.....	109
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	112
Tiêu chuẩn 10.....	112

Mở đầu	112
Tiêu chí 10.1.....	113
Tiêu chí 10.2.....	115
Tiêu chí 10.3.....	117
Tiêu chí 10.4.....	119
Tiêu chí 10.5.....	120
Tiêu chí 10.6.....	122
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	124
Tiêu chuẩn 11	125
Mở đầu	125
Tiêu chí 11.1.....	125
Tiêu chí 11.2.....	129
Tiêu chí 11.3.....	132
Tiêu chí 11.4.....	136
Tiêu chí 11.5.....	139
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	141
PHẦN III. KẾT LUẬN	142
Phần IV. PHỤ LỤC	1
Phụ lục I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
Phụ lục II. QUYẾT ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT NGÀNH CNKTHH	39

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ được viết tắt
AUN	Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network)
AUN-QA	Mạng lưới đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network – Quality Assurance)
BCN	Ban chủ nhiệm
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BGH	Ban giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
BM CNHH	Bộ môn Công nghệ hóa học
CĐR	Chuẩn đầu ra
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CNHH	Công nghệ hóa học
CNTT	Công nghệ thông tin
CSV	Cựu sinh viên
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CV	Công văn
CVHT	Cố vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
ĐRL	Điểm rèn luyện
BLQ	Bên liên quan
DN	Doanh nghiệp
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
GDDH	Giáo dục đại học

Ký hiệu viết tắt	Từ được viết tắt
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HTQL	Hệ thống quản lý
HTQLTH	Hệ thống quản lý tích hợp
KCN	Khoa Công nghệ
KHHT	Kế hoạch học tập
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTHH	Kỹ thuật hóa học
KTVL	Kỹ thuật vật liệu
KTX	Ký túc xá
LVTN	Luận văn Tốt nghiệp
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCTSV	Phòng Công tác sinh viên
PĐT	Phòng Đào tạo
PGS	Phó giáo sư
PPDH	Phương pháp dạy học
QĐ	Quyết định
SV	Sinh viên
TBK	Trường Bách khoa
TC	Tín chỉ
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ

Ký hiệu viết tắt	Từ được viết tắt
TLTN	Tiểu luận tốt nghiệp
TT	Thông tư
TTHL	Trung tâm học liệu
TTQLCL	Trung tâm Quản lý chất lượng
TTTT&QTM	Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng
VPK	Văn phòng Khoa

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thông tin cơ bản về chương trình đào tạo ngành CNKTHH.....	8
Bảng 1.1: So sánh CĐR của CTĐT ngành CNKTHH năm 2018, 2019/2020 và 2022	17
Bảng 3.1: Thống kê số lượng HP góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra.....	31
Bảng 6.1: Thống kê giờ chuẩn của GV Khoa KTHH [H6.06.02.06].....	65
Bảng 7.1: Thống kê số lượng NV của Trường ĐHCT	76
Bảng 7.2: Thống kê trình độ NV của TBK	76
Bảng 7.3: Thống kê số lượng NV của TBK trong 5 năm gần nhất.....	77
Bảng 7.4: Thống kê kết quả đánh giá NV Trường Bách khoa trong 5 năm gần nhất...	81
Bảng 7.5: Thống kê hoạt động đào tạo cho đội ngũ NV TBK.....	82
Bảng 7.6: Thống kê danh hiệu thi đua NV Trường Bách khoa trong 5 năm gần nhất..	85
Bảng 11.1: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học (của 5 khoá gần nhất).....	126
Bảng 11.2: Thống kê NH tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học.....	127
Bảng 11.3: Tỷ lệ việc làm của SV Trường BK sau 1 năm tốt nghiệp.....	132
Bảng 11.4: Tình hình việc làm và môi trường làm việc của người học tốt nghiệp ngành CN KTHH.....	133
Bảng 11.5: Tỷ lệ % người học chưa có việc làm của một số ngành học ở Trường BK, Trường ĐHCT	134

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Trường Đại Học Cần Thơ	5
Hình 2: Cơ cấu tổ chức của TBK	7

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Báo cáo tự đánh giá ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học (CNKTHH) gồm 4 phần:

Phần I: Mô tả khái quát kế hoạch báo cáo TĐG CTĐT bao gồm những nội dung cơ bản như mục đích, quy trình TĐG; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể. Đồng thời, thông tin tổng quan về Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), Trường Bách khoa (TBK), Khoa Kỹ thuật hóa học (KTHH) cũng được mô tả.

Phần II: Tự đánh giá (TĐG) theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng (MC) cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của tiêu chuẩn/tiêu chí; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) TĐG.

Phần III: Trình bày kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và cuối cùng tổng hợp kết quả TĐG.

Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG chương trình đào tạo (CTĐT), tổng hợp cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục MC được sử dụng phục vụ nội dung trong báo cáo TĐG.

Nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành CNKTHH dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành CNKTHH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học. Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học (NH). Tiêu chuẩn 6, 7 TĐG về đội ngũ cán bộ, giảng viên (GV), nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên (NV) trong khi tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Tiêu chuẩn 9 thảo luận về hệ thống cơ sở vật chất (CSV) và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 thảo luận việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH). Cuối cùng là tiêu chuẩn 11 với nội dung chính là các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành CNKTHH.

Phương pháp mã hóa MC:

Trong phần tự đánh giá, MC được trích dẫn để thuyết phục người đọc. Mã MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, gồm 01 chữ cái, ba dấu chấm (.) và 07 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef, trong đó: H: là “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 01 hộp hoặc một số hộp); n: là số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên); ab: là số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 11 viết 11); cd: là số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 2 viết 02, tiêu chí 5 viết 05); ef: là số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ: H6.06.02.03: là MC thứ 03 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 6, được đặt ở hộp 6.

Phương pháp đánh số của hình/bảng:

1. Đánh số theo tiêu chuẩn với công thức sau: h.i

Trong đó h là số tiêu chuẩn, i là số thứ tự trong tiêu chuẩn

Ví dụ: Bảng 7.7 là bảng thứ bảy trong tiêu chuẩn 7

2. Trường hợp đặc biệt:

- Bảng hoặc hình không thuộc các tiêu chuẩn thì đánh số bắt đầu từ số 1,
- Ở phần phụ lục bắt buộc có các bảng, tương ứng với các bảng trong các tiêu chí (nếu có), ví dụ bảng 3 (bảng 6.2).

b. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) quy định Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học, Trường ĐHCT đã xúc tiến thực hiện việc đánh giá chất lượng ngành CNKTHH. Đây cũng là quá trình cần thiết nhằm giúp cho đơn vị tự tìm hiểu, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình hình đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển nguồn nhân lực, hệ thống CSVN, cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành những điều chỉnh cần thiết nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành CNKTHH đạt chất lượng cao, vươn tới tầm khu vực và quốc tế. Ngoài ra, hoạt động TĐG còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ

hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển các dịch vụ xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu của Trường ĐHCT.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình TĐG được thực hiện gồm các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành CNKTHH;
- Bước 2: Lập kế hoạch TĐG chất lượng CTĐT ngành CNKTHH;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo TĐG;
- Bước 6: Công bố công khai báo cáo TĐG đến các bên liên quan (BLQ) trong và ngoài Trường để xin ý kiến đóng góp, nhận xét; rà soát và hoàn thiện báo cáo;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Phương pháp đánh giá

Ban Thư ký TĐG CTĐT ngành CNKTHH phối hợp cùng các đơn vị liên quan thực hiện việc thu thập thông tin và MC; xử lý, phân tích thông tin và MC thu được; xem xét, nghiên cứu các mặt hoạt động liên quan đến CTĐT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng để báo cáo về mức độ đạt được chất lượng giáo dục của CTĐT ngành CNKTHH. Trên cơ sở phân tích các hoạt động liên quan đến tiêu chí, so sánh và đối chiếu, báo cáo đưa ra những nhận định, chỉ ra các điểm mạnh cần phát huy và cả những tồn tại cần được khắc phục. Đồng thời, báo cáo đưa ra kế hoạch hành động cải tiến chất lượng cụ thể, qua đó có thể phát huy được điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại trong hoạt động của CTĐT ngành CNKTHH.

Dự thảo Báo cáo TĐG được phổ biến rộng rãi, được Hội đồng TĐG, cán bộ, GV và sinh viên (SV) góp ý kiến trước khi Trường hoàn thành và công bố Báo cáo TĐG hoàn chỉnh.

Công cụ đánh giá

Công cụ TĐG được sử dụng chủ yếu là các quy định mang tính pháp lý gồm: Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ GD&ĐT về Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp

chuyên nghiệp theo; Thông tư 04/2016/TT-BGDDT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT về Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH theo; Công văn (CV) số 1669/QLCLKĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng (thay thế cho CV 769/QLCLKĐCLGD ngày 20/04/2018) CV số 2085/QLCLKĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng CV số 774/QLCLKĐCLGD ngày 10/06/2021 của Cục Quản lý chất lượng (điều chỉnh một số phụ lục CV số 2085/QLCLKĐCLGD). Ngoài ra, còn sử dụng công cụ Plan - Do - Check - Act trong TĐG CTĐT nhằm đảm bảo các hoạt động TĐG được thực hiện theo đúng quy trình và đầy đủ các bước.

1.2. Tổng quan chung

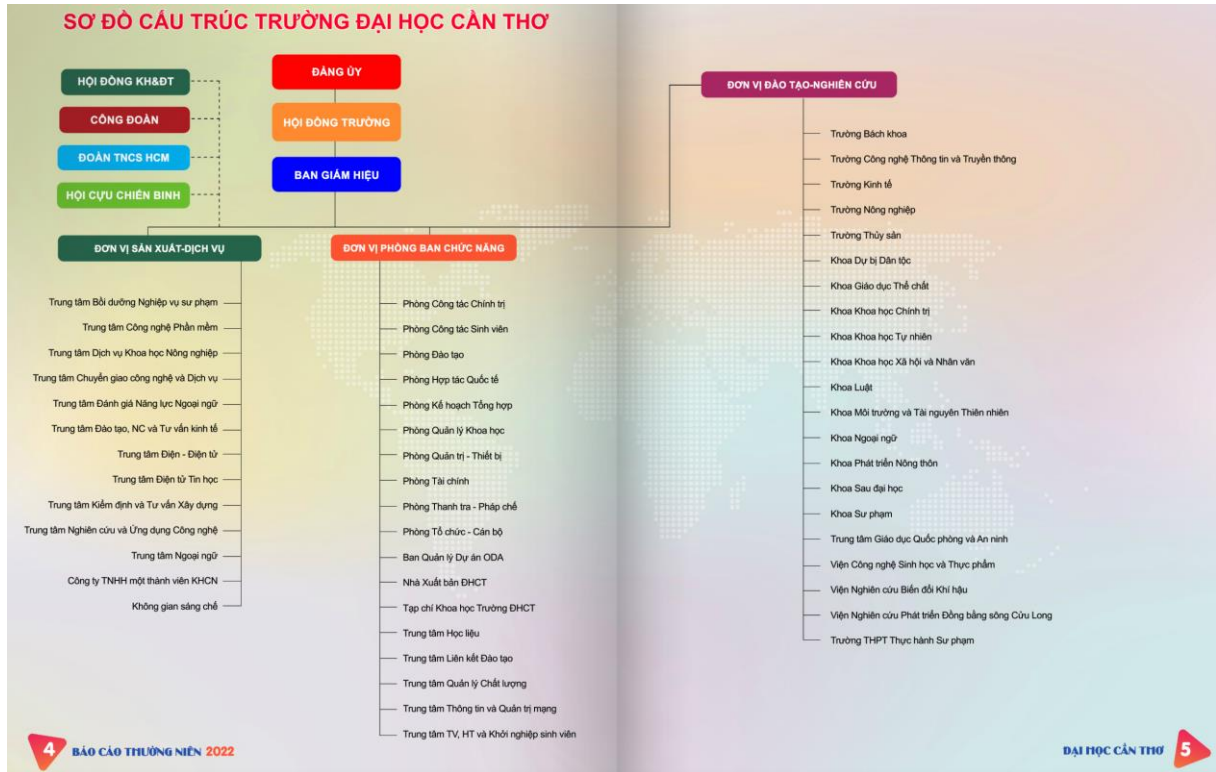
a. Trường Đại học Cần Thơ

Giới thiệu chung

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc Bộ GD&ĐT ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), là thành viên của tổ chức ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA) (từ tháng 07/2013). Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng (HĐ) quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251 - 300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Năm 2018, Trường ĐHCT được HĐ Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 86,89% và được Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh quyết định cấp chứng nhận kiểm định chất lượng giai đoạn 19/5/2018 - 19/5/2023. Từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành Trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường đào tạo 91 chuyên ngành đại học (trong đó có 2 chương trình đào tạo tiên tiến, 8 chương trình đào tạo chất lượng cao), 51 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Cơ cấu tổ chức

Hiện tại, Trường ĐHCT gồm 5 Trường (Trường Kinh tế, Trường Bách khoa, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường Nông nghiệp, Trường Thủy sản) và các đơn vị Khoa, Viện, Trung tâm, Công ty. Cơ cấu tổ chức của trường ĐHCT được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1: Cơ cấu tổ chức Trường Đại Học Cần Thơ

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Sứ mệnh (Mission): Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội thịnh vượng.

Tầm nhìn (Vision): Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững.

Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường ĐHCT là Cộng đồng - Toàn diện - Ưu việt (Community - Totality - Uniqueness). Viết tắt triết lý giáo dục của Trường ĐHCT là CTU cho cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Giá trị cốt lõi (Core Values): Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo

Chính sách đảm bảo chất lượng

Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHCT cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi.

Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Trong 5 năm qua, Trường ĐHCT đạt các danh hiệu thi đua và các thành tích khen thưởng như sau:

Tập thể Trường 5 lần nhận được danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và 1 lần được trao tặng cờ thi đua của Bộ GD&ĐT.

Hàng năm có từ 17-22 đơn vị trực thuộc Trường được công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và mỗi năm có 2 đơn vị được nhận cờ thi đua của Bộ GD&ĐT.

Thành tích cao nhất mà tập thể Trường ĐHCT nhận được là Huân chương Lao động Hạng 1 (lần 2) vào năm 2016, nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường.

Trong 5 năm qua, có 03 đơn vị trực thuộc Trường nhận Bằng khen của Thủ tướng và 01 tập thể khác được nhận Huân chương Lao động Hạng 3.

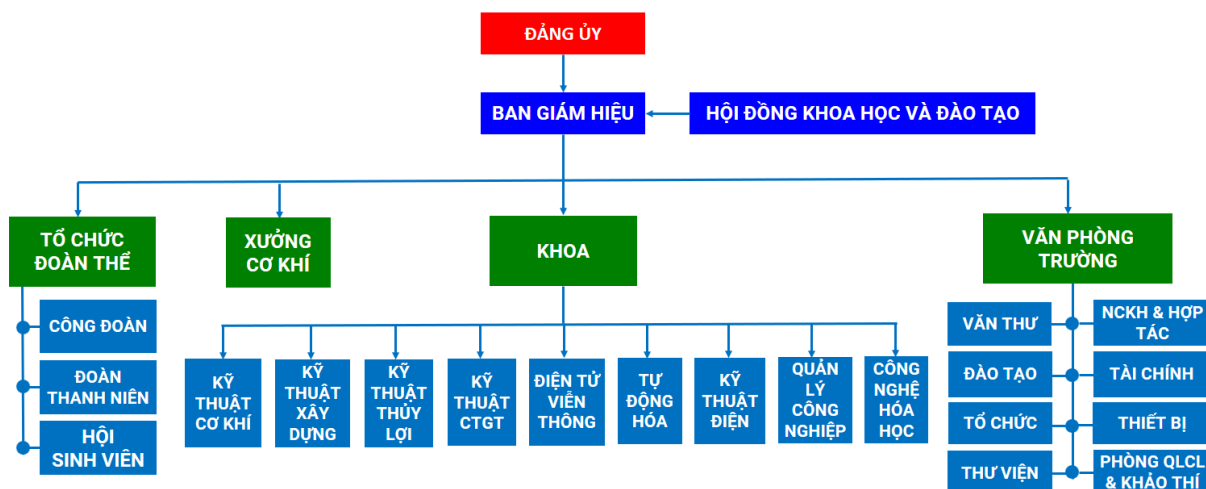
Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: trong 5 năm qua, có 24 lượt đơn vị được nhận bằng khen Bộ trưởng, trong đó nhiều nhất là năm 2016 có 10 tập thể thuộc Trường được tặng bằng khen Bộ trưởng.

b. Trường Bách khoa

Giới thiệu chung

Tiền thân của TBK là Khoa Công nghệ (KCN), một trong những khoa lớn của Trường ĐHCT. TBK chịu trách nhiệm đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ, hợp tác quốc tế, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho vùng ĐBSCL và cả nước. Cơ cấu tổ chức của TBK được mô tả ở Hình 2. TBK có 9 Khoa đang quản lý tất cả CTĐT. Để hỗ

trợ công tác đào tạo và NCKH, TBK còn có Văn Phòng Trường, Xưởng Cơ khí, Không Gian Sáng Chế và 3 Trung tâm dịch vụ công nghệ.



Hình 2: Cơ cấu tổ chức của TBK

Sứ mệnh (Mission)

Sứ mệnh của TBK là: (i) Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng cao; (ii) NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL và Việt Nam; (iii) Đảm nhận, thực hiện trách nhiệm xã hội và các dịch vụ cộng đồng.

Tầm nhìn (Vision)

Đến năm 2030, TBK sẽ trở thành một đơn vị uy tín và chất lượng hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và sáng tạo về kỹ thuật và công nghệ, tác động vào sự phát triển bền vững của xã hội của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Triết lý giáo dục

"Học tập tích cực và sáng tạo vì một tương lai tốt đẹp hơn"

"Active learning and innovation for a better future"

Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng.

c. Khoa Kỹ thuật Hóa học

Giới thiệu chung

Tiền thân của Khoa KTHH là Bộ môn Công nghệ Hoá học (BMCNHH). Khoa KTHH là đơn vị thuộc TBK - Trường ĐHCT, được thành lập ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo Quyết định số 147/QĐ-ĐHCT.TCCB của Hiệu Trưởng ĐHCT trên cơ sở tách tổ chuyên môn Công nghệ Hoá học (CNHH), quản lý ngành đào tạo CNHH tuyển sinh từ năm 2000, thuộc Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí – KCN.

Hiện tại, Khoa KTHH gồm có 20 cán bộ cơ hữu (100% cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ, 9 tiến sĩ, 6 Phó giáo sư). Khoa KTHH đang quản lý 11 phòng thí nghiệm (PTN), 01 phòng thực hành và 1 xưởng thực hành. Trong đó, có 8 PTN vừa được đầu tư mới trong khuôn khổ dự án nâng cấp Trường ĐHCT bằng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản.

Chức năng nhiệm vụ của Khoa KTHH là quản lý đào tạo kỹ sư ngành CNKTHH- chương trình đại trà, CNKTHH- chương trình chất lượng cao, kỹ sư kỹ thuật vật liệu và thạc sĩ KTHH. Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến CNHH và VL nhằm góp phần phát triển công nghiệp vùng ĐBSCL. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Khoa KTHH đã và đang thực hiện nhiệm vụ quản lý đào tạo chất lượng cao kỹ sư CNKTHH. Đây là ngành đầu tiên của TBK được Bộ cho phép đào tạo. Bảng 1 mô tả thông tin cơ bản về chương trình đào tạo ngành CNKTHH.

Bảng 1: Thông tin cơ bản về chương trình đào tạo ngành CNKTHH

Tên chương trình đào tạo	Công nghệ kỹ thuật hóa học
Chức danh tốt nghiệp	Kỹ sư
Năm mở ngành	Năm 2000
Hình thức đào tạo	Chính quy
Khối lượng kiến thức toàn khóa	161 tín chỉ
Thời gian đào tạo trung bình	4,5 năm (9 học kỳ)
Lần được kiểm định gần nhất	Kiểm định ngoài lần đầu
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên đơn vị quản lý	Trường Bách Khoa
Tên trường	Trường Đại học Cần Thơ

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xây dựng dựa trên các góp ý của các đối tượng có liên quan, bao gồm: cán bộ quản lý của Trường ĐHCT, TBK, GV, NH đang theo học của ngành, các doanh nghiệp/cựu SV, các công ty nước ngoài và các đơn vị sử dụng lao động có liên quan. Việc thu thập ý kiến các đối tượng được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn trực tiếp, phiếu thăm dò trực tuyến, hội thảo, hội nghị góp ý. GV tổng hợp các ý kiến đóng góp để thiết kế CĐR của CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT sẽ được Hội đồng khoa học của TBK góp ý và thông qua. Các tài liệu này phải được phê duyệt bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường. Sau đó, CĐR của CTĐT được công bố đến các GV, NH và các đối tượng có liên quan thông qua các cuộc họp tại Khoa KTHH, TBK và thông qua trang web của Khoa KTHH, TBK và Trường ĐHCT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được rà soát và điều chỉnh định kỳ nhằm đảm bảo sự cam kết chất lượng đào tạo với NH và xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục Đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT của ngành CNKTHH hiện nay (đang áp dụng cho Khóa 48, năm 2022) được ban hành theo quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H1.01.01.01]. CTĐT ngành CNKTHH đã được điều chỉnh vào năm 2018 (Khóa 45), năm 2019/2020 (Khóa 46) và năm 2022 (Khóa 48) theo hướng dẫn của Trường ĐHCT [H1.01.01.01]. Qua các lần thay đổi, mục tiêu đào tạo (MTĐT) của CTĐT hiện tại được mô tả trong CTĐT như sau [H1.01.01.02]:

Mục tiêu đào tạo chung: “Chương trình CNKTHH trình độ đại học đào tạo những kỹ sư có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công nghệ hóa học, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng các quy định hiện hành; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách

nhiệm; năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi; năng lực nghiên cứu khoa học và có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và yêu cầu của quốc tế”.

Mục tiêu đào tạo cụ thể là: (a) Đào tạo người học nắm vững kiến thức khoa học cơ bản, lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng và an ninh, năng lực ngoại ngữ thứ hai, năng lực công nghệ thông tin cơ bản và có sức khỏe; (b) Rèn luyện người học có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; (c) Trang bị cho người học kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và vận dụng vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành, phân tích/đánh giá sản phẩm hay quá trình thuộc lĩnh vực kỹ thuật hóa học; (d) Đào tạo người học có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn; có năng lực học tập sau đại học ngành Kỹ thuật hóa học hoặc ngành gần có liên quan.

Từ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT, mục tiêu của từng học phần được xây dựng chi tiết và trình bày ở đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.03]. MTĐT của ngành CNKTHH được cập nhật và điều chỉnh sau mỗi 5 năm để phù hợp với xu hướng phát triển. Năm 2018, MTĐT đã được rà soát, điều chỉnh và áp dụng cho Khóa 45, Trường ĐHCT. Điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT ngày 26/9/2018 và số 4235/QĐ-ĐHCT, ngày 26/9/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT và dựa trên Kế hoạch số 2222/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018 [H1.01.01.04]. MTĐT được điều chỉnh dựa trên cơ sở MTĐT được ban hành trước đó [H1.01.01.02] và ma trận kỹ năng cũng được xây dựng cho phù hợp [H1.01.01.05]. MTĐT được xây dựng đã được điều chỉnh thông qua các cuộc họp Khoa, có dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ [H1.01.01.06]. MTĐT đã được thẩm định bởi hội đồng Trường về việc điều chỉnh CTĐT, Tiểu ban chuyên môn thuộc và Hội đồng khoa học và đào tạo Trường [H1.01.01.07]. MTĐT của ngành CNKTHH đã xác định rõ ràng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và có một số thay đổi so với MTĐT của phiên bản trước đó. Năm 2019/2020, CTĐT ngành CNKTHH có điều chỉnh nhỏ và MTĐT sự thay đổi so với năm 2018 [H1.01.01.08], [H1.01.01.09].

Năm 2021, CTĐT của ngành CNKTHH tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù, theo công văn số 2272/KH-

ĐHCT ngày 19/11/2021 và quyết định số 4788/QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc thành lập thành lập Tổ Thư ký và Tổ Điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học và quyết định số 3617/ĐHCT ngày 29/12/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ đại học [H1.01.01.10]. MTĐT được lấy ý kiến của các BLQ và đã được thẩm định bởi hội đồng Khoa về việc điều chỉnh CTĐT, Tiểu ban chuyên môn thuộc và Hội đồng khoa học và đào tạo Trường [H1.01.01.11], [H1.01.01.12] và ma trận chuẩn đầu ra cũng được điều chỉnh tương ứng [H1.01.01.13].

MTĐT của ngành CNKTHH là đào tạo những kỹ sư có kiến thức chuyên môn toàn diện, có đầy đủ kỹ năng cơ bản và thái độ của một kỹ sư CNKTHH cần nhằm thỏa mãn sự đam mê ngành nghề của cá nhân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của quốc tế [H1.01.01.02]. Như vậy, MTĐT cũng phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của TBK [H1.01.01.14]. TBK với tầm nhìn sẽ trở thành một đơn vị uy tín và chất lượng hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và sáng tạo về kỹ thuật và công nghệ, tác động vào sự phát triển bền vững của xã hội của quốc gia và khu vực Đông Nam Á. Sứ mệnh của TBK là “(i) Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng cao, có năng lực đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế; (ii) Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển bền vững của vùng, quốc gia và khu vực Đông Nam Á; (iii) Cam kết phục vụ cộng đồng thông qua kết nối và chia sẻ nguồn lực”.

MTĐT của ngành cũng phù hợp với sứ mệnh của Trường ĐHCT là “Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, NCKH và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội thịnh vượng.” và tầm nhìn của Trường ĐHCT là “Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững” [H1.01.01.14]. MTĐT của ngành CNKTHH đã được giới thiệu công khai trên website thông tin của Trường ĐHCT [H1.01.01.15]. CTĐT này được áp dụng cho sinh viên Khóa 48. Bên cạnh đó, MTĐT của ngành phù hợp với mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục 2005 (Điều 2) [H1.01.01.16] và phù hợp với mục tiêu của GDDH theo Luật GDDH 2012 (Điều 5).

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mạng đào tạo của TBK, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐHCT, phù hợp với mục tiêu giáo dục của

Luật GDDH và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động (SV tốt nghiệp đều có việc làm, theo thống kê >96-100% lượng SV tốt nghiệp hàng năm; đồng thời, những SV tốt nghiệp này cũng được lãnh đạo các nhà tuyển dụng tin tưởng giao đảm nhận các công việc ở những vị trí quan trọng trong công ty/doanh nghiệp như: kỹ sư vận hành dây chuyền sản xuất, bộ phận R&D, bộ phận QC hoặc QA, v.v). MTĐT thường được điều chỉnh, cập nhật và kèm theo sự điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mỗi lần điều CTĐT cũng như MTĐT đều có lấy ý kiến các BLQ nhưng việc phản hồi ý kiến của ngành CNKTHH chưa được quan tâm nhiều. MTĐT được điều chỉnh theo nhu cầu xã hội và định hướng của Trường. Tuy nhiên, cựu SV ngành CNKTHH do đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong công ty nên đôi lúc họ không có thời gian để phản hồi và cho ý kiến/góp ý xác thực hơn về CTĐT một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn, để từ đó nhà Trường có thể xây dựng MTĐT được kịp thời và xác thực hơn so với nhu cầu thực tế của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, TBK tăng cường sử dụng các công cụ trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các vấn đề có liên quan đến mục tiêu của CTĐT. Các năm tiếp theo, sẽ mở rộng và tăng cường liên kết với doanh nghiệp và cựu sinh viên không chỉ của ngành CNKTHH mà còn của các ngành liên quan (Ví dụ: Kỹ thuật vật liệu, v.v) để hợp tác và nắm bắt về đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho các lĩnh vực CNKTHH, KTHH, v.v. Từ đó, MTĐT sẽ được điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tiễn hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2019/2020 và 2022, chuẩn đầu ra (CĐR) được điều chỉnh kèm theo quyết định số 2453/QĐ-ĐHCT ngày 31/08/2020 (thay thế cho 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/07/2019), số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29/05/2020 và số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24/08/2022 [H1.01.01.01]. Việc xây dựng và điều chỉnh CĐR của ngành CNKTHH được thực hiện

theo Quyết định về thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT; Kế hoạch điều chỉnh CTĐT và văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CĐR [H1.01.01.04]. CĐR được xây dựng cũng dựa trên phân tích đối sánh giữa CĐR của CTĐT KTHH của Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Chulalongkorn University - Thái Lan và Trường Putra University - Malaysia [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Bên cạnh đó, ý kiến đánh giá của SV tốt nghiệp (cựu SV), ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng (NTD) và các BLQ cũng được xem xét để làm cơ sở điều chỉnh CĐR [H1.01.01.11], [H1.01.01.13]. CĐR được biên soạn theo yêu cầu trong các biên bản họp Khoa KTHH, TBK và Trường ĐHCT [H1.01.01.12]. CTĐT ngành CNKTHH tiếp tục được điều chỉnh kèm theo quyết định số 2453/QĐ-ĐHCT, số 1063/QĐ-ĐHCT và số và CĐR tiếp tục được giữ nguyên vào năm 2022 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02].

Chuẩn đầu ra của ngành CNKTHH có đầy đủ các nội dung quy định theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH và văn bản hướng dẫn rà soát điều chỉnh CĐR của Trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.01.12] gồm: a). Tên ngành đào tạo, b). Trình độ đào tạo, c). Yêu cầu kiến thức (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...), d). Yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), e). Yêu cầu về thái độ, f). Vị trí làm việc của NH sau khi tốt nghiệp, g). Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; h). Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo. Mỗi phạm trù kiến thức, kỹ năng và thái độ trong CĐR đều được xác định rõ ràng [H1.01.01.02]:

- Kiến thức: Bao gồm các CĐR về kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Xã hội học, công nghệ thông tin (CNTT), ngôn ngữ tiếng Việt và nước ngoài... và các CĐR về kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

- Kỹ năng cứng: Bao gồm các CĐR về kỹ năng thực hành trong phòng thí nghiệm, kỹ năng tìm tòi khám phá và nghiên cứu khoa học, kỹ năng thiết kế, kỹ năng chế tạo/phân tích vật liệu/sản phẩm...

- Kỹ năng mềm: Bao gồm các CĐR về kỹ năng giao tiếp và hợp tác; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; kỹ năng sử dụng CNTT; kỹ năng tư duy; kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tự chủ, kỹ năng tự học và phát triển bản thân...

- Thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp: gồm các CĐR về tinh thần công dân, phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.

Khoa KTHH đã thiết lập ma trận kỹ năng về mối quan hệ tương thích giữa CĐR với mục tiêu đào tạo (MTĐT) ngành CNKTHH và ma trận kỹ năng về mối quan hệ tương thích giữa CĐR với các HP trong CTĐT theo văn bản hướng dẫn số 2641/ĐHCT-TTĐBCL&ĐT [H1.01.02.04] và số 2223/ĐHCT [H1.01.01.04] nhằm đảm bảo CĐR được xác định rõ ràng và được thực hiện đầy đủ. Năm 2022, ma trận mối liên quan giữa CĐR và MTĐT và ma trận về mối liên quan giữa CĐR với các học phần (HP) trong CTĐT đã được giảng viên (GV) phụ trách giảng dạy HP trong CTĐT cùng tham gia xây dựng [H1.01.01.13]. Dựa trên khảo sát ý kiến của cựu SV, nhà tuyển dụng (NTD), GV, và các phòng ban (PB) năm 2022 để đánh giá về mức độ rõ ràng của CĐR của các BLQ [H1.01.01.11]. Các CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp được phân chia chi tiết thành nhiều thành tố/chỉ số hành vi [H1.01.01.15], [H1.01.01.02]. CĐR của CTĐT năm 2022 như sau:

+ Kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương: a) Mô tả được các nguyên lý cơ bản của khoa học chính trị, ngoại ngữ, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng và an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước và vận dụng vào chuyên ngành đào tạo, có sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc; b) Vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa học đại cương, toán học, vật lý, tin học để đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào các vấn đề thuộc lĩnh vực KTHH; c) Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

Khối kiến thức cơ sở ngành: a) Vận dụng được các kiến thức cơ sở về hóa học, vật lý, truyền vận, khoa học và công nghệ để áp dụng vào các vấn đề chuyên ngành KTHH; b) Mở rộng thêm kiến thức ở một số lĩnh vực gần để hiểu được tác động của các giải pháp kỹ thuật lên xã hội trong bối cảnh toàn cầu.

Khối kiến thức chuyên ngành: a) Vận dụng các kiến thức và công cụ phù hợp để thiết kế, chế tạo, vận hành, phân tích/đánh giá một sản phẩm hay quá trình thuộc lĩnh vực KTHH nhằm đáp ứng các nhu cầu mong muốn với các điều kiện ràng buộc trong thực tế; b) Đánh giá các vấn đề và đưa ra giải pháp phù hợp của một quá trình công nghệ hóa học.

+ Kỹ năng: Kỹ năng cứng: a) Thiết kế, chế tạo, vận hành, phân tích/đánh giá sản phẩm hay quá trình thuộc lĩnh vực KTHH; b) Thành thạo sử dụng các phương pháp, kỹ

thuật cần thiết cho thực hành kỹ thuật. Kỹ năng mềm: a) Giao tiếp, trình bày, làm việc theo nhóm, nghiên cứu khoa học và kỹ năng thích ứng trong môi trường toàn cầu hóa; b) Xây dựng và giải quyết vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực KTHH.

+ Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, an ninh và quốc phòng, hình thành thói quen học tập suốt đời.

Vị trí việc làm của SV tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, NH có thể đảm nhiệm nhiều vai trò và vị trí khác nhau trong các cơ quan, công ty, xí nghiệp sau đây: Cán bộ nghiên cứu: nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực KTHH ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, nghề; Kỹ sư vận hành hay Đảm bảo chất lượng về: thiết kế, chế tạo, vận hành, phân tích sản phẩm hay quá trình thuộc lĩnh vực hóa học, hóa học ở các nhà máy, công ty, xí nghiệp; Cán bộ quản lý về: thiết kế, chế tạo, vận hành, phân tích sản phẩm hay quá trình thuộc lĩnh vực hóa học, hóa học ở các nhà máy, công ty, xí nghiệp [H1.01.01.02].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNKTHH được xác định rõ ràng và đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm và triển vọng việc làm trong tương lai của NH tốt nghiệp. CĐR đảm bảo tính cụ thể, phù hợp, đo lường được, khả thi và được cập nhật và điều chỉnh. Các điều chỉnh của CĐR đều được tham khảo các ý kiến của BLQ.

3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến đóng góp một cách đầy đủ của các BLQ về sự phù hợp của từng thành tố liên quan của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy điểm mạnh để điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh CĐR theo các lần điều chỉnh CTĐT. Từ năm học 2022-2023, Khoa KTHH thực hiện khảo sát các BLQ về sự phù hợp của từng thành tố liên quan của CĐR để có cơ sở điều chỉnh CĐR cho các đợt điều chỉnh định kỳ tiếp theo.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các BLQ như GV, cựu SV ngành ngành CNKTHH, các chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động [H1.01.01.13]. Các ý kiến này được thực hiện qua các phiếu khảo sát, qua các cuộc họp, qua trao đổi trực tiếp tại các buổi họp mặt, tại các buổi giới thiệu việc làm và tuyển dụng làm cơ sở xem xét chỉnh sửa để cải tiến CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các BLQ. CĐR còn được phản ánh thông qua nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CNKTHH [H1.01.03.01].

Bên cạnh đó, ý kiến về CĐR có thể thu nhận từ NH thông qua các buổi họp cố vấn học tập được tổ chức định kỳ 04 lần/học kỳ. Ngoài ra, các GV còn dựa trên kết quả đánh giá học phần (HP) của NH do TTQLCL của Trường ĐHCT thực hiện sau mỗi học kỳ, để ghi nhận ý kiến và cải tiến phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá nhằm đáp ứng CĐR.

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được rà soát và điều chỉnh thường xuyên để đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội [H1.01.01.02], [H1.01.01.04], [H1.01.01.12]. Chẳng hạn, CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được điều chỉnh 2019/2020 đã chú trọng các kỹ năng mềm để NH có thể đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể là các HP về ngoại ngữ chuyên ngành, phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, nhập môn kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, v.v. được bổ sung để cải thiện các kỹ năng mềm của NH, giúp NH hòa nhập tốt hơn vào thị trường lao động trong thời đại hội nhập. CĐR của chương trình 2022 cũng tiếp tục được cập nhật theo xu thế hiện tại như vận dụng kiến thức tin học để triển khai trực tuyến nhằm dần thích nghi với tình hình không học trực tiếp như dịch bệnh chẳng hạn. Sự điều chỉnh này được áp dụng ~8,5% khối lượng của chương trình bao gồm các học phần (Giáo dục QP&AN 1,2; Pháp luật ĐC, Cơ sở VHVN, Kỹ thuật xúc tác, Nhập môn công nghệ sinh học, Thiết kế & phân tích thí nghiệm, Tin học ứng dụng, Kỹ thuật chế biến cao su, Nhiên liệu sinh học, Kỹ thuật SX thủy tinh, Kỹ thuật SV VL silicat, Quản lý SX công nghiệp).

Ngoài ra, theo định kỳ 5 năm, trường ĐHCT điều chỉnh CĐR của CTĐT chung cho tất cả các ngành đào tạo trong toàn trường (K40, K45, K48) [H1.01.01.02], [H1.01.01.04], [H1.01.03.02]. CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được rà soát và điều

chỉnh dựa trên ý kiến của các BLQ đã thu thập theo định kỳ hàng năm thông qua email và các hội thảo. Khảo sát vị trí việc làm của NH tốt nghiệp cũng được thực hiện và phân tích kết quả. Đến năm 2019, CTĐT của K45 được điều chỉnh theo kế hoạch định kỳ dựa trên ý kiến các BLQ, CĐR của CTĐT ngành CNKTHH năm 2019 đã được điều chỉnh và thay đổi so với CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được ban hành năm 2015 (2015-2018). Đến năm 2020, căn cứ theo nghị định 99/1999/NĐ-CP ngày 29/12/2019 của chính phủ, thông tư 27 ngày 30/12/2019 của BGD&ĐT, CTĐT K45 và K46 được điều chỉnh bổ sung theo Hướng dẫn của Trường ĐHCT [H1.01.01.04], trong đó có điều chỉnh việc tăng tín chỉ HP tiêu luận TN tăng từ 4 lên 6, HP LVTN từ 10 lên 14 tín chỉ. CĐR CTĐT điều chỉnh năm 2021 cũng chú trọng kỹ năng cứng như tăng tổng tín chỉ từ 150 lên 161, trong đó chủ yếu tăng tín chỉ của các HP chuyên ngành, tăng cường thời gian thực tập tại nhà máy, doanh nghiệp lên 2.5 lần [H1.01.01.03]. Như vậy việc điều chỉnh giúp người học có được kỹ năng chuyên môn cao hơn. Bảng 1.1 so sánh cụ thể các thay đổi CĐR ở các lần điều chỉnh.

Bảng 1.1: So sánh CĐR của CTĐT ngành CNKTHH năm 2018, 2019/2020 và 2022

CĐR	So sánh CĐR		
	2018	2019/2020	2022
Khối kiến thức đại cương	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, pháp luật đại cương, về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ cơ bản	CĐR của CTĐT năm 2019/2020 yêu cầu Tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A - Quốc gia. CĐR của CTĐT năm 2019/200 yêu cầu tiếng Anh - B1 (theo khung tham chiếu 6 bậc của Châu Âu) và bổ sung thêm HP đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.	Về kiến thức khối đại cương không thay đổi so với CT 2020

	tương đương trình độ A Quốc gia.		
Khối kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức tổng quát và cơ sở liên quan đến công nghệ hóa học, hiểu được tác động của các giải pháp kỹ thuật lên bối cảnh xã hội toàn cầu.	Cách diễn đạt về CĐR của CTĐT năm 2019/2020 cụ thể ý hơn (2 nội dung thay vì 4 nội dung trong CĐR của CTĐT năm 2017)	Trong khối kiến thức cơ sở ngành được tăng số TC của một số môn cơ sở nên CĐR của chương trình cũng được tăng mức độ của CĐR như từ mức “nắm vững kiến thức” lên mức “vận dụng”
Khối kiến thức chuyên ngành	Kiến thức chuyên môn về các phương pháp phân tích, có kiến thức về các phương pháp thiết kế, và thi công một thành phần hoặc một quá trình liên quan lĩnh vực công nghệ hóa học	CĐR của CTĐT năm 2019/2020 chú trọng phần ứng dụng kiến thức để phân tích, thi công một hệ thống, một quá trình trong kỹ thuật hóa học	Trong khối kiến thức chuyên ngành được tăng số TC của nhiều môn chuyên ngành CNKTHH từ 23 TC và môn thực tập thực tế tăng TC từ 25 TC nên CĐR của chương trình cũng được tăng mức độ của CĐR như từ mức “nắm vững kiến thức” lên mức “vận dụng”
Kỹ năng	Trang bị các kỹ năng chuyên môn cần thiết để NH ứng dụng trong công việc về lĩnh vực CNKTHH	-CĐR năm 2019/2020 được đánh dấu bằng ký tự để có thể dễ dàng xây dựng ma trận giữa CĐR, mục tiêu và các HP.	Mô tả từ ngữ rõ nghĩa hơn

	và các kỹ năng mềm cơ bản để NH có thể thích ứng với xã hội.	-CĐR của năm 2019/2020 tập trung ý vào kỹ năng chuyên môn trong việc thiết kế/phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực CNKTHH/thành thạo sử dụng các phương pháp đã học; ngoài ra CĐR hướng tới kỹ năng mềm trong giao tiếp và thích ứng.	
Thái độ/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm bản thân	Các CĐR của CTĐT nhấn mạnh về tiêu chuẩn đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; nhận thức được sự cần thiết của việc học tập suốt đời.	Ý chính không thay đổi	Ý chính không thay đổi

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được công bố công khai trên Website của Trường ĐHCT [H1.01.01.15]. Đường dẫn của Website này cũng được chia sẻ lại trên Website của TBK và Khoa KTHH [H1.01.03.03]. CĐR của CTĐT cũng được in và lưu trữ ở Khoa KTHH, TBK và Phòng đào tạo để thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng. Mỗi tân sinh viên khi trúng tuyển được nhà trường giới thiệu bản mô tả CTĐT trong đó có CĐR. Ngoài ra trong kế hoạch đón tiếp tân sinh viên hàng năm, CĐR của CTĐT cũng được trình bày và giải thích rõ về mục tiêu và CĐR của CTĐT [H1.01.03.04]. CĐR còn được công bố rộng rãi qua các thông tin tuyển sinh [H1.01.03.05]. CĐR của CTĐT cũng được CVHT phổ biến và tư vấn chi tiết, cụ thể cho NH trong suốt quá trình học.

Nhìn chung, CĐR của CTĐT ngành CNKTHH đã phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch của Trường ĐHCT và được công bố công khai rộng rãi bằng các hình thức đa dạng và phương tiện khác nhau.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH đã được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến các yêu cầu của các BLQ và vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp; được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. CĐR của CTĐT được công bố công khai trên nhiều phương tiện thông tin.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là cựu SV chưa được thực nhiều như mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Trường ĐHCT tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Hội Cựu SV, để tăng cường trao đổi thông tin về mục tiêu và CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xây dựng theo hướng dẫn của BGDĐT, được thẩm định, ban hành theo quyết định chung của nhà trường và được định kỳ rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. Mục tiêu đào tạo của ngành CNKTHH được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của TBK, của trường ĐHCT và phù hợp với mục tiêu của GDĐH theo quy định Luật giáo dục hiện hành; được rà soát và điều chỉnh để đảm bảo sự rõ ràng theo yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện ở Việt Nam, tình hình thực tiễn của xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế; được công bố công khai cho NH và xã hội qua nhiều phương tiện thông tin.

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xác định rõ ràng, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Đồng thời, đảm bảo tính cụ thể, phù hợp, đo lường được, khả thi và định kỳ được cập nhật và điều chỉnh.

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH đã được xây dựng một cách khoa học, phản ánh được các yêu cầu của các BLQ và vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát và cập nhật để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức đa dạng và phương tiện thông tin khác nhau.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT ngành CNKTHH cũng gặp một số khó khăn nhất định. Cụ thể là việc lấy ý kiến phản hồi các BLQ nhất là cựu SV, nhà tuyển dụng lao động, v.v.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Kỹ thuật hoá học là một lĩnh vực khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu, phát triển các kiến thức nhiều lĩnh vực, kiến thức liên quan đến hoá học như khoa học máy tính, toán học, vật liệu, cơ khí, sinh học,... để ứng dụng vào quá trình sản xuất nhằm biến đổi và tạo ra các sản phẩm có giá trị cho sản xuất công nghiệp và đời sống xã hội. Ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học (CNKTHH) trang bị những kiến thức cơ bản và cơ sở khoa học để sinh viên hiểu biết nền tảng chung như: hoá hữu cơ, hoá vô cơ, hoá kỹ thuật, hoá dầu, tính toán thiết kế quá trình hoá học, cơ học chất lỏng, quá trình biến đổi khối lượng và năng lượng, công nghệ điện hoá, môi trường, kết cấu vật liệu và động lực học và kỹ thuật y sinh. Khối kiến thức trên giúp người học có khả năng tính toán, thiết kế, thi công một hệ thống, một phần hoặc toàn bộ quá trình trong lĩnh vực kỹ thuật hoá học nhằm đáp ứng nhu cầu trong công việc thực tế. Trong quá trình học, sinh viên còn được khuyến khích tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp hoặc công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Ngành CNKTHH là ngành nghiên cứu và triển khai các phương pháp chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghiệp như dầu khí, hoá chất, dược phẩm, mỹ phẩm, phân bón, chất tẩy rửa, vật liệu mới, vật liệu xây dựng, môi trường, chế biến thực phẩm, đồ uống, các sản phẩm sinh hoá... Kỹ sư hoá học có khả năng thực hiện vai trò nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, vận hành, hướng dẫn, đánh giá, điều chỉnh và quản lý các quá trình sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị thêm những kỹ năng mềm như: Kỹ năng về giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý điều hành và kỹ năng về nghiên cứu, đánh giá các quy trình công nghệ; giúp sinh viên ra trường thích nghi nhanh với môi trường làm việc thực tế.

CTĐT và các ĐCCT học phần của ngành CNKTHH được thiết kế để cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để SV có thể đáp ứng được những yêu cầu của lĩnh vực

KTHH và xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thống của Trường ĐHCT, cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết về mỗi CTĐT cho GV, SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, học sinh trong các hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Trường và phù hợp với các quy định của BGDĐT với đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ cải tiến và cập nhật. Trường ĐHCT ban hành mẫu Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần với thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, cấu trúc đảm bảo tính hợp lý và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như người quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Bản mô tả CTĐT chuyên ngành CNKTHH [H1.01.01.05] gồm đầy đủ các thông tin chính:

1. Thông tin chung: giới thiệu thông tin chung về CTĐT bao gồm tên ngành, chuyên ngành đào tạo, mã ngành, thời gian đào tạo, danh hiệu đạt được, đơn vị quản lý.
2. Mục tiêu đào tạo
3. Chuẩn đầu ra của chương trình bao gồm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân
4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp
5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp
6. Các CTĐT, tài liệu chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo
7. Khung CTĐT bao gồm thông tin về tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, phân bổ số tiết lý thuyết và số tiết học phần.

Ngày 01/12/ 1999, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ra quyết định cho phép Trường ĐHCT mở ngành Công nghệ hoá học, sau đó theo quyết định 511 ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đổi tên ngành thành Công nghệ kỹ thuật hoá học mã số 52.51.04.01 [H2.02.01.01]. Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 03

năm 2018 [H2.02.01.02], mã số ngành đào tạo CNKTHH được thay đổi từ 52.51.04.01 thành mã ngành ĐT CNKTHH mới là 75210401.

Ngày 26/9/2018, Trường ĐHCT ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, quyết định thành lập tổ thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học [H1.01.01.04] cho K45 và tiểu ban chuyên môn điều chỉnh CTĐT cho K48 năm 2021 [H1.01.01.10], căn cứ dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh CTĐT trình độ đại học áp dụng từ Khóa 45 [H1.01.01.04] và cho K48 [H1.01.01.10], đưa ra hướng dẫn điều chỉnh CTĐT cho K45 [H1.01.01.04] và cho K48 [H1.01.01.10]. Trong bảng hướng dẫn điều chỉnh CTĐT có nêu rõ một số vấn đề cần lưu ý khi rà soát điều chỉnh xây dựng chương trình mới, đặc biệt là: sử dụng ma trận mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra và giữa học phần với chuẩn đầu ra; điều chỉnh viết chuẩn đầu ra về kiến thức kỹ năng và thái độ theo thang đo.

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT, ngày 29 tháng 05 năm 2020 [H1.01.01.01], của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học được sửa đổi với 150 tín chỉ với thời gian đào tạo 4.5 năm, bản mô tả CTĐT được điều chỉnh với những thông tin mới nhất như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo;

Giới thiệu các thông tin chung về CTĐT bao gồm: tên ngành, chuyên ngành đào tạo, mã ngành được chuyển đổi từ mã số 52.51.04.01 thành mã số 75210401, thời gian đào tạo, danh hiệu đạt được, đơn vị quản lý, đối tượng tuyển sinh, thang điểm đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Chương trình tham khảo khi xây dựng theo luật Giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hoá học của trường Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hoá học của trường Đại học NTUST, Đài Loan. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hoá học của trường Đại học Nanyang Technological University, Singapore. Việt Nam.

(2) Mục tiêu của CTĐT;

(3) Chuẩn đầu ra của chương trình bao gồm chuẩn đầu ra về kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân;

(4) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

(5) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp;

(6) Các CTĐT, tài liệu chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo;

(7) Khung CTĐT bao gồm thông tin về tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, phân bổ số tiết lý thuyết và số tiết học phần, dự kiến học kỳ thực hiện Bản mô tả CTĐT của ngành CNKTHH được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan một cách thường xuyên.

Căn cứ theo thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định về chất lượng đào tạo của các trường đại học, ngày 11/3/2022, Trường ĐHCT ban hành quyết định 597 thành lập hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học trình độ đại học [H2.02.01.03]. Căn cứ theo công văn số 48/QLCL ngày 16/7/2021 Trường Đại học Cần Thơ thành lập các Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng KHĐT nhiệm kỳ 2021-2022, Trường ĐHCT đề cử thành viên Tổ điều chỉnh CTĐT, ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, quyết định thành lập tổ Thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học. Trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh CTĐT trình độ đại học áp dụng từ Khóa 45 [H1.01.01.04], đưa ra hướng dẫn điều chỉnh CTĐT. Trong bảng hướng dẫn điều chỉnh CTĐT có nêu rõ một số vấn đề cần lưu ý khi rà soát điều chỉnh xây dựng chương trình mới, đặc biệt là: sử dụng ma trận mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra và giữa học phần với chuẩn đầu ra; điều chỉnh viết chuẩn đầu ra về kiến thức kỹ năng và thái độ theo thang đo.

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTHH được hướng dẫn điều chỉnh từ năm 2020 [H2.02.01.04] cơ bản gồm đầy đủ các thông tin. Tuy nhiên có một số điểm điều chỉnh như tăng số môn học thay thế Luận văn tốt nghiệp và tăng số tín chỉ LVTN theo quy định chung và bắt buộc của Trường nhằm tăng chất lượng LVTN cũng như tăng chất lượng đầu ra cho SV.

Đến năm 2022, Bản mô tả CTĐT ngành CNKTHH [H2.02.01.05] được hướng dẫn điều chỉnh từ năm 2022 cơ bản gồm đầy đủ các thông tin. Một số điểm mới nổi bật so với Bản trước như tăng khối lượng kiến thức toàn khoá lên 161 tín chỉ điều chỉnh cho 2 khối kiến thức (cơ sở ngành và chuyên ngành) và tăng số tín chỉ LVTN lên 15 tín. Những

thay đổi CTĐT dựa trên những yêu cầu của tình hình mới và Hội đồng thẩm định chỉ nhằm tăng chất lượng đào tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp của SV [H2.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin và nội dung thuận tiện cho việc quản lý và thực hiện chương trình, cũng như giúp người dạy và người học có hướng dẫn cụ thể rõ ràng trong quá trình dạy và học. Đồng thời, thông tin và nội dung trong bản mô tả CTĐT được cung cấp và cập nhật thường xuyên cho các bên liên quan nhằm đáp ứng được nhu cầu đào tạo ở nhà trường gắn liền với thực tế hoạt động dịch vụ sản xuất của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù CTĐT được thiết kế logic, khoa học đáp ứng chuẩn đầu ra tuy nhiên do hiện chưa có sinh viên tốt nghiệp nên chưa có được ý kiến của các bên liên quan được biệt là người sử dụng lao động và từ đó chỉnh sửa cập nhật cho tốt hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, đơn vị quản lý ngành triển khai thực hiện rà soát Bản mô tả CTĐT hằng năm để việc cập nhật được thực hiện hằng năm.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành CNKTHH [H2.02.02.01] có đầy đủ các thông tin như sau:

(1) Thông tin về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân chia số tiết học phần (lý thuyết/ thực hành/tự học...).

(2) Đơn vị phụ trách học phần: Khoa, Bộ môn.

(3) Điều kiện: tiên quyết và song hành của học phần.

(4) Mục tiêu học phần: mô tả mục tiêu tổng quát về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và thái độ; mục tiêu học phần được xây dựng dựa trên ma trận mối quan hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học [H2.02.02.02].

(5) CDR [H2.02.02.03] hay kết quả học tập mong đợi của người học (Course-level student Learning Outcomes/Course Outcomes) được xác định rõ ràng và đo lường được

cho cả các nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm cần có được.

(6) Mô tả tóm tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung khái quát nhất về các nội dung chính và logic của các phần nội dung của học phần.

(7) Cấu trúc nội dung học phần: nêu rõ từng chương mục, cụ thể tới 3 cấp. Bao gồm cả mô tả rõ sự phân bố các nội dung dạy học theo tuần, số tiết của mỗi hình thức dạy học (lý thuyết, thực hành...); chỉ ra nội dung tương ứng đáp ứng CĐR hay mục tiêu nào của học phần.

(8) Phương pháp dạy học: nêu những phương pháp dạy học được sử dụng để giảng dạy học phần.

(9) Nhiệm vụ của SV: nêu rõ nhiệm vụ của SV khi tham gia học phần, quy định cụ thể số tiết lý thuyết, số tiết thực hành SV bắt buộc phải tham dự, các kỳ thi SV bắt buộc phải thực hiện để đủ tiêu chuẩn xem xét hoàn thành học phần.

(10) Đánh giá kết quả học tập của SV: nêu rõ các hình thức đánh giá học phần, điểm thành phần của từng hình thức đánh giá, quy định, trọng số của mỗi hình thức đánh giá. Cũng như chỉ rõ hình thức đánh giá đó nhằm đáp ứng CĐR hay mục tiêu nào của học phần.

(11) Tài liệu học tập: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu. Mỗi tài liệu có kèm theo mã số đăng ký cá biệt và số phân loại trong hệ thống Thư viện trường.

(12) Hướng dẫn SV tự học: chỉ ra rõ tương ứng từng chương mục của học phần, SV cần chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ này.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP của ngành CNKTHH được phê duyệt và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố trên website của Trường [H2.02.02.04], Trường Bách khoa [H2.02.02.05], [H2.02.02.06] và giới thiệu trực tiếp với tân sinh viên trong buổi sinh hoạt đầu khóa của Khoa Kỹ thuật hoá học và CVHT [H2.02.02.07] để thông tin dễ tiếp cận cho các bên liên quan như SV, người sử dụng lao động và phòng ban. Từ đó, Khoa KTHH sẽ nhận các ý kiến của các BLQ qua các phiếu khảo sát về CTĐT cũng như ĐCCT học phần [H2.02.02.08]. Từ đó, Khoa sẽ dựa trên các biên bản lấy ý kiến các BLQ thay đổi phù hợp CTĐT và ĐCCT HP nhằm tăng cường chất lượng đào tạo và sát với nhu cầu thực tế, từ đó các tổ chuyên môn của Khoa đánh giá và đưa ra các điều chỉnh về CTĐT và ĐCCT HP cho các Khóa sau [H2.02.02.09].

Sau khi tổng hợp ý kiến các BLQ, Trường ĐHCT sẽ ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT [H2.02.02.10], tổ thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học [H2.02.02.11], [H2.02.02.12] và kế hoạch điều chỉnh CTĐT trình độ đại học áp dụng cho các khoa tiếp theo [H2.02.02.12].

Trường ĐHCT ban hành mẫu đề cương chi tiết học phần gồm 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt dành cho CTĐT trình độ đại học năm 2017 [H2.02.02.13]. Tất cả đề cương chi tiết môn học trong CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường. Đề cương chi tiết học phần K45 [H2.02.02.14] và Khoá 48 [H2.02.02.01] có một số điểm điều chỉnh và bổ sung như sau: mục tiêu học phần được cập nhật tương ứng với CDR; CDR của HP [H2.02.02.15] là sự chi tiết hóa mục tiêu học phần mà người học cần đạt và được xây dựng dựa trên thang năng lực nhận thức của Bloom; cấu trúc nội dung học phần được cập nhật để đáp ứng CDR tương ứng; hình thức đánh giá kết quả học tập của SV được nêu rõ ràng và cụ thể tương ứng với CDR của HP; tài liệu học tập của SV được hướng dẫn cụ thể giúp SV dễ dàng tìm kiếm trong hệ thống thư viện trường. Những thay đổi trên giúp cho việc đánh giá được CDR của HP cũng như đánh giá sự đáp ứng của nội dung dạy học với mục tiêu và CDR của CTĐT. Những thay đổi ĐCCT dựa trên những thay đổi của CTĐT nhằm tăng chất lượng đào tạo và phù hợp với tình hình mới [H2.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đầy đủ thông tin, được viết rõ ràng và khoa học đảm bảo cung cấp đầy đủ nội dung để người học và người dạy được thuận tiện trong quá trình học tập, cũng như giúp các bên liên quan dễ theo dõi, giám sát và hỗ trợ quá trình dạy và học của GV và SV. Đề cương chi tiết được rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu đổi mới của lĩnh vực kỹ thuật hoá học.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về việc đánh giá đề cương chi tiết học phần làm cơ sở điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục lấy thông tin phản hồi về đề cương chi tiết học phần từ các bên liên quan để cải tiến đề cương chi tiết học phần đáp ứng thị trường lao động.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận

1. *Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP của ngành CNKTHH được phê duyệt [H2.02.03.01], và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố trên website của Trường [H2.02.02.04]; Trang thông tin điện tử của CSGD/trường Bách khoa [H2.02.02.05] công bố công khai CDR của CTĐT giới thiệu trực tiếp với tân sinh viên trong buổi sinh hoạt đầu khóa với các tờ rơi, tài liệu quảng bá về CTĐT, môn học, bản tin [H2.02.02.06], [H2.02.02.07] sinh hoạt và tư vấn của CVHT với SV [H2.02.03.02]. Ngoài ra, từng GV phụ trách HP sẽ giới thiệu đề cương chi tiết của HP ngay buổi học đầu tiên của HP. Việc công bố công khai trên hệ thống website của Trường tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan có thể tiếp cận vào bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT và các thông tin liên quan đến ngành CNKTHH được tổng hợp và đăng tải trên kênh thông tin tuyển sinh của Trường [H2.02.03.03] tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh và học sinh tiếp cận thông tin dễ dàng.

2. *Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau nên người học, người dạy, cũng như nhà tuyển dụng lao động và cựu SV có thể tiếp cận dễ dàng.

3. *Điểm tồn tại*

CTĐT đã được nhà công bố đầy đủ thông tin trên các phương tiện thông tin điện tử của Trường. Tuy nhiên Nhà cần đẩy và quảng bá mạnh hơn nữa CTĐT trên phương tiện truyền thông như các website và cổng thông tin bên ngoài Trường.

4. *Kế hoạch hành động*

Tăng cường tiếp cận với các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau để giới thiệu bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

5. *Tự đánh giá*

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT chứa đựng đầy đủ thông tin và đề cương chi tiết học phần được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ thông tin cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy,

người học, đồng thời cũng cung cấp thông tin đầy đủ cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung và được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để bổ sung và điều chỉnh bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần chưa được thực hiện bài bản, chuyên nghiệp và định kỳ. Ngoài ra, cần tăng cường giới thiệu bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nữa.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học (CNKTHH) được thiết kế hợp lý, phù hợp với các quy định về xây dựng CTĐT của Trường ĐHCT. Bên cạnh, CTDH được thiết kế dựa trên mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học nhằm đáp ứng kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (CTĐT) của ngành CNKTHH từ đó ứng tối đa nhu cầu nhân lực liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật hóa học cho khu vực ĐBSCL nói riêng và trong phạm vi cả nước nói chung. Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập (KQHT) được được thiết kế và sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CĐR của từng học phần và CĐR chung CTĐT.

Cấu trúc và nội dung giảng dạy các học phần được phân bố logic, theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu và cũng linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH nhằm đáp ứng mục tiêu chung của CĐR. Đồng thời, CTDH ngành CNKTHH được rà soát thường xuyên định kỳ, theo quy định của nhà trường dựa trên các góp ý của các bên liên quan như người học, giảng viên nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể. CTDH được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Trong đó, mục tiêu tổng quát của CTDH nhấn mạnh việc đào tạo NH nhằm đạt được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng phát triển hệ thống kỹ năng, thái độ cũng như khả năng tự học từ đó thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến các hoạt động sản xuất, nghiên cứu liên quan các lĩnh vực thuộc kỹ thuật hóa học. Ngoài ra CTDH được thiết kế cho NH có khả năng

tham gia và làm chủ hoạt động sản xuất trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở thời đại 4.0 và có khả năng hội nhập quốc tế. Mục tiêu cụ thể được thiết kế trong từng học phần giúp NH từng bước đạt được những nội dung được nêu trong mục tiêu tổng quát.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) ngành CNKTHH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH và được thực hiện dựa theo mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ Đại học ngành CNKTHH [H1.01.01.14]. CTDH của ngành CNKTHH được trình bày gồm 04 nội dung bao gồm: (1) Cấu trúc chương trình dạy học; (2) Khung chương trình đào tạo; (3) Kế hoạch dạy học; (4) Mô tả tóm tắt các học phần; (5) Phương pháp giảng dạy và học tập; (6) Phương pháp đánh giá.

(1) Cấu trúc CTDH là toàn bộ khối lượng kiến thức gồm 161 TC mà NH cần đạt được. Cấu trúc CTĐT bao gồm 03 khối kiến thức: giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Số tín chỉ mà NH cần đạt được tương ứng cho từng khối kiến thức cũng được đề cập. Trong đó, khối kiến thức đại cương là 51 TC (chiếm 31,7% với 36 TC bắt buộc và 15 TC tự chọn); cơ sở ngành là 39 TC (chiếm 24,2% với 32 TC bắt buộc và 7 TC tự chọn); và chuyên ngành là 71 TC (chiếm 44,1% với 31 TC bắt buộc và 40 TC tự chọn).

(2) Khung chương trình đào tạo thể hiện chi tiết số lượng môn học và số tín chỉ của từng môn học trong CTĐT ở tất cả các khối kiến thức.

(3) Kế hoạch dạy học được bố trí hợp lý rõ ràng qua từng học kỳ từ giúp người học có thể dễ dàng sắp xếp KHHT toàn khóa cho mình và đồng thời dễ dàng chọn lựa đăng ký các HP cụ thể cho từng học kỳ nhằm đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức NH cần đạt 161 TC trong tổng thời gian đào tạo 4,5 năm.

(4) Mô tả tóm tắt các học phần giúp NH nắm được khái quát về nội dung các HP mình được học, điều này giúp NH dễ dàng lựa chọn các nội dung phù hợp với năng lực và yêu thích của mình ở các môn tự chọn từ đó điều chỉnh lại KHHT toàn khóa được đề xuất (mục 4 phần II) [H1.01.01.14]. Các nội dung của các môn học được thiết kế phù hợp để đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR trong CTĐT của ngành CNKTHH và được

thể hiện qua Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR CTĐT (mục 5 phần I) [H1.01.01.14].

Mối quan hệ giữa các 107 HP của chương trình dạy học và chuẩn đầu ra được thống kê qua Bảng 3.1. Trong đó, 32 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1a); 5 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1b); 14 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1c); 22 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2a); 8 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2b); 46 HP góp phần đáp ứng khối kiến thức chuyên ngành (2.1.1a,b); 49 HP góp phần đáp ứng kỹ năng cứng (2.2.1a); 22 HP góp phần đáp ứng kỹ năng cứng (2.2.1b); 104 HP góp phần đáp ứng kỹ năng mềm (2.2.2a); 62 HP góp phần đáp ứng kỹ năng mềm (2.2.2b) và 107 HP góp phần đáp ứng mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3).

Bảng 3.1: Thống kê số lượng HP góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức (2.1)							Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		
	a	b	c	a	b	a	b	a	b	a	b	
1a	x		x									
1b	x									x	x	x
1c		x		x	x	x	x	x	x			
1d						x	x	x	x			
Số HP	32	5	14	22	8	46	46	49	22	104	62	107

(5) Phương pháp giảng dạy và học tập được đề cập trong CTDH một cách tổng quát và tùy theo đặc trưng của từng HP sẽ có phương pháp giảng dạy phù hợp [H03.02.02]. Trong đó, cụ thể các phương pháp giảng dạy và học tập sẽ được đề cập một cách chi tiết trong từng HP cụ thể [H1.01.01.03]. Trong đó bao gồm các phương pháp: 1/ Phương pháp diễn giảng; 2/ Phương pháp dạy theo dự án; 3/ Phương pháp dạy theo tình huống;

4/ Phương pháp dạy theo giải quyết vấn đề; 5/ Phương pháp dạy thực hành. Các phương pháp giảng dạy được thực hiện dựa theo mục 2.2 Chương 2 của quyền “Sổ tay giảng viên” do trường ĐHCT ban hành 06-2010 [H03.01.01]. Người dạy hay giảng viên phải đạt trình độ, năng lực phù hợp và đúng theo quy định của Bộ GDĐT [H03.01.02]; phải được tiếp cận các PPDH tích cực khác nhau thông qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ [H03.01.03]. Ngoài ra, các PPDH được GV lựa chọn và xây dựng tổ hợp ít nhất 02 PPDH để phù hợp với nội dung của từng HP và được thể hiện rõ ở mục 8 trong ĐCCT của mỗi HP của ngành CNKTHH [H1.01.01.03].

Nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, các phương pháp giảng dạy đều được áp dụng cho các học phần trong chương trình dạy học. Trong đó, 89 HP áp dụng phương pháp thuyết giảng; 6 HP dạy theo dự án; 26 HP dạy theo tình huống; 10 HP dạy theo giải quyết vấn đề và 21 HP dạy bằng thực hành. Tỷ trọng các phương pháp giảng dạy và học tập phổ biến áp dụng trong CTDH ngành CNKTHH cụ thể như sau: thuyết giảng (85%); dạy theo dự án (6%), dạy theo tình huống (24%, dạy giải quyết vấn đề (7%) và dạy bằng thực hành (13%).

Kí hiệu	Phương pháp giảng dạy	Số HP sử dụng các phương pháp giảng dạy
1	Thuyết giảng	89
2	Dạy theo dự án	6
3	Dạy theo tình huống	26
4	Dạy theo giải quyết vấn đề	10
5	Dạy bằng thực hành	21

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của NH cũng được xác định nhằm đảm bảo giúp NH đạt được các CĐR. Trong tất cả 107 học phần trong CTDH ngành CNKTHH, NH được đánh giá thông qua năm hình thức: (1) tự luận/trắc nghiệm/thảo luận nhóm, (2) vấn đáp, (3) thuyết trình/viết báo cáo, (4) bài tập cá nhân/bản vẽ/bài tập nhóm, (5) kiểm tra thực hành/thực tập.

Kí hiệu	Phương pháp kiểm tra/Đánh giá	Số HP sử dụng các phương pháp đánh giá
1	Tự luận/trắc nghiệm/thảo luận nhóm	90

2	Vấn đáp	6
3	Thuyết trình/viết báo cáo	11
4	Bài tập cá nhân/bản vẽ/bài tập nhóm	10
5	Kiểm tra thực hành/thực tập	15

Trong 107 HP có 90 HP sử dụng phương pháp Tự luận/trắc nghiệm/thảo luận nhóm; 6 HP sử dụng phương pháp vấn đáp; 11 HP sử dụng phương pháp thuyết trình/viết báo cáo; 10 HP sử dụng phương pháp Bài tập cá nhân/bản vẽ/bài tập nhóm và 15 HP sử dụng phương pháp Kiểm tra thực hành/thực tập. Ngoài ra, tùy theo đặc điểm từng học phần mà có chọn phương pháp kiểm tra/đánh giá riêng lẻ hay kết hợp với nhau phù hợp nhằm góp phần đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy của quá trình đánh giá KQT của NH và đạt CDR.

CTDH được phân công cho giảng viên một cách hợp lý và đúng chuyên môn. Các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm/đánh giá được ban hành dưới dạng sổ tay đến sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên nắm rõ và dễ dàng tiếp thu nội dung trong quá trình học tập [H3.03.01.01]. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy điều phải đạt tiêu chuẩn theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo [H3.03.01.02]. Các cán bộ giảng dạy nếu chưa đạt chuẩn phải tham gia các khóa bồi dưỡng nhằm đạt chuẩn để nâng cao khả năng truyền đạt và giảng dạy [H3.03.01.03]. Ngoài ra, những vấn đề chung liên quan đến chương trình đào tạo, chương trình giảng dạy, kế hoạch học tập và thời gian học được ban hành theo công tác học vụ dành cho sinh viên đại học chính quy qua từng năm học [H3.03.01.04].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế rõ ràng có sự thống nhất và kết hợp chặt chẽ, khoa học, cùng với các nội dung bám sát mục tiêu CDR đề cập trong CTĐT. Ngoài ra, tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong các học phần được thiết kế phù hợp và bám sát mục tiêu CDR.

3. Điểm tồn tại

Giảng dạy theo phương pháp thuyết giảng và đánh giá theo phương pháp tự luận/trắc nghiệm/thảo luận nhóm được sử dụng thường xuyên và chiếm phần lớn các học phần. Vì thế, cần đa dạng hơn các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đáp ứng tốt hơn nữa CDR.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ lấy ý kiến các BLQ về nhu cầu của thị trường lao động để cập nhật CTDH và đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra/đánh giá. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho tất cả GV về PPDH mới để nâng cao hiệu quả trong công tác dạy – học.

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của tất cả 107 học phần trong ngành CNKTHH đều thiết kế rõ ràng thể hiện sự tương thích về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra/đánh giá từ đó thể hiện được sự đóng góp cụ thể trong việc đạt được mục tiêu CĐR. CTDH ngành CNKTHH có sự cân đối cao và đảm bảo tính logic trong quá trình thiết kế các nhóm môn học phần. Trong đó, khối kiến thức GD đại cương 51 TC (chiếm 31,6%), Khối kiến thức cơ sở ngành 39 TC (chiếm 24,2%) và khối kiến thức Chuyên ngành 71 TC (chiếm 44,2%) [H1.01.01.14].

CTDH được thực hiện trong 4,5 năm được phân bố trong 9 học kỳ và các môn học được sắp xếp một cách hợp lý cho từng học kỳ về mặt thời gian cũng như tính logic giữa các học phần và được phân công cán bộ một cách rõ ràng [H3.03.02.01].

Bên cạnh đó, Chương trình giảng dạy còn thiết kế các học phần tương đương nhằm cho sinh viên có thể tự cho thay thế như 15 TC tự chọn trong 51 TC thuộc nhóm kiến thức đại cương; 7 TC tự chọn trong 39 TC thuộc nhóm cơ sở ngành; và 36 TC tự chọn trong 71 TC thuộc nhóm chuyên ngành từ đó cho thấy CTDH của ngành CNKTHH có sự linh hoạt chọn lựa cho quá trình học tập của sinh viên đồng thời cũng đảm bảo CĐR. Tất cả các HP trong khung CTDH đều đảm bảo sự tương thích về nội dung, và thể hiện sự đóng góp cụ thể qua ma trận các kỹ năng (mục 5.2 phần I) [H1.01.01.14].

Cơ cấu các khối kiến thức trong CTDH là hợp lý, đáp ứng triết lý giáo dục chung của Trường và CĐR ngành CNKTHH. Kiến thức Giáo dục trong khối đại cương kết hợp với kiến thức của khối cơ sở ngành và kiến thức của chuyên ngành đảm bảo tính hiệu quả trong việc trang bị cho NH một nền tảng kiến thức từ rộng đến hẹp, từ cơ bản đến chuyên sâu cùng với sự phát triển các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp.

CTDH trong khối kiến thức đại cương nhằm cung cấp người học các kiến thức về xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng, sức khỏe, khả năng ngoại ngữ và một số học phần về khoa học tự nhiên từ đó có thể giúp cho người học dễ dàng tiếp cận khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành CNKTHH. Đặc biệt về chuyên ngành CTDH trung vào đào tạo sâu về các kiến thức và kỹ năng liên quan đến ngành CNKTHH như có hiểu biết các quá trình truyền nhiệt, truyền khối, các phương pháp phân tích hóa học, các quá trình hóa học; khả năng vận hành thiết bị, nhà máy và thiết kế sản xuất các loại thiết bị hóa chất sản xuất các loại vật liệu như polymer - composite, ceramic, xi măng, hương liệu, mỹ phẩm, thực phẩm hay dược phẩm. Trong đó chương trình giảng dạy và nội dung của các môn học có quan hệ chặt chẽ và góp phần đạt được CĐR theo ma trận kỹ năng [H1.01.01.14]

100% các học phần trong CTDH (107 học phần) đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá, phương pháp dạy và học phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.02]. Các học phần được dạy dạy theo dự án sẽ được đánh giá theo phương án (1) tự luận/trắc nghiệm/thảo luận nhóm hoặc kết hợp với thuyết trình và báo cáo. Các học phần liên quan đến thực nghiệm các phương pháp vấn đáp, viết báo cáo được sử dụng như vậy phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được sử dụng rất linh hoạt và phù với từng môn học. Nhìn chung, đối với phương pháp dạy và học, bản mô tả CTDH cho thấy từng học phần cụ thể được GV áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đáp ứng CĐR của môn học phần, mục tiêu và CĐR của CTĐT.

Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy kiến phản hồi của các BLQ. Nội dung của tất cả các HP của ngành CNKTHH đều thể hiện việc đạt được CĐR của HP được nêu rõ trong mục 7 của ĐCCT từng HP [H1.01.01.03]. Mỗi học kỳ (HK), Trường ĐHCT tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về việc tổ chức giảng dạy từng HP mà NH đang học trong CTĐT bằng phương pháp trực tuyến [H3.03.02.03], [H3.03.02.01], [H3.03.02.01]. Trong đó, NH được khảo sát và phản hồi mức độ hài lòng về việc tổ chức giảng dạy lớp HP như: mục tiêu và nội dung HP, phương pháp dạy học, hình thức đánh giá HP. Từ kết quả phản hồi, GV sẽ tiến hành điều chỉnh, cải tiến nội dung, PPDH và đánh giá đối với HP mình đang giảng dạy. Như vậy, NH đã được tham gia vào quá trình cải tiến nội dung, PPDH và đánh giá đối với từng HP nhằm đạt được CĐR mong muốn của HP, từ đó góp phần đạt CĐR của CTDH. Trước năm

2022 thì số lượng phản hồi của người học rất ít nên việc đánh giá rất khó khăn. Vì vậy Trường đã thực hiện yêu cầu về việc góp ý của SV đối với HP phải được thực hiện thì SV mới biết được kết quả học tập của HP. Sau năm 2022 thì số lượng SV phản hồi đã tăng lên đáng kể.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xác định rõ ràng. CTDH được phân bố hợp lý và các học phần được thiết kế có sự gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng, chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Số ý kiến phản hồi của NH về tổ chức các lớp HP còn chưa nhiều, dẫn đến nhiều HP chưa được đánh giá đầy đủ. Phương pháp thuyết giảng được sử dụng thường xuyên và chiếm phần lớn các học phần. Cần đa dạng hơn các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra/đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Đơn vị quản lý ngành học lên kế hoạch lấy ý kiến một cách thường xuyên hơn và mở rộng phạm vi lấy ý kiến đến các BLQ khác như cựu SV, nhà tuyển dụng khi ngành. Trường tiếp tục thực hiện yêu cầu góp ý của SV mới kiểm tra được kết quả học tập. Trên cơ sở góp ý của SV, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV cải tiến nâng cao chất lượng CTDH

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNKTHH được xây dựng dựa trên các văn bản quy định về chất lượng đào tạo giáo dục đại học của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. CTDH ngành CNKTHH được thực hiện trong tổng thời gian đào tạo là 4,5 năm bao gồm 161 TC với 99 TC bắt buộc (61,5%) và 62 TC tự chọn (39,5%). Cho thấy, CTDH ngành CNKTHH có sự phân bố hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH ngành CNKTHH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các

học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong đó, khối kiến thức đại cương là 51 TC (chiếm 31,7% với 36 TC bắt buộc và 15 TC tự chọn); cơ sở ngành là 39 TC (chiếm 24,2% với 32 TC bắt buộc và 7 TC tự chọn); và chuyên ngành là 71 TC (chiếm 44,1% với 31 TC bắt buộc và 40 TC tự chọn) [H1.01.01.14].

CTDH ngành CNKTHH có cấu trúc, trình tự logic thể hiện thông qua sơ đồ tuyển môn học [H3.03.03.01] từ đó giúp NH dễ dàng lập KHHT toàn khóa trong suốt quá trình học tập. Trong sơ đồ tuyển môn học, các HP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP GD đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp CTĐT ngành CNKTHH trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc CTDH được phân bố theo các HP như sau:

Trong học kỳ 1 năm thứ nhất, NH được bố trí hoàn thành 6TC gồm các HP không tính TC như 4 học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (QP006-QP009) và các học phần đại cương khối ngành như Cơ & Nhiệt ĐC (TN014), Hóa đại cương (TN019) và TT. Hóa đại cương (TN020). Trong học kỳ 2, NH tiếp tục bố trí hoàn thành 18 TC phân bố trên 8 học phần gồm: Giáo dục thể chất 1 (TC100), Tin học căn bản (TN033), Triết học M-LN (ML014), Anh văn CB 1 (XH023), Đại số tuyến tính (TN013), Vi- tích phân (TN099), An toàn PTN (KC113), và Hóa học vô cơ (TN119).

Trong năm học thứ hai (học kỳ 3 và 4), NH được bố trí hoàn thành 36 TC gồm các HP thuộc nhóm đại cương như Giáo dục thể chất 2-3 (TC1002), T. Tin học căn bản (TN034), Kinh tế CT M-LN (ML016), CNXH Khoa học (ML018), Anh văn CB 2-3 (XH024, XH025), Hóa hữu cơ (TN121), TT. Hóa hữu cơ (TN122) và TT. Hóa vô cơ (TN120). Bên cạnh NH sẽ hoàn thành 05 học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như: Hóa lý: Nhiệt Động Hóa học (KC140), Truyền khối – CNHH (CN561), TB CLC&VLR (CN232), Hóa phân tích (TN125) và Hóa lý: ĐH & ĐHH (KC141) .

Trong năm thứ 3 (học kỳ 5 và 6), NH được bố trí hoàn thành 37 TC. Trong đó cần phải hoàn thành một HP thuộc khối kiến thức đại cương là Lịch sử ĐCS VN (ML019), Anh văn CM (CN166), Pháp luật ĐC (KL001), Tư tưởng HCM (ML021). Bên cạnh, NH tiếp tục được cung cấp chủ yếu khối kiến thức cơ sở ngành như: Hình họa & Vẽ KT-CK (CN132), Kỹ thuật phản ứng (CN231), QTTB T.Nhiệt (KC361), Đồ án CN – CNHH (CN490), TT. Hóa phân tích (TN126), TT. Hóa lý kỹ thuật (KC142), TT. QTTB CNHH (CN233), CSTK Máy & TB HC (KC325), và Các PP PTHĐ (CN564). Việc tập

trung hoàn thành hệ thống khối kiến thức cơ sở ngành tạo cơ sở vững chắc cho NH tiếp tục hoàn thành các HP chuyên ngành hướng đến các CĐR liên quan đến năng lực của kỹ sư ngành CNKTHH trước khi tốt nghiệp.

Năm thứ tư học kỳ 7 và 8, NH được bố hoàn thành 35 TC, chỉ còn tập trung vào các học phần thuộc khối kiến chuyên ngành nhằm tăng cường tối đa khả năng đạt CĐR. Các học phần gồm: 16TC: Đồ án QTTB (CN491), TT. Các PP PTHĐ CN565, Kỹ thuật xúc tác (CN236), Đồ án TK&CTSP (CN197) và TT tại nhà máy (KC146). CTDH bố trí nhiều các học phần tự chọn và ít có môn tiên quyết tạo điều kiện cho NH linh hoạt trong chọn lựa các HP để hoàn thành và đa dạng hóa các kiến thức và kỹ năng của NH từ đó đảm bảo NH tốt nghiệp đúng tiến độ và đạt CĐR

Học kỳ 9 (học kỳ cuối), NH chỉ tập trung hoàn thành HP luận văn tốt nghiệp (KC518) 15 TC và đây là học phần rất quan trọng có ảnh hưởng việc đạt các CĐR liên quan đến năng lực nghề nghiệp của ngành CNKTHH. Tuy nhiên, NH cũng có thể thay thế bằng việc thực hiện HP Tiểu luận tốt nghiệp-CNKTHH (KC398) 6 TC và học thay thế 9 TC đảm bảo đủ ít nhất 15 TC để thay thế cho học phần Luận văn tốt nghiệp. Trong đó, 9 TC thay thế có thể tự chọn ít nhất 4 trong 9 học phần gồm: Quản lý sản xuất công nghiệp (CN340E), Quản lý kỹ thuật bảo trì công nghiệp (CN414), Quá trình và thiết bị công nghiệp (CN403), Quản lý dự án công nghiệp (CN201), Công nghệ sản xuất sạch (CN419), Hóa học ứng dụng (TN300), Kiểm nghiệm dược và thực phẩm (TN328), Hóa học chất kích thích và BVTV (CN247), và Năng lượng tái tạo và quản lý KC363).

CTDH và CTĐT còn được định kỳ thường xuyên họp và điều chỉnh theo chỉ đạo và hướng dẫn của nhà Trường [H1.01.01.07], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11] cùng với các góp ý của các bên liên quan [H1.01.01.09], [H1.01.01.12] cho phù hợp tình hình thực tế đào tạo và cũng nhằm đạt tiêu CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao đáp ứng xu hướng phát triển

3. Điểm tồn tại

Mặc CTDH được thiết kế tốt nhất nhằm có thể đạt CĐR tuy nhiên CTDH còn nặng về lý thiết cần bổ trí thêm các học phần tại nhà máy

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023 trở đi, trong mỗi đợt rà soát và điều chỉnh CTDH sẽ lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động và Nhà Trường sẽ chỉ đạo TBK tiến hành tham khảo các CTĐT tiên tiến ở trong nước và trên thế giới, lập bảng so sánh và phân tích để làm cơ sở rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 3

CTDH luôn chú trọng đến tính logic và tính hệ thống của các học phần của ngành CNKTHH nhằm giúp NH có khả năng tiếp cận khối kiến thức theo nguyên tắc từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành cơ bản được thiết kế linh hoạt, không gây cản trở cho NH trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả.

Ngoài ra, CTDH được thiết kế logic, có tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành CNKTHH. Đội ngũ cán bộ giảng dạy, chuyên viên có liên quan luôn ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần trong từng thời điểm, hỗ trợ tích cực NH và kết quả mang lại được thể hiện ở năng lực NH khi tốt nghiệp là hết sức tích cực.

Tuy nhiên, các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ chỉ mới được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Ngoài ra, việc tham khảo các CTDH trong và ngoài nước chưa được thực hiện thường xuyên. Vì thế đây sẽ là hoạt động Nhà Trường chú trọng trong kế hoạch hành động trong thời gian tới.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận dạy và học đóng vai trò rất quan trọng trong đào tạo đại học. Với mục tiêu giáo dục theo hướng lấy người học làm trung tâm, các hoạt động dạy và học trong CTĐT của ngành CNKTHH được thiết kế rất khoa học, rõ ràng, nhằm đạt được CĐR đã được công bố. Sử dụng các hoạt động dạy và học nâng cao thúc đẩy việc

rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời cho NH. Các thông điệp này luôn được công bố công khai, thực hiện xuyên suốt cho GV, NH và các BLQ.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên có liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Cần Thơ được căn cứ trên điều 2 luật giáo dục 2019 [H4.04.01.01] và tuyên bố rõ ràng bằng văn bản chính thức [H4.04.01.02]. “Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân”. Mục tiêu giáo dục này đã được trường cụ thể hóa trong chính sách đảm bảo chất lượng của Trường “Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường Đại học Cần Thơ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.” [H4.04.01.03]

Từ các giá trị của mục tiêu giáo dục của Trường và đơn vị đã cụ thể hóa để xây dựng sứ mệnh và tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của đơn vị [H4.04.01.04] và triển khai chiến lược giảng dạy và học tập cho GV và NH của đơn vị. Điều này thể hiện rõ trong đề án phát triển của Trường và đơn vị [H4.04.01.05]. Mục tiêu giáo dục của Trường Bách khoa nêu rõ: Đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục và chiến lược giảng dạy được phổ biến tất cả cán bộ, GV, NH của Trường hiểu rõ thông qua website đơn vị [H4.04.01.04], qua họp Khoa Kỹ thuật hóa học [H4.04.01.06], qua các buổi sinh hoạt đầu khóa với NH [H2.02.02.07], qua các buổi hội thảo với doanh nghiệp [H4.04.01.07]. Bên cạnh đó thông tin này cũng thể hiện trong tờ rơi tuyển sinh của Trường và đơn vị [H4.04.01.08].

Khi mục tiêu giáo dục được toàn thể cán bộ, GV và NH hiểu rõ thì tất cả thực hiện để đạt được mục tiêu mà Trường ĐHCT và trường Bách khoa định hướng. Ví dụ một trong các mục tiêu của Trường Bách khoa là “Đào tạo người học có ý thức phục vụ cộng đồng”. Đây là một trong những tiêu chí để đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên [H4.04.01.09]. Hơn nữa, vừa qua trong tình hình dịch bệnh covid đang lây lan, cán bộ và sinh viên Trường Bách khoa đã tích cực xông xáo trong công tác phòng chống dịch bệnh như chế tạo buồng xét nghiệm di động, sản xuất 100 lít nước rửa tay tặng các chốt kiểm dịch, làm 1000 kính chống giọt bắn và tình nguyện vận chuyển thức ăn cho các khu cách ly, phiên chợ 0 đồng... [H4.04.01.10]. Điều này cũng cho thấy Trường ĐHCT và trường Bách khoa đã đạt được những mục tiêu giáo dục nhất định.

Mục tiêu giáo dục của nhà trường cũng được phổ biến tới các bên liên quan trên website của Trường, của Đơn vị. Mục tiêu này cũng được giới thiệu trực tiếp với NH ở tuần sinh hoạt đầu khóa hay giới thiệu trực tiếp với các đối tác trong các hội thảo hay giao lưu.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố mạch lạc, rõ ràng và được phổ biến rộng rãi đến tất cả các BLQ qua các văn bản ban hành, hướng dẫn, kế hoạch cho các đơn vị, toàn thể cán bộ, GV và NH nắm rõ.

3. Điểm tồn tại

Trường sử dụng mục tiêu giáo dục của Luật GDDH làm mục tiêu giáo dục của trường nên chưa làm nổi bật đặc trưng của Trường ĐHCT.

4. Kế hoạch hành động

Trường sẽ tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu giáo dục đặc trưng riêng của mình qua văn bản thể hiện rõ đặc trưng của Trường ĐHCT trong các học kỳ tiếp theo (Học kỳ I, năm 2023-2024).

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy các HP do Trường/Khoa đảm trách thể hiện sự đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR và được nêu rõ trong những đề cương chi tiết của từng HP liên quan [H01.01.04]. Đề cương chi tiết xác định rõ phương pháp giảng dạy của từng HP để NH đạt được những kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Để giúp cho NH đạt được CĐR thì GV phải xác định được các yếu tố: mục tiêu của giáo dục, vai trò của GV, vai trò của NH, nội dung kiến thức cần đạt để từ đó định hướng và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp.

Ngay buổi họp gặp mặt tân sinh viên lần đầu, Bộ môn phụ trách ngành sẽ hướng dẫn cho NH về Quy chế học vụ [H03.01.04], CTĐT và CĐR của CTĐT [H01.01.03, H01.03.04]. Trong buổi sinh hoạt đầu khóa, tân NH còn được các cựu NH chia sẻ kinh nghiệm mà họ tích lũy, giúp NH có những kinh nghiệm trong học tập, nghiên cứu và những kỹ năng khác [H01.03.04]. Mỗi khóa học đều được Trường phân công có CVHT và nhiệm vụ của CVHT cũng được quy định [H04.02.09-10]. Trong những ngày đầu tiên của học kỳ đầu tiên, CVHT có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn cho SV phương pháp học tập đại học, lập kế hoạch học tập cho toàn khóa và từng học kỳ, giải quyết các vấn đề khó khăn trong học tập của SV và làm cầu nối giữa SV với Trường Bách khoa và Đại học Cần Thơ [H02.03.01]. CVHT có lịch định kỳ tiếp xúc với SV của lớp mình để giải quyết kịp thời các vấn đề khó khăn trong học tập và đời sống của SV. Ngày đầu học kỳ, GV phụ trách môn học thông qua phương pháp dạy và học, mục tiêu của HP, các tài liệu học tập và phương pháp tự học của HP để NH nắm bắt phương pháp và thực hiện nhằm đạt mục tiêu của HP.

Trường đều có hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Trường Bách khoa, Khoa,

CVHT và GV giảng dạy từng HP đều có hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức. Để hỗ trợ cho việc tự học, NH có thể tiếp cận Trung tâm Học liệu của Trường, thư viện của Trường và các Khoa khác và các phòng máy tính của Trường để tự khám phá tri thức. Vai trò của GV là hướng dẫn phương pháp học tập tích cực để tiếp thu kiến thức mới của HP mình giảng dạy. Theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, NH cần tự học 30 giờ cho mỗi tín chỉ [H03.01.04]. Việc tự học sẽ giúp NH chủ động tiếp cận kiến thức mới và tự nhận biết những vấn đề khó khăn đối với môn học để chủ động tìm cách giải quyết các vấn đề đó hay thảo luận với GV để khám phá kiến thức mới.

Ngoài ra, hằng năm Trường Bách khoa tổ chức hội thảo khoa học và đào tạo giúp GV có cơ hội trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy [H04.02.07]. Mặt khác Trường cũng linh động thay đổi phương pháp giảng dạy trong tình hình mới, chẳng hạn trong tình hình dịch bệnh covid năm 2020-2021, trường mở các lớp tập huấn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến cho GV và NH, giúp GV và NH sử dụng được phương pháp giảng dạy trực tuyến kịp thời, nhằm giúp NH không bị ảnh hưởng đến tiến độ học tập [H04.02.08].

Các Trường/khoa và GV xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Một trong những phương pháp được thiết lập để đạt CĐR của CTĐT ngành KTHH là kỹ năng cứng và kỹ năng mềm. Kỹ năng này được lồng ghép vào các môn học. Ví dụ môn học Đồ án chuyên ngành KTHH KC290 [H04.02.02][H04.03.05], mục tiêu chính của môn học này là đào tạo kỹ năng thuyết trình, đó là một kỹ năng mềm quan trọng ảnh hưởng sự thành công. Mặt khác môn học này đào tạo kỹ năng viết một bài báo cáo khoa học đúng quy cách. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm cũng được lồng ghép vào nội dung môn học. Kết quả cho thấy thông qua môn học này, sinh viên có khả năng thuyết trình giỏi trước đám đông, tự tin, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm tốt [H04.02.03]. Về kỹ năng cứng hay còn gọi là kỹ năng chuyên môn của sinh viên ngành KTHH là làm ra được sản phẩm ứng dụng, kỹ năng này được lồng ghép vào môn học 2 tín chỉ ở hình thức đồ án gia công KC292 hay kỹ thuật sản xuất chất dẻo CN242...thông qua các môn này, NH đã làm làm được sản phẩm cụ thể như mẫu vật ứng dụng trong đời sống [H04.02.04]. Mặt khác NH được thực tập ngành nghề tại nhà máy [H04.02.05, H04.02.06], cơ hội này rất tốt để CTĐT đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn.

Kết quả khảo sát các bên liên quan (GV, NH, NSDLĐ...) về sự phù hợp của hoạt động dạy học để giúp NH đạt được CĐR của CTĐT cũng đã được thực hiện. Hoạt động này được thăm dò trên đối tượng là NH tham gia trong các môn học bằng hệ thống trực tuyến. Nội dung khảo sát xoay quanh các vấn đề về sự phù hợp của phương pháp dạy học, mục tiêu, kiến thức, khối lượng giảng dạy hoàn thành theo đề cương... [H03.02.03]. Thông qua hệ thống này, GV nắm được phương pháp giảng dạy từng HP phù hợp hay chưa để cải tiến phương pháp. Mặt khác, việc khảo sát hoạt động giảng dạy cũng thống kê chung theo ngành và học kỳ, qua đó lãnh đạo hoặc GV cũng có cái nhìn tổng quát về kết quả hoạt động giảng dạy theo từng kỳ. Kết quả khảo sát trong 4 năm qua, tỉ lệ hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy ngành KTHH trên 90% [H03.02.03].

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy học đa dạng, hiệu quả cao trong hoạt động dạy học giúp NH đạt được CĐR. GV, CVHT có hướng dẫn đầy đủ cho NH sử dụng các phương pháp học tập chủ động, hiệu quả, để lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

GV và NH rất hài lòng với các phương pháp dạy và học đã được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát sự hài lòng về hoạt động dạy học trong CTĐT ngành KTHH chưa được thực hiện đối với đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022-2023, Nhà Trường sẽ chỉ đạo TTQLCL tiến hành lấy ý kiến GV về sự hài lòng đối với hoạt động dạy học trong CTĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

100% đề cương chi tiết các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm được mô tả ở thể hiện trong mục 4.2 (Tiêu chuẩn 4), bám sát CĐR và phù hợp với các phương pháp dạy học (Tiêu chuẩn 3), phương pháp đánh giá (Tiêu chuẩn 5). GV đã sử dụng các tổ hợp phương pháp dạy học, hay các hình thức tổ chức học tập khác nhau như diễn

giảng, đàm thoại kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm, báo cáo cá nhân, thuyết trình, nêu vấn đề, tranh luận, thực hành phân tích, đánh giá và phát triển, dạy học hợp tác, nhằm rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cũng như các kỹ năng mềm. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm qua các giờ học lý thuyết, các giờ học thực hành đến các hoạt động NCKH của NH.

Dựa trên tất cả các hoạt động giảng dạy và học nêu trên, NH được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để từ đó biết làm thế nào áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế. Điều này giúp cho NH đạt được và thỏa mãn KQHT mong đợi một cách dễ dàng.

Ví dụ như HP Đồ án chuyên ngành KC290, thì NH tự mình tìm hiểu tài liệu chuyên ngành và viết thành bài báo cáo, GV xem bài viết và góp ý thêm về nội dung, NH cũng được GV góp ý cách trình bày bằng power point, kỹ năng diễn giải và tác phong trước đám đông.

Ngoài ra trong các buổi thực hành, thực tập dưới sự hướng dẫn của GV giảng dạy thực hành và hướng dẫn thực tập, NH được nâng cao kiến thức, kỹ năng thông qua phương pháp thực hành. Quá trình làm việc tại PTN/PTH, NH có điều kiện hiểu sâu hơn bài học lý thuyết thông qua việc áp dụng vào giải quyết bài thực hành tương ứng. NH được chia nhóm để làm việc, trao đổi, phân tích vấn đề và tìm giải pháp thực hiện cho từng bài thực hành, thí nghiệm.

Mặt khác, thông qua các đề tài NCKH [H04.03.01], đồ án [H04.02.02, H04.02.03], LVTN [H04.03.04], NH sẽ được trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề. Các đề tài này có rất nhiều ứng dụng trong thực tế [H04.02.02, H04.02.03], từ đó NH sẽ đam mê học tập vì tạo ra được những sản phẩm có giá trị cao, ứng dụng được trong thực tiễn.

Tất cả các đề cương các HP trong CTĐT nhấn mạnh việc tự nghiên cứu để rèn luyện khả năng học tập suốt đời của NH. Mục 12 trong đề cương chi tiết HP có hướng dẫn NH các tài liệu cụ thể (chương nào trong sách chẳng hạn) để NH có thể rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

Như được trình bày ở mục 4.2, CDR được thể hiện qua nội dung được lồng ghép vào các môn học. Ví dụ môn học Đồ án chuyên ngành KC290, NH tự nghiên cứu tài liệu và báo cáo lại nội dung bằng phương pháp thuyết trình. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên được rèn luyện sự tự tin trước đám đông, có khả năng thuyết trình tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt, phản biện, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm

[H04.02.05], đó là những kỹ năng mềm mà người học vận dụng được suốt đời. Đối với kỹ năng chuyên môn, ví dụ môn đồ án gia công KC292 hoặc kỹ thuật sản xuất chất dẻo CN242, sinh viên được rèn kỹ năng tự nghiên cứu, có được kỹ năng chuyên môn cao, điều chế được sản phẩm ứng dụng và thương mại hóa [H04.02.06], đó là kỹ năng cứng mà NH suốt đời vận dụng được.

GV luôn sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Đối với những HP rèn luyện kỹ năng mềm, thì GV rèn luyện NH thông qua phương pháp thảo luận nhóm hay thuyết trình như học phần Đồ án chuyên ngành KC290. Đối với những học phần rèn luyện kỹ năng cứng thì GV áp dụng phương pháp thực hành như học phần đồ án gia công KC292... Ngoài những phương pháp được mô tả trong đề cương HP, GV đã linh hoạt chuyển từ hình thức giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến để giảng dạy online trong tình hình dịch bệnh covid. Ngoài ra Trường và Khoa luôn chủ động lập kế hoạch xây dựng và phát triển các nguồn cơ sở vật chất, không ngừng phát triển công tác đào tạo, bồi dưỡng GV nhằm phục vụ tốt cho công tác dạy và học của các chuyên ngành mình quản lý. GV phải đạt yêu cầu và tiêu chuẩn do Bộ GDĐT và ĐHCT đưa ra. Đặc biệt, cán bộ và GV thuộc các chuyên ngành kỹ thuật thuộc KCN còn được học qua lớp học Nghiệp vụ sư phạm, thông qua lớp học này, GV nắm được các phương pháp dạy học để NH tiếp cận tốt. Ngoài ra GV còn được tham gia tập huấn thường xuyên với các chuyên gia bên ngoài trong khuôn khổ của chương trình nâng cao chất lượng giảng dạy các ngành kỹ thuật (Chương trình HEEAP, BUILD-IT). Từ những chương trình đã nêu, GV áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực vào những HP trong CTĐT, giúp SV phát huy tính chủ động trong học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho SV không ngừng được nâng cao khi BGH và BCN Trường đặc biệt xúc tiến, nâng cấp thông qua các dự án nâng cấp và sửa chữa PTN/PTH (xem thêm Tiêu chuẩn 9)

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc tham gia các hội nghị, hội thảo của sinh viên vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trường Bách khoa và Khoa Kỹ Thuật hóa học tạo điều kiện thuận lợi cho NH tham gia hội nghị, hội thảo.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 4

Trường ĐHCT luôn cập nhật các quy định của Nhà nước trong Luật GDĐH và các hướng dẫn Thông Tư, Quy định của Chính Phủ, BGDĐT, từ đó đề ra các mục tiêu GD rõ ràng về ngành KTHH. Các hoạt động dạy và học được thiết kế Khoa học phù hợp CĐR, từ đó giúp NH thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong quá trình theo học tại Trường và từng bước hình thành khả năng học tập suốt đời. Trường, Khoa và các BLQ đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để thay đổi cách tiếp cận PPDH. Bên cạnh với các hướng tích cực hiện đã thực hiện và đạt được. Trường ĐHCT ngày càng hoàn thiện hơn, từng bước nâng cao các hoạt động hỗ trợ để phát huy hết các hoạt động dạy và học đạt CĐR.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là hoạt động không thể thiếu nhằm xác định hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu dạy học, từ đó định hướng và thúc đẩy giảng viên đổi mới phương pháp dạy học, thúc đẩy người học đổi mới phương pháp học tập nhằm nâng cao chất lượng thực hiện mục tiêu giáo dục. Ngoài ra, hoạt động đánh giá còn là phương tiện để phát hiện những mặt tốt, mặt chưa tốt, khó khăn, vướng mắc và xác định nguyên nhân để đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học, hiệu quả giáo dục. Vì vậy, đánh giá KQHT của NH là việc được Trường ĐHCT và TBK chú trọng ngay từ khâu tuyển sinh đến khi tốt nghiệp. Đánh giá KQHT người học của chương trình KTHH được thiết kế một cách liên tục và có hệ thống trong suốt quá trình học tập dựa trên tiêu chí phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó các HP đều có sự đóng góp trong việc đánh giá CĐR. Để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, các phương pháp đánh giá được xây dựng dựa trên quy định của BGDĐT và Trường ĐHCT với thiết kế đa dạng, phù hợp với nội dung và mục tiêu cũng

như CĐR của từng học phần. Hoạt động đánh giá KQHT của người học được kết hợp đánh giá trên cả kết quả học lực (điểm TB học kỳ và điểm TB tích lũy) và hoạt động công tác xã hội (điểm rèn luyện), tạo cơ sở cho sự đánh giá NH một cách toàn diện. Song song với hoạt động đánh giá KQHT của NH là hoạt động tiếp thu sự phản hồi về kết quả và phương pháp đánh giá từ GV, NH, nhà quản lý CTĐT, NH đã tốt nghiệp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng của hoạt động đánh giá KQHT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các quy trình/kế hoạch về việc đánh giá KQHT của NH đã được Trường ĐHCT thiết kế rõ ràng ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập cho đến khi tốt nghiệp để đạt được mục tiêu của CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến người học và các bên liên quan. Sau khi trúng tuyển, vào đầu mỗi khóa học NH sẽ được kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đầu vào nhằm làm cơ sở bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho sinh viên cũng như phục vụ cho việc xét tuyển ngành tiên tiến hoặc chất lượng cao [H5.05.01.01].

Đối với quy trình đánh giá trong quá trình học tập, Trường ĐHCT đã ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học chính quy tại Trường ĐHCT (gọi chung là Quy chế học vụ) để thông tin cho NH các vấn đề liên quan đến việc đánh giá KQHT, như thời gian học tập tối đa, thời gian học và thi của từng học kỳ, thang điểm đánh giá, điều kiện thực hiện luận văn, điều kiện tốt nghiệp [H5.05.01.02]. Ngoài ra, Trường còn ban hành Quy định xét miễn và công nhận HP [H5.05.01.07]. Kết quả quá trình học tập của NH được thể hiện thông qua điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) và ĐRL, là tiêu chí xếp loại tốt nghiệp của NH theo năng lực được quy định rõ tại điều 24 và 25 trong quy chế học vụ [H5.05.01.02]. Ngoài ra, ĐTB học kỳ và ĐRL cũng là cơ sở xét học bổng khuyến khích học tập, xét loại và khen thưởng cuối mỗi học kỳ.

Vào đầu mỗi năm học và học kỳ, Trường ĐHCT cũng ban hành KH công tác năm học về thời gian đăng ký HP, tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá KQHT [H5.05.01.08]. Các kế hoạch này cũng được thông báo đến GV và NH thông qua nhiều kênh khác nhau như hộp thư điện tử, HTQL (<https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>) giúp NH nắm bắt thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng và kịp thời theo đúng tiến độ quy định. Ngoài ra, các

thông tin liên quan đến quy định, quy trình đánh giá kết quả cũng được thông qua NH trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [\[H5.05.01.13\]](#).

Theo Quy chế học vụ [\[H5.05.01.02\]](#), mỗi năm học được tổ chức thành 3 học kỳ, học kỳ I và II là các HK chính, thời gian của mỗi học kỳ là 20 tuần, trong đó gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và thi những học phần lẻ, 2 tuần thi học kỳ chung, 1 tuần xử lý kết quả và 1 tuần nghỉ giữa hai học kỳ. GV phải công bố hình thức thi, lịch thi và địa điểm thi đến NH ít nhất 1 tuần trước khi thi đối với các HP lẻ. Các HP thi chung sẽ được Khoa, TBK xếp lịch. Lịch thi được cập nhật và quản lý tại website của TBK nhằm hỗ trợ NH tra cứu thông tin một cách dễ dàng [\[H5.05.01.14\]](#) Việc phúc khảo, giải quyết khiếu nại của NH về kết quả đánh giá cũng được thực hiện trong thời gian 1 tuần sau khi GV thông báo kết quả đánh giá và theo quy trình quy định của TBK [\[H5.05.01.15\]](#).

Để được công nhận tốt nghiệp, NH cần tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo (đạt 161 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4), đạt CĐR của CTĐT, hoàn thành các HP điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10)[\[H5.05.01.02\]](#). Theo quy định, NH ngành KTHH có thể thực hiện LVTN sau khi đã tích lũy tối thiểu 125 TC. Ngoài ra, để thay thế cho LVTN, NH có thể thực hiện 15 TC trong nhóm các HP thay thế.

Các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR: Trường ĐHCT đã công bố CĐR của ngành KTHH với các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [\[H5.05.01.16\]](#); [\[H1.01.01.13\]](#). Các phương pháp đánh giá của từng HP được GV thiết kế phù hợp dựa trên các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHCT [\[H5.05.01.02\]](#) nhằm đảm bảo bám sát mục tiêu và CĐR của HP [\[H1.01.01.05\]](#). Để đảm bảo tính thống nhất trong công tác đánh giá, Trường ĐHCT đã ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức đánh giá [\[H5.05.01.17\]](#) cũng như các văn bản về việc hướng dẫn phương pháp đánh giá KQHT (Mục 2.3 của Chương 2, Sổ tay GV) [\[H5.05.01.16\]](#) ; [\[H5.05.01.18\]](#) và điều 21 của qui chế đào tạo [\[H5.05.01.02\]](#). Đề cương chi tiết các HP được thiết kế dựa trên thang nhận thức của Bloom (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá) trong đó các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá được thiết kế phù hợp, đo lường được mức độ đạt CĐR của HP [\[H1.01.01.03\]](#). Phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH được thể hiện cụ thể trong đề cương HP bao gồm

nhiều nội dung như đánh giá điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm báo cáo seminar, điểm thi giữa HP và điểm thi kết thúc HP trong đó điểm thi kết thúc HP là bắt buộc và phải có trọng số không dưới 50% nhằm đánh giá mức độ đạt được CĐR một cách toàn diện nhất [H5.05.01.16]; [H1.01.01.03]. Riêng HP LVTN/TLTN do GV hướng dẫn chịu trách nhiệm đánh giá quá trình, kết quả đánh giá cuối kỳ sẽ được đánh giá bởi Hội đồng LVTN/TLTN [H5.05.01.19]. Hội đồng bảo vệ LVTN do Trưởng Khoa quyết định. Điểm LVTN của sinh viên là trung bình cộng của ba thành viên (trọng số bằng nhau) thể hiện ở điều 31, trang 16 quy chế học vụ [H5.05.01.02].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. KQHT của NH được đánh giá bằng hình thức đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Để đo CĐR về kiến thức thì GV sử dụng hoạt động/phương pháp như: thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo nhóm, thuyết trình; để đo CĐR về kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm thì GV sử dụng hoạt động/phương pháp: thực hành trong phòng thí nghiệm, thực tập thực tế, tham quan nhà máy, Đồ án, LVTN, TLTN, hoạt động ngoại khóa (đoàn thanh niên, sinh hoạt học thuật); để đo CĐR về thái độ thì GV kết hợp trong đánh giá HP, đánh giá điểm rèn luyện và giám sát của CVHT. Công tác ra đề thi, coi thi, chấm thi cũng được giám sát và tiến hành chặt chẽ thông qua việc công bố lịch thi và giám sát phòng thi của các Tổ giám sát của TBK [H5.05.01.20]. Ngoài ra, NH còn được đánh giá điểm rèn luyện theo từng học kỳ trong suốt thời gian học tập tại Trường ĐHCT. Điểm này không được tính vào điểm tích lũy mà được dùng làm cơ sở để đánh giá về tính kỷ luật, năng lực hoạt động xã hội, phục vụ lợi ích cộng đồng của NH làm cơ sở xét học bổng theo từng học kỳ và xét tốt nghiệp cho NH [H5.05.01.02].

Bên cạnh đó, còn có sự kết hợp giữa đề cương HP cùng với sơ đồ tuyến thể hiện việc bố trí các HP ứng với từng học kỳ giúp NH có cơ sở để lập KHHT toàn khóa nhằm tích lũy được các yêu cầu cần đạt của CTĐT một cách hợp lý, có hệ thống và liên tục từ học kỳ đầu đến học kỳ cuối, từ HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành [H5.05.01.28].

Tóm lại việc đánh giá quá trình học tập được thực hiện liên tục và bằng nhiều hình thức khác nhau giúp việc đánh giá NH được toàn diện hơn, cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV và cũng được cập nhật mỗi học kỳ nhằm kích thích NH không ngừng phấn đấu để đạt kết quả tốt hơn trong học tập.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT đã ban hành các văn bản hướng dẫn và thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra và đánh giá KQHT của NH và được TBK triển khai sao cho phù hợp và đảm bảo đạt được CDR của HP và CTĐT.

Quy trình kiểm tra đánh giá luôn được rà soát, cập nhật và cải tiến để nâng cao hiệu quả học tập

3. Điểm tồn tại

Trong các năm qua, TBK chưa tiến hành tổ chức định kỳ các hội thảo liên quan nội dung nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, TBK tiến hành lên kế hoạch tổ chức hội thảo liên quan nội dung nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá KQHT của NH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có các tài liệu/hướng dẫn quy định [\[H5.05.02.01\]](#) cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi kỳ học kỳ. Các hoạt động liên quan kiểm tra, đánh giá học phần đều được công bố công khai trong đề cương chi tiết [\[H1.01.01.03\]](#) được công khai trên website của Trường [\[H5.05.02.02\]](#) và các buổi đầu giảng dạy của học kỳ. Thông tin về hình thức đánh giá kết quả học tập, thời gian, địa điểm thi, kiểm tra giữa kỳ/cuối kỳ cũng được GV thông báo rõ ràng cho NH vào tuần đầu tiên của HK và ít nhất một tuần trước khi tổ chức thi đánh giá HP. Việc tổ chức giảng dạy và thi kết thúc HP được lên kế hoạch và quản lý bởi TBK theo các quy định, kế hoạch tổ chức thực hiện của Trường ĐHCT [\[H5.05.01.08\]](#); [\[H5.05.01.20\]](#) Đối với LVTN/TLTN, kế hoạch thực hiện được Khoa KTHH công bố rộng rãi đến NH vào đầu mỗi HK trên website của Khoa, TBK, trong buổi sinh hoạt vào tuần đầu tiên cho NH đăng ký HP này. Các thủ tục của quá trình thực hiện LVTN/TLTN như phiếu đề nghị

đề tài LVTN/TLTN được thông tin đến người học trong buổi sinh hoạt và cũng được công khai trên website của Khoa KTHH [H5.05.02.03]. Thang điểm trong tất cả các HP được quy định rõ ràng trong đề cương chi tiết HP, trong đề thi cũng như đáp án [H1.01.01.03]; [H5.05.01.02]. Phiếu chấm LVTN cũng chi tiết hóa tiêu chí và trọng số cho HP này [H5.05.01.19]

Như vậy NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của mình. Cơ chế phản hồi và các nội dung khác liên quan đến đánh giá KQHT của NH được quy định trong Quy chế học vụ cũng được công khai trên trang web của Trường ĐHCT [H5.05.02.02]. Quy trình công bố điểm thi học phần và phúc khảo bài thi học phần được Hiệu Trưởng TBK ban hành theo Quyết định 75/ QĐ-CN (12/05/2020) và công bố trên website TBK [H5.05.01.15] ([H5.05.02.04]. NH được quyền phản hồi KQHT của mình trực tiếp với GV sau khi được nhận được KQHT. Người học có thể tiếp cận những thông tin cần thiết đến hoạt động học tập của mình bằng Sổ tay SV [H5.05.02.01], sổ tay này được công bố trên website của PTCSV và TBK.

Tóm lại các quy định chung Trường ĐHCT về đánh giá HP, thang điểm và chấm điểm, đáp án đều được công bố rộng rãi và trình bày cho NH, GV và các BLQ trong Quy chế học vụ, cả bản in và bản mềm trên trang web của trường nhằm đảm bảo tính công khai, công bằng và minh bạch trong dạy và học.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá kết quả của NH như thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, quy trình tổ chức thi, chấm thi, quản lý kết quả rõ ràng và công khai bằng cả văn bản in và trên website.

Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá CTĐT, đánh giá kết quả của NH tuân thủ đầy đủ các quy định của BGDĐT, và được cụ thể hóa trong Quy chế học vụ.

Quy chế học vụ được công bố rộng rãi đến từng SV, từng GV và các cấp quản lý trong trường, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có văn bản hướng dẫn, tuy nhiên, việc vận dụng vào đánh giá còn một số điểm chưa thống nhất ở những HP do đặc thù của từng HP.

4. Kế hoạch hành động

Giảng viên nên trao đổi thường xuyên với nhau để việc đánh giá NH có thể thống nhất hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT, Trường Bách khoa và Khoa KTHH đã và đang sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá KQHT của NH. Việc đánh giá KQHT của NH được quy định rõ ràng trong Quy chế học vụ [H5.05.01.02] như thang điểm đánh giá, hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá... đã được công khai trên trang web của Trường ĐHCT cũng như phổ biến cho NH và các bên liên quan dưới dạng bảng in. Thông qua bản mô tả CTĐT [H1.01.01.13] và đề cương HP [H1.01.01.03] được công bố, NH sẽ nắm được mục tiêu cần đạt, hình thức đánh giá bao gồm: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm và yêu cầu của từng HP. Bên cạnh đó để hỗ trợ GV thực hiện tốt các công tác đánh giá KQHT của NH (từ quá trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi đến lựa chọn phương pháp đánh giá...), Trường ĐHCT đã ban hành quyển Sổ tay GV với hướng dẫn chi tiết về tất cả các nhiệm vụ của GV [H5.05.01.16]. Dù áp dụng hình thức đánh giá KQHT của NH như thế nào thì cũng phải đảm bảo ít nhất có 2 điểm thành phần với trọng số tối thiểu của điểm thi kết thúc HP là 50% [H5.05.01.02]. Tất cả bài thi của các HP đều được lưu trữ và quản lý bởi Khoa KTHH và TBK. Các hình thức đánh giá HP (bài tập, kiểm tra giữa kỳ, tham gia thảo luận, chuyên cần và kiểm tra cuối kỳ) được thông tin cho NH ngay trong buổi học đầu tiên của HP. GV thực hiện đánh giá NH đúng theo phương pháp đánh giá đã được thể hiện trong ĐCCT HP [H1.01.01.03]. Tất cả những thông tin này được công bố rõ ràng, trên website của Trường/TBK. Quy chế học vụ của Trường (điều 23)[H5.05.01.02] cũng có các quy định rõ ràng liên quan đến việc đánh giá, chuyển đổi thang điểm từ điểm chữ sang điểm số, miễn và công nhận HP. Khi NH tham gia các chương trình trao đổi học thuật hoặc học tập ngắn hạn ở nước ngoài, sẽ được xem xét được miễn HP tương đương theo hướng dẫn của Trường ĐHCT. Để đảm bảo tính khách quan và công bằng, việc xét

miễn điểm HP cho NH được thực hiện bởi Hội đồng xét miễn và công nhận điểm HP của Trường ĐHCT[H5.05.01.07]

Mặc dù có sự đa dạng hóa trong hình thức đánh giá KQHT của NH, các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng luôn đảm bảo đo lường được các yêu cầu CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Cụ thể, ngoài đánh giá kiến thức chuyên môn, ý thức và thái độ của NH, GV còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, xử lý tình huống, v.v. từ đó giúp đánh giá NH một cách toàn diện hơn. Bộ tiêu chí đánh giá LVTN và TLTN được xây dựng và điều chỉnh thông qua sự tham gia đóng góp ý kiến của nhiều GV từ đó, góp phần nâng cao tính công bằng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy của phương pháp đánh giá [H5.05.01.19].

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế khoa học, được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng. Để đảm bảo CDR, những HP có nhiều GV tham gia giảng dạy thì sẽ sử dụng chung đề thi cuối kỳ để đảm bảo tính khách quan và công bằng. Để đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng của quy trình chấm thi, tất cả các bài tập, đề kiểm tra, đáp án và đánh giá cuối kỳ được giám sát chặt chẽ của Khoa KTHH về nội dung chuyên môn, cũng như mức độ liên quan của các đánh giá đến CDR của HP [H5.05.01.20]Việc tổ chức thi kết thúc HP tuân thủ theo thời gian và kế hoạch của trường. 15 tuần dạy học, tuần 16 dự trữ và thi các HP riêng lẻ, tuần 17 và 18 thi chung, tuần 19 nhập điểm. Đề thi được biên soạn bởi nhóm GV phụ trách HP đảm bảo đáp ứng CDR của HP, được xét duyệt bởi Trưởng Khoa[H5.05.01.18] [H5.05.03.01]; [H5.05.03.02];[H5.05.03.03].

Tất cả các HP được sắp theo lịch thi chung hoặc riêng tùy theo đặc thù của HP. Lịch thi được công bố cho NH biết trước khi thi ít nhất 1 tuần. Từng HK, PĐT đều có thông báo kế hoạch tổ chức thi, căn cứ vào đó, TBK thành lập Hội đồng thi và tổ thành tra kỳ thi HK[H5.05.01.20]. Kỳ thi cuối kỳ được tổ chức và giám sát bởi tổ kiểm tra công tác coi thi của TBK về quy trình cho thi, số lượng cán bộ coi thi được phân công đúng quy định của Nhà trường.

Sau khi thi, các đề thi, đáp án và bài làm sẽ được lưu trữ ở Khoa. Việc lưu và hủy bài thi thực hiện theo qui trình[H5.05.03.04]. Bảng điểm có chữ ký của GV và Ban chủ nhiệm TBK được lưu trữ ở TBK và Phòng Đào tạo. NH có thể yêu cầu phúc khảo bài thi theo Quy trình công bố điểm thi học phần và phúc khảo bài thi học phần được TBK

ban hành theo Quyết định 75/QĐ-CN (12/05/2020) [H5.05.01.15] và công bố trên website TBK [H5.05.02.04].

Song song với công tác đánh giá KQHT của NH, NH được quyền tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ khâu tài liệu giảng dạy đến PPGD và phương pháp đánh giá thông qua hoạt động khảo sát lớp học phần trực tuyến. Thông qua kết quả đánh giá của NH, GV có thể tự mình điều chỉnh PPDH và đánh giá KQHT sao phù hợp. Mặt khác thông qua phần mềm này, cấp Bộ môn, cấp Khoa và cấp Trường cũng nắm bắt được hoạt động giảng dạy của từng cấp.

Nhìn chung, TBK và Khoa KTHH đã áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá NH do Bộ GDĐT đưa ra một cách rõ ràng và phù hợp.

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá đa dạng đáp ứng được CĐR, đảm bảo độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

TBK chưa tiến hành tổ chức định kỳ các buổi hội thảo chuyên môn, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm để giúp GV trao đổi thông tin trong hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, TBK sẽ lên kế hoạch thực hiện việc tổ chức các hội thảo chuyên môn về hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy định Trường ĐHCT [H5.05.01.02], việc đánh giá kết quả NH phải được thực hiện một cách liên tục, chặt chẽ, công khai và công bằng để đảm bảo NH có điều kiện cải thiện KQHT. Theo đó, vào đầu mỗi học kỳ, trong buổi đầu tiên đến lớp, GV phải công khai hình thức đánh giá và công bố trước lớp điểm thành phần (điểm chuyên cần, thái độ và điểm kiểm tra giữa HP, điểm kiểm tra cuối kỳ, v.v). Sau khi kết thúc học kỳ (tuần 15 hoặc 16) thì GV phải tiến hành cho SV thi (tuần 17 hoặc 18) dưới sự giám sát của Tổ giám sát công tác coi thi [H5.05.01.20]. GV công bố điểm toàn bộ cho SV

trên hệ thống quản lý để SV xem và khiếu nại. Điều 29 về thông báo kết quả học tập, trích từ Quy chế học vụ được ban hành bởi Trường ĐHCT, cụ thể: “Giảng viên chịu trách nhiệm: giải đáp thắc mắc (nếu có) của SV về KQHT của HP, nhập điểm HP vào HTQL trực tuyến và in 2 bản điểm, ký tên, gửi Khoa quản lý HP. Khoa/Trường QLHP lưu 01 bản và gửi về PĐT 1 bản chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhập điểm của HK. Trưởng Khoa QLHP ký duyệt bảng điểm và xử lý tất cả các khiếu nại liên quan đến KQHT của HP do Khoa quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm”.

Đơn vị QLHP lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận ít nhất 5 năm kể từ ngày thi viết hoặc nộp tiểu luận.

Quy trình công bố điểm thi học phần và phúc khảo bài thi học phần được Trường Khoa ban hành theo Quyết định 75/ QĐ-CN ngày 12/05/2020 [H5.05.01.15] và công bố trên website TBK [H5.05.02.04]. Điểm, đáp án và nhận xét của bài cuối kỳ sẽ được công bố trực tiếp đến NH 1 tuần sau khi thi để NH hiểu các lỗi của còn gặp phải. Quá trình đánh giá được tiến hành theo cách phản ánh hai chiều, giúp NH điều chỉnh các phương pháp và tác phong học tập theo cách thích hợp nhất để đạt được CDR bằng cách tham khảo ý kiến của GV. Đối với LVTN/TLTN, NH trao đổi với GV hướng dẫn về nội dung thực hiện và đảm bảo tiến độ theo đúng lịch trình đã được công bố trên bảng thông báo website của Khoa, TBK cũng như sinh hoạt vào đầu khóa cho NH [H1.01.03.04] nhằm đảm bảo cho người học chủ động hơn trong việc phân bổ nội dung công việc thực hiện. LVTN sau khi bảo vệ phải được chỉnh sửa theo góp ý và được thành viên Hội đồng thông qua trước khi lưu trữ tại Thư viện TBK và TTHL của Trường ĐHCT.

Trường ĐHCT cũng có HTQLTH được xây dựng tích hợp, đồng bộ, trực tuyến (<https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>) giúp NH theo dõi được tiến trình và kết quả học tập tại bất kỳ thời điểm nào, qua đó NH sẽ có kế hoạch để NH cải thiện việc học tập và kịp thời, điều chỉnh kế hoạch học tập để đăng ký HP trong các HK tiếp theo. Ngoài ra, sau mỗi học kỳ, TTQLCL sẽ gửi đến GV kết quả đánh giá của NH về các hoạt động giảng dạy của GV trong học kỳ. Trong mỗi học kỳ, Nhà trường luôn có thông báo, cảnh cáo học vụ đến NH có KQHT kém và CVHT để NH có phương án học tập thích hợp cũng như để CVHT kịp thời hỗ trợ NH, nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép. Nhà Trường cũng có quy định tạo điều kiện cho NH có thể học lại và học cải thiện điểm để NH có thể đạt KQHT tốt nhất [H5.05.01.02]. KQHT và ĐRL của người học

được cập nhật mỗi học kỳ trên HTQL của NH và CVHT giúp CVHT nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của NH nhằm hỗ trợ NH một cách tốt nhất. Dựa vào kết quả học tập, CVHT sẽ tư vấn cho NH có kết quả học tập yếu kém lập KHHT cho phù hợp và cải thiện lại phương pháp học tập hợp lý hơn. Đối với NH có kết quả học tập khá giỏi, CVHT có thể tư vấn lập KHHT để NH có thể tốt nghiệp sớm tiến độ.

2. Điểm mạnh

Người học được thông tin KQHT một cách kịp thời, công khai, minh bạch và chính xác thông qua phần mềm quản lý, từ GV và các bộ phận khác, từ đó giúp NH có thể có phản hồi điểm và cải thiện kịp thời. Đồng thời, kết quả đánh giá của NH được quản lý và lưu trữ chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

HTQLTH thường bị quá tải khi SV truy cập quá đông để xem kết quả học tập cuối mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2022-2023, Trường sẽ từng bước nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để có thể đáp ứng lượng truy cập cao.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Như được mô tả ở mục 5.1, 5.3 và 5.4. Kết quả điểm thi sẽ được thông báo cho NH trong vòng một tuần sau khi thi thông qua HTQL và email từ GV. NH được phép xem lại bài thi bằng cách gặp trực tiếp với GV vào thời gian trả bài thi đã được thông báo. Nếu việc khiếu nại chưa được giải quyết thỏa đáng, NH dễ dàng tiếp cận quy trình giải quyết khiếu nại thông qua website [\[H5.05.02.04\]](#), [\[H5.05.01.15\]](#) để yêu cầu chấm phúc khảo bài thi. Bài thi được chấm phúc khảo sẽ được ít nhất hai GV trong hội đồng phúc khảo xem xét và công bố kết quả cho NH trong thời gian không quá 1 tuần. Tới thời điểm hiện tại không có trường hợp NH nào yêu cầu chấm phúc khảo bài thi cuối kỳ ở Khoa KTHH. Điều này thể hiện NH rất đồng thuận về các tiêu chí kiểm tra, đánh giá của các HP đang giảng dạy ở khoa.

2. Điểm mạnh

Những quy định cụ thể về vấn đề khiếu nại kết quả học tập của NH đã được Trường, Khoa ban hành và thông báo công khai đến NH giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Quy trình đơn giản, nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

Một số NH còn chưa mạnh dạn trong khiếu nại điểm kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, GV, Khoa KTHH đã khuyến khích NH mạnh dạn khiếu nại kết quả học tập nếu thấy KQĐG chưa phù hợp.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Kết quả học tập của NH được đánh giá dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR và đã được Trường ĐHCT hướng dẫn rõ ràng và cụ thể bằng cả hình thức trực tiếp (trên trang web) và bản in Quy chế học vụ. KQHT của NH được đánh giá bằng nhiều hình thức đa dạng nhưng vẫn đảm bảo được tính nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp với đặc thù của từng HP. Kết quả học tập sẽ đánh giá được mức độ tích lũy của NH về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và giải quyết vấn đề cũng như thái độ của NH đối với từng HP. Đồng thời, quá trình đánh giá KQHT của người học luôn được Nhà Trường, Khoa, Bộ môn và GV quan tâm, không ngừng đổi mới trên cơ sở ý kiến phản hồi của NH và các BLQ nhằm hoàn thiện quy trình đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho NH đồng thời cũng được quản lý, lưu trữ an toàn trên toàn hệ thống tại Khoa và Trường. CVHT luôn đồng hành cùng với SV trong quá trình học tập để giúp SV nắm rõ quy định liên quan đến việc đánh giá KQHT của mình. Trường ĐHCT đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại KQHT của NH, giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên (GV) và Nghiên cứu viên (NCV) là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, dịch vụ và sự phát triển của Trường ĐHCT. Trường đã thực hiện nhiều công việc khác nhau từ công tác tuyển dụng cho đến đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng để phát triển đội ngũ GV, NCV nhằm thực hiện hiệu quả tối đa nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, góp phần nâng cao vào chất lượng giảng dạy và NCKH của Trường.

Tất cả GV phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành KTHH đều đạt tiêu chuẩn trình độ, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, ngạch viên chức theo quy định và yêu cầu công tác của Trường. Trường cũng chú trọng thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh viên chức, từ khâu quy hoạch cho đến đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa cũng như đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ nhằm phát triển đội ngũ xứng tầm với trọng trách của Trường.

Trường đã xây dựng Đề án phát triển của Trường qua từng giai đoạn, trong đó, việc quy hoạch đội ngũ nguồn nhân lực luôn là nội dung cốt lõi của Đề án. Căn cứ vào quy hoạch đội ngũ, Trường thực hiện việc tuyển dụng GV một cách công khai, đúng quy trình và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng được công khai theo đúng quy định. Tỷ lệ NH/GV luôn được theo dõi định kỳ hằng năm từ cấp Trường, cấp Khoa, cấp CTĐT để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Trường.

Khối lượng giảng dạy của GV được quy chuẩn và được giám sát, điều chỉnh ở cấp Khoa. Việc phân công giảng dạy cấp Khoa được thực hiện công khai, rõ ràng và hợp lý dựa vào chuyên môn sâu của từng GV. Trường thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của NH và đồng nghiệp về việc giảng dạy của GV để đánh giá năng lực giảng dạy của đội ngũ GV. Trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích đóng góp của GV được Trường thực hiện công khai. Các loại hình NCKH được Trường xác lập để ghi nhận thành tích của GV. Đội ngũ GV của Trường được tạo điều kiện tự do đề xuất, tìm kiếm và thực hiện các dự án, đề tài NCKH được tài trợ từ nhiều nguồn khác nhau để đa dạng hóa các loại hình NCKH.

Việc phân công giảng dạy, NCKH cũng như các hoạt động liên quan cũng được Trường thực hiện rõ ràng, hợp lý, lựa chọn nhân sự phù hợp với trình độ chuyên môn,

kinh nghiệm của từng GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích đóng góp của GV được thực hiện công khai, triệt để tạo động lực cho GV hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có Đề án quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020 và đã được BGDĐT phê duyệt trong quyết định số 6004/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2007 [H6.06.01.01]. Năm 2014, Trường có Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHCT đến năm 2022 (ban hành tháng 11/2014) [H6.06.01.02]; đã rà soát thực trạng và ra văn bản Hướng dẫn Xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị, giai đoạn 2018-2022, định hướng đến năm 2030 [H6.06.01.03]. Từ đó, hoàn chỉnh Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022, tầm nhìn đến 2030 (ban hành tháng 12/2019) [H6.06.01.03]. Trong đề án có 6 nội dung quy hoạch phát triển: quy hoạch phát triển đào tạo ĐH và sau đại học; quy hoạch phát triển NCKH; quy hoạch phát triển HTQT; quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; quy hoạch phát triển CSVC; quy hoạch phát triển nguồn thu tài chính. Trong nội dung quy hoạch phát triển nguồn nhân lực có định hướng phát triển công tác tổ chức và về đội ngũ cán bộ, công chức. Đề án quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHCT 2014, dự kiến chỉ tiêu về kế hoạch phát triển đội ngũ đến năm 2020 đội ngũ GV có 56,4% có trình độ TS và 39,7% có trình độ ThS; đến năm 2022 đội ngũ GV 62,3% có trình độ TS và 34,6% có trình độ ThS. Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022, tầm nhìn đến 2030 dự kiến chỉ tiêu về kế hoạch phát triển đội ngũ đến năm 2020 đội ngũ GV có 49% có trình độ TS và 51% có trình độ ThS; đến năm 2022 đội ngũ GV 58% có trình độ TS và 42% có trình độ ThS.

Căn cứ vào Đề án của Trường, TBK đã xây dựng Kế hoạch phát triển TBK đến năm 2030, trong đó cũng đã xác định quy mô về số lượng và chất lượng đội ngũ GV/NCV để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH [H6.06.01.04]. Đội ngũ GV cơ hữu của TBK luôn luôn được theo dõi để đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng. Thống kê tổng số cán bộ giảng dạy, nghiên cứu của TBK hiện nay có 153 GV với 11 PGS

(7,19%), 63 TS (41,18%) và 86 ThS (57,52%) bao gồm cơ hữu và thỉnh giảng, kiêm nhiệm [H6.06.01.05]. Tuổi trung bình của đội ngũ GV là 41 tuổi. Theo đó độ tuổi <30 chỉ chiếm 3%. Phần lớn GV rơi vào độ tuổi 30-40 chiếm 46% và 41-50 chiếm 41%. Độ tuổi 51-60 chiếm 8%.

Đội ngũ GV cơ hữu của Khoa phụ trách giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành với 76 TC do GV Khoa KTHH đảm nhiệm và 12 TC do GV các bộ môn khác trong TBK phụ trách. Các học phần đại cương của tất cả CTĐT của TBK đều được giảng dạy bởi GV của các đơn vị trong trường ĐHCT với số lượng tín chỉ ít nhất là 52TC/150TC.

Hiện tại, đội ngũ GV của Khoa bao gồm 19 cán bộ giảng dạy hầu hết được đào tạo từ các trường đại học uy tín của nước ngoài: Bỉ, Hà Lan, Mỹ, Úc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản... Trong đó có 7 Phó giáo sư, 09 Tiến sĩ, 3 Thạc sĩ. Các GV của Khoa cùng với một số GV của các đơn vị khác đảm nhiệm chương trình CNKTHH ở khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành.

Trường/Khoa có kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT, được chính thức công bố trên trang web của nhà trường và thông tin đến từng đơn vị [H6.06.01.05]. Chính sách tuyển dụng của Trường ĐHCT đảm bảo đủ GV để thực hiện các nội dung chính của CTĐT. Khoa lập kế hoạch khối lượng công việc của từng GV dựa trên số TC của chương trình học, số lượng hiện có của GV và số lượng NH. Qua đó xác định quy mô về số lượng và chất lượng GV để xây dựng kế hoạch tuyển dụng của đơn vị. Kế hoạch của Khoa được trình cho Ban giám hiệu TBK. TBK lập kế hoạch cho việc tuyển dụng nhân sự mới dựa trên đề nghị từ phía Khoa KTHH vào đầu mỗi năm [H6.06.01.05]. Sau đó, kế hoạch này cần được sự chấp thuận của Ban Giám hiệu trường Đại học Cần Thơ.

Sau khi được tuyển dụng, GV mới sẽ được phân công thực hiện các công việc chuyên môn và các công việc có liên quan. Đồng thời, GV mới cũng như tất cả GV phải tích cực học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để đáp ứng yêu cầu công việc đạt mức yêu cầu của Trường. Hằng năm Trường đều có kế hoạch tổ chức các khóa học nhằm giúp GV, VC bồi dưỡng, chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn giảng viên được quy định của Bộ GDĐT [H6.06.01.06]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến NH đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, qua đó đánh giá chất lượng GV [H03.02.03]. Kết quả cho thấy đội ngũ GV đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo.

Việc kết thúc hợp đồng và hưu trí được hoạch định và thực hiện tốt theo Quy định. Cán bộ phụ trách nhân sự của Trường ĐHCT có trách nhiệm thông báo cho GV và NV đang đến tuổi nghỉ hưu. Trường sẽ ban hành Quyết định nghỉ hưu cho những người ở tuổi nghỉ hưu [H6.06.01.07]. Chế độ cho người nghỉ hưu sẽ được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHCT [H6.06.01.08] và Quy định của Nhà nước với văn bản hướng dẫn của Trường ĐHCT [H6.06.01.07]. Đặc biệt, nếu một người muốn tiếp tục cho đóng góp cho Khoa và Trường, GV và NV đó sẽ được xem xét để ký kết một hợp đồng GV thỉnh giảng/hợp đồng khoán việc hoặc gia hạn thời gian làm việc đối với các GV đạt trình độ chuyên môn cao, có chức danh PGS, TS, có kinh nghiệm nếu Khoa có nhu cầu [H6.06.01.07]. Căn cứ vào Hợp đồng và Quyết định, TBK sẽ sắp xếp lại nhiệm vụ cho GV/NV và thực hiện các chính sách xã hội đối với họ theo quy định của các Khoa/đơn vị có liên quan. Trước khi nghỉ hưu, Khoa/Trường BK xác định danh sách các GV/NV là những người có tuổi nghỉ hưu, sau đó, xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV/NV mới để thay thế và đảm bảo khối lượng công việc được thực hiện liên tục.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và chiến lược phát triển của Khoa và Trường rõ ràng, xác định được quy mô đội ngũ để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa KTHH hai năm gần đây cũng tuyển dụng thêm nhân sự có trình độ Tiến sĩ, ổn định công việc giảng dạy, NCKH và phát triển chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch và chiến lược phát triển của Khoa và Trường chỉ lưu ý đến số lượng và chất lượng của đội ngũ GV mà chưa lưu ý đến cơ cấu giới tính và độ tuổi. Theo báo cáo của Trường, tỷ lệ GV có học vị TS của TBK còn thấp và cơ cấu theo độ tuổi 41-50 còn khá cao. Chênh lệch số lượng GV giữa các nhóm tuổi lớn và số lượng GV dưới 30 tuổi chỉ chiếm 3,2 % (5/153). Điều này cho thấy trong vòng 10 năm tới khi nhiều cán bộ đến tuổi hưu sẽ có sự thiếu hụt nhiều nhân sự có trình độ cao nếu Trường và Khoa không có kế hoạch tuyển dụng phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Trường tiến hành rà soát kế hoạch làm cơ sở điều chỉnh cho phù hợp. Trường và Khoa tiếp tục công khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV và ưu tiên tuyển GV trẻ và GV nữ để có cơ cấu phù hợp theo độ tuổi và giới tính.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ Giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ Giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu Quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học. Tính đến quý 4 năm 2022, tổng số NH của Trường là 42.918 NH. Đội ngũ GV của Trường Đại Học Cần Thơ có 1095 GV, với 589 TS, trong đó có 18 GS, 163 PGS, 4 GV cao cấp (không PGS), 266 GV là Tiến sĩ, 130 GVC là Tiến sĩ, 110 GVC là Thạc sĩ, 390 GV là Thạc sĩ và 14 GV có trình độ Đại học (giảng viên là sĩ quan biệt phái). Như vậy, GV có trình độ SDH là 98,7%, trình độ Tiến sĩ là 53,8%, trình độ Thạc sĩ là 45,6% [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]. Tỷ lệ NH/GV của toàn trường là 39,2. Tỷ lệ này không đảm bảo đáp ứng theo Quy định của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh và đáp ứng theo Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Trên thực tế, ngoài lực lượng giảng viên cơ hữu, trường còn mời nhiều giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước nên tỷ lệ NH/GV thực giảm.

Đối với TBK, đội ngũ GV tính đến tháng 12/2022 có 155 GV cơ hữu và 9 GV đang kiêm nhiệm công tác quản lý cấp Phòng, Ban, trong đó 100% GV có trình độ sau đại học, cụ thể GV có bằng Tiến sĩ trở lên là 68, chiếm 41%, trong đó có 7,3% có học hàm Phó Giáo sư (16), 53% GV có bằng Thạc sĩ (87) [<https://coe.ctu.edu.vn/gioi-thieu/nhan-su.html>] [H6.06.02.03] [H6.06.02.04]. GV luôn có tinh thần không ngừng nâng cao trình độ bằng cấp tại các trường đại học ở các nước phát triển. Về chất lượng, GV của Khoa có trình độ sau đại học cao, đáp ứng yêu cầu tham gia giảng dạy đại học phải có bằng thạc sĩ theo quy định của Bộ GDĐT [H6.06.02.05]. Giảng viên Khoa KTHH tính đến tháng 12/2022 là 19, gồm 6 PGS, 9 TS và 4 ThS. Tỷ lệ GV là TS và có học hàm PGS của Khoa KTHH cao hơn tỷ lệ của TBK và ĐHC. Tỷ lệ GV quy đổi/NH ngành CNKTHH thấp các ngành khác trong TBK, tuy nhiên GV ngành KTHH còn phụ trách thêm một số học phần của ngành Kỹ thuật Vật liệu nên thực chất tỷ lệ này cao hơn nhiều.

Tính đến cuối quý 4 năm 2022, số lượng NH của TBK là 7.066 NH do đó số lượng NH trên GV quy đổi của Khoa là 43 cao hơn Quy định của Bộ GDĐT. Tuy nhiên, do

đặc thù của Trường ĐHCT, khối kiến thức về giáo dục đại cương trong tất cả CTĐT của TBK được đảm nhận bởi đội ngũ GV của các đơn vị khác trong Trường. Đội ngũ GV của TBK chỉ đảm nhận 65% số lượng TC cho mỗi CTĐT. Do đó, thực chất tỷ lệ NH/GV quy đổi thấp hơn quy định. Tuy nhiên, xu hướng tỷ lệ NH/GV sẽ tăng dần qua các năm vì nhu cầu học các ngành khối kỹ thuật ngày càng tăng nên tỷ lệ này sẽ tăng lên. Đối với ngành CNKTHH, do GV giảng dạy cũng đảm nhiệm CTĐT ngành KTVL nên với số lượng NH chính quy cả hai ngành là 712 NH tính đến hết học kỳ 1, năm học 2022-2023 (tức tháng 12/2022) [H6.02.03][H6.06.02.06]. Theo đó, tỷ lệ NH trên mỗi GV quy đổi là 37,7 cao hơn quy định của Bộ GDĐT (tỷ lệ là 25 đối với khối ngành Kỹ thuật). Vì vậy việc tăng cường số lượng và chất lượng của đội ngũ GV của TBK và Khoa KTHH luôn luôn nằm trong Kế hoạch phát triển qua từng giai đoạn. Tuy nhiên, Khoa KTHH có tỉ lệ PGS và TS rất cao (~80%) nên tỉ lệ người học/GV quy đổi (FTE) thực chất nhỏ hơn nhiều.

Trường ĐHCT ban hành QĐ số 871/2021/QĐ-ĐHCT về chế độ làm việc của GV của Trường ĐHCT, trong đó, thời gian làm việc được Quy định là 40 giờ/tuần, tổng quỹ thời gian làm việc trong một năm để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và nhiệm vụ khác là 1760 giờ/năm sau khi trừ các ngày nghỉ theo Quy định. Kết quả công việc của mỗi GV được Quy đổi sang giờ chuẩn và mỗi GV có định mức giờ chuẩn khác nhau tùy theo chức danh, trình độ và hệ số lương [H6.06.02.07]. Vì vậy, khối lượng công việc của đội ngũ GV được Quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Theo quy định, GV phải hoàn thành tối thiểu 50% giờ chuẩn liên quan đến hoạt động giảng dạy trên lớp và GV phải thực hiện ít nhất một trong số các công việc liên quan đến hoạt động NCKH. Đối với GV giữ chức vụ lãnh đạo sẽ được miễn giảm một số giờ chuẩn theo quy định. Hằng năm, GV phải đăng ký kế hoạch thực hiện tổng số giờ giảng dạy và NCKH sao cho đạt số lượng giờ chuẩn tối thiểu theo quy định. Việc kê khai khối lượng công tác sẽ được quản lý bằng phân hệ phần mềm trên hệ thống quản lý tích hợp của Trường ĐHCT [H6.06.02.08]. Các bộ phận có liên quan sẽ tiến hành nhập khối lượng công tác của từng GV theo các hạng mục công việc được Quy định trong Quyết định 871/2021/QĐ-ĐHCT. Thông qua hệ thống này, BGH TBK và BCN Khoa có thể đánh giá và giám sát được khối lượng công tác của từng GV, qua đó có kế hoạch điều chỉnh. Giờ chuẩn GV của Khoa KTHH (phụ trách chương trình CNKTHH) được trình bày ở Bảng 6.1 [H6.06.02.09].

Bảng 6.1: Thống kê giờ chuẩn của GV Khoa KTHH [H6.06.02.09]

Năm	Giảng dạy ĐH chính quy	Giảng dạy sau ĐH	NCKH	Viết sách, giáo trình	Cán bộ Nữ NCKH	Tổng số giờ chuẩn đã thực hiện	Số giờ chuẩn trung bình/GV
2017	7.198	1.469	1.644	62	760	10.424	613
2018	7.831	409	1.143	62	520	11.177	657
2019	11.916	891	1.142	87	590	14.123	830
2020	14.731	913.7	854	111	780	17.247	1.014
2021	10.694	1.068	8.437	160	1.395	20.725	1.219
2022	12.141	2.070	6.215	240	2.150	20.565	1.082

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ NH/GV luôn được giám sát và đo lường làm cơ sở để điều chỉnh Quy mô đội ngũ GV. Đối với GV ngành CNKTHH, tỷ lệ NH/GV quy đổi đạt so với quy định. Nhà Trường có văn bản quy định cụ thể trong việc quy đổi cũng như yêu cầu tối thiểu khối lượng công việc của đội ngũ GV. Ngoài ra, khối lượng thực hiện công việc của từng GV được giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống quản lý, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Nhiều GV chưa đầu tư vào hoạt động NCKH nên số đề tài tham gia cũng như xuất bản phẩm hàng năm rất thấp và không đạt giờ chuẩn NCKH theo quy định của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2022-2023, Trường tăng cường khuyến khích hoạt động NCKH trong đội ngũ GV bằng việc cấp kinh phí cho nhiều đề tài cấp cơ sở, đề tài NCKH sinh viên nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và tăng cường xuất bản phẩm.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển dụng và lựa chọn GV tại Trường ĐHCT đều được thực hiện dựa trên nhu cầu công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy định, quy trình hướng dẫn của Trường ĐHCT [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], Bộ GD&ĐT [H6.06.01.05]. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Có bằng ThS trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng TS đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.01.05].

Công tác tuyển dụng GV được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường với sự giúp việc của PTCCB và các đơn vị trực tiếp tuyển dụng viên chức. Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, khoa học và được trình bày tóm tắt qua 12 bước như sau: (1) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Trường phê duyệt; (2) Trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; (3) Thông báo kết quả phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; (4) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Phòng TCCB ra thông báo tuyển dụng; (5) PTCCB phát hành thông báo tuyển dụng; (6) PTCCB thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển; (7) Lập danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển; (8) Đơn vị có nhu cầu tuyển dụng thành lập Ban đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ứng viên (tổ chức thi giảng, phỏng vấn...); (9) Tổng hợp hồ sơ liên quan đến kết quả đánh giá ứng viên để chuẩn bị họp Hội đồng tuyển dụng; (10) Họp Hội đồng xét tuyển viên chức; (11) Thông báo kết quả trúng tuyển đến các ứng viên; (12) Ký kết hợp đồng lao động với ứng viên được tuyển chọn [H06.03.02]. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV tập sự đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng cũng như giảng thử trước khi được lên lớp chính thức. Trong 01 năm thử việc, GV tập sự thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H6.06.03.03].

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định về tuyển dụng viên chức, Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, PGS,

GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Khoa do Nhà Trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo Khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà Trường [H6.06.03.04].

Các tiêu chí, quy định, quy trình về tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai thông qua các văn bản được gửi trực tiếp đến các đơn vị qua đường công văn và được công bố trên website của Trường và các đơn vị trực thuộc.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện theo đúng quy định và được phổ biến, thông báo công khai rộng rãi.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù thông tin tuyển dụng được phổ biến công khai, kênh thông tin đăng tải thông tin tuyển dụng vẫn chưa được đa dạng. Số lượng đối tượng dự tuyển còn hạn chế, đặc biệt do yêu cầu tuyển dụng trình độ Tiến sĩ khá khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục công khai các Quy trình và tiêu chuẩn của từng vị trí khi thực hiện công việc tuyển dụng. Trường tiếp tục công khai tiêu chuẩn về từng vị trí lãnh đạo khi đề bạt và bổ nhiệm nhân sự quản lý. Từ năm học 2022-2023, Trường ĐHCT tiến hành đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng ngoài trang web nội bộ của Trường để thông tin tuyển dụng được rộng rãi hơn. Ngoài ra, TBK và Khoa KTHH cũng chia sẻ thông tin rộng rãi trên báo, hệ thống tuyển dụng giảng viên online như ResearchGate, VietnamWork, Facebook,... ngay khi có đợt tuyển dụng của Trường.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ Giảng viên, Nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ GV trong TBK và Khoa KTHH đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định của Thông tư liên tịch 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ GD&ĐT về

tiêu chuẩn chức danh GV hạng I, II, III về năng lực giảng dạy và NCKH. Tất cả GV của Trường đều được đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Để được tuyển dụng vào vị trí GV, các ứng viên phải đảm bảo thỏa mãn tất cả các điều kiện, tiêu chí phẩm chất nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; năng lực nghiệp vụ sư phạm; năng lực ngoại ngữ, tin học và sau đó được kiểm tra, đánh giá chặt chẽ bởi hội đồng tuyển dụng, theo quy trình đào tạo GV ban hành bởi Trường ĐHCT [H6.06.04.01].

Các GV trẻ vừa được tuyển dụng sẽ được Khoa phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn trong quá trình tập sự, từ đó các GV trẻ được tư vấn thêm về kiến thức chuyên môn và được hỗ trợ nhiều về phương pháp giảng dạy, sư phạm [H6.06.03.03]. Để được tham gia giảng dạy, các GV trẻ phải được đào tạo thêm khóa học về phương pháp giảng dạy đại học và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV hạng 1, hạng 2, hạng 3 [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Do đó, GV có đầy đủ năng lực để thiết kế và thực hiện các HP được phân công giảng dạy.

Công tác giảng dạy của các GV hàng năm được đánh giá bởi NH thông qua bảng câu hỏi điều tra trực tuyến được thiết kế bởi TTQLCL. NH được yêu cầu hoàn thành bảng câu hỏi sau khi kết thúc HP [H03.02.03]. Thông qua các thông tin phản hồi góp ý từ NH, năng lực giảng dạy của GV được đánh giá và từng bước nâng cao kỹ năng giảng dạy, bổ sung hoặc điều chỉnh nội dung HP và xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp. GV cũng xây dựng kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với việc học của NH.

Năng lực của GV còn được đánh giá bởi đồng nghiệp, Khoa và Trường. Hàng năm, mỗi GV đề xuất và đăng ký khối lượng công việc của năm tiếp theo căn cứ vào Quy định về khối lượng công việc của từng vị trí [H6.06.04.04]. Cuối mỗi năm, Trường và Khoa đều có kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng [H6.06.04.05] [H6.06.04.06] với mẫu phiếu đánh giá dành cho GV-VC [H6.06.04.07]. Tiêu chí đánh giá bao gồm nhiều nội dung như công tác giảng dạy, NCKH, và đóng góp cho cộng đồng. Kết quả đánh giá, xếp loại VC được Khoa trình lên Trường [H6.06.04.08] và sau đó được ký duyệt và công bố [H6.06.04.09].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV của Trường được thực hiện khách quan bằng nhiều cách khác nhau và được công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chưa cụ thể đối với từng chức danh, từng vị trí và áp dụng mẫu chung cho tất cả cán bộ giảng dạy và không giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Khoa tiếp tục xây dựng tiêu chí đánh giá cho từng chức danh, từng vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ Giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT đã ban hành Quy định Tuyển dụng và yêu cầu về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với CBGD của ĐHCT [H6.06.04.01], [H6.06.05.01]. Trong đó, GV sau thời hạn 4 năm kể từ ngày được tuyển dụng phải hoàn thành, hoặc đang tham gia chương trình học cao hơn một bậc so với bằng cấp lúc được tuyển dụng (cụ thể từ đại học lên cao học, từ cao học lên nghiên cứu sinh). GV sau thời hạn 4 năm kể từ ngày có bằng thạc sĩ phải hoàn thành, hoặc đang tham gia chương trình học nghiên cứu sinh. Sau thời hạn 4 năm kể từ ngày có bằng tiến sĩ, GV ở ngạch giảng viên phải tham gia thi nâng ngạch từ giảng viên lên giảng viên chính, hoặc đăng ký tham gia xét chức danh phó giáo sư. GV khi được tuyển dụng đã có bằng tiến sĩ thì sau 4 năm kể từ ngày tuyển dụng phải tham gia thi nâng ngạch từ giảng viên lên giảng viên chính, hoặc đăng ký tham gia xét chức danh phó giáo sư. Vì vậy, mỗi GV đều xác định được tiến trình phấn đấu và nhu cầu đào tạo của bản thân. Căn cứ vào Quy định trong tiến trình phấn đấu, TBK và Khoa KTHH lập kế hoạch đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho đội ngũ GV theo mẫu [H6.06.05.02].

PTCCB gửi thông báo về cho các đơn vị về nhu cầu đào tạo để đăng ký, bao gồm đào tạo dài hạn và đào tạo ngắn hạn [H6.06.05.03]. Trên cơ sở số lượng đăng ký bồi dưỡng từ các đơn vị và kinh phí được phân giao cho hoạt động đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, PTCCB sẽ quyết định số lượng mở lớp và lịch học đồng thời thông báo rộng rãi đến cán bộ ở các Khoa [H6.06.05.03].

Nhà Trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các GV tham dự hội thảo trong nước và quốc tế (hỗ trợ kinh phí tham dự và chi phí đi lại), seminar, các khóa tập huấn ngắn hạn, và cử GV học tập các khóa dài hạn (học Thạc sĩ, Tiến sĩ, Sau Tiến sĩ)

[H6.06.05.04]. Ngoài ra, Trường có chính sách hỗ trợ xúc tiến làm hồ sơ Phó Giáo sư và Giáo sư đối với các GV đủ điều kiện và được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.08].

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Cụ thể, các GV được cử đi học ThS hoặc TS đều phải được lựa chọn dựa trên tiêu chí đúng chuyên ngành và đáp ứng nhu cầu về công tác đào tạo sau khi tốt nghiệp nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo của Khoa và Trường [H06.01.05]. Bên cạnh việc đưa ra nhu cầu đào tạo và thực hiện các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó, Trường ĐHCT định kỳ rà soát tiến trình phấn đấu của GV theo Quy định [H6.06.05.05] nhằm điều chỉnh nhu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng GV.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hằng năm. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ được giám sát và ghi nhận [H6.06.04.08], [H6.06.04.09]. Việc học tập nâng cao trình độ của GV cũng được quản lý thường xuyên. Các GV học tập trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Trường, Khoa theo định kỳ 6 tháng/lần [H6.06.05.06]. Sau khi hoàn thành khoá học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Trường thu nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu [H6.06.05.07].

2. Điểm mạnh

Tiến trình phấn đấu của từng GV được xác định rõ, từ đó nhu cầu đào tạo được xác định rõ ràng và được GV, Khoa, Trường tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện. Nhà Trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV. Khoa KTHH thực hiện bồi dưỡng GV đúng theo kế hoạch. Vì thế, Khoa chiếm 7/13 PGS tham gia giảng dạy TBK và tỉ lệ GV có trình độ TS cao nhất của cả TBK.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHCT là một trường đa ngành nên nhu cầu đào tạo của GV rất đa dạng. Trường cố gắng đáp ứng nhu cầu đào tạo đó, tuy nhiên việc đáp ứng nhu cầu bị chậm trễ đối với chuyên ngành đào tạo chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục rà soát nhu cầu đào tạo và triển khai thực hiện đào tạo hàng năm. Trường sẽ xúc tiến hỗ trợ GV có chuyên ngành đào tạo chuyên sâu ngay khi có nhu cầu.

Từ năm học 2022-20231, Nhà Trường và Khoa lên kế hoạch chiến lược tạo điều kiện về thời gian, kinh phí và bố trí công việc hợp lý để GV tập trung tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là theo học ở bậc TS.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy chế của Trường, mỗi GV phải dành thời gian để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và NCKH theo quy định (giờ G). Mỗi GV sẽ có giờ G nghĩa vụ NCKH, giảng dạy và phục vụ cộng đồng khác nhau phụ thuộc vào chức danh [H6.06.01.08]. GV với chức danh và trình độ cao hơn phải có số giờ chuẩn đảm nhiệm cao hơn trong việc giảng dạy và nghiên cứu, những đơn vị. Ngoài các kế hoạch chung bắt buộc, mỗi GV cũng có thể tự do đăng ký các hoạt động khác liên quan đến giảng dạy hoặc NCKH như đăng ký biên soạn giáo trình, tài liệu học tập; đăng ký seminar; đăng ký thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở [H6.06.06.01]. Trường tổ chức kiểm tra việc phân công giờ giảng ở các bộ môn [H6.06.06.02]. Các trường hợp khoa, cá nhân không hoàn thành giờ nghĩa vụ hoặc chênh lệch giờ giảng quá 500 G phải làm báo cáo giải trình và gửi về Trường thông qua Phòng Tổ chức Cán bộ.

Nhằm khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học, Trường có nhiều cơ chế khen thưởng những cán bộ có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Trường và Khoa như: Công nhận sáng kiến, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân, nhà giáo Ưu tú”; Bằng khen của Bộ Trưởng theo Quy định của Bộ GDĐT [H6.06.06.03]. Cuối mỗi năm, Trường và Khoa đều có kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng [H6.06.06.04] [H6.06.06.05], [H6.06.06.06] với mẫu phiếu đánh giá [H6.06.04.07]. Tiêu chí đánh giá bao gồm nhiều nội dung như công tác giảng dạy, NCKH, và đóng góp cho cộng đồng. Dựa trên mức độ đạt được so với bộ tiêu chí trong Phiếu đánh giá viên chức và đánh giá của đồng nghiệp, HĐ thi đua khen thưởng của Khoa sẽ tổ chức một cuộc họp để bình chọn các danh hiệu như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Sau đó, các danh hiệu này sẽ được HĐ thi đua khen thưởng cấp Trường phê duyệt (đối với danh hiệu

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ). Đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và cao hơn sẽ được HĐ thi đua khen thưởng cấp Trường đề nghị lên HĐ thi đua khen thưởng cấp Bộ xem xét. Các GV được khen thưởng những danh hiệu trên sẽ được nhận Giấy khen, Bằng khen và phần thưởng khích lệ. Ngoài ra, GV có đủ thành tích công tác sẽ được nâng lương trước hạn hoặc được khen thưởng khác [H6.06.06.06].

Nhằm tăng cường năng lực NCKH của GV, Trường ĐHCT đã đề ra mức thưởng bằng giờ chuẩn NCKH cho các công bố quốc tế được SCImago xếp hạng. Từ năm 2021, đối với Tạp chí được xếp hạng Q1, mức thưởng là 1000 G/bài, tạp chí được xếp hạng Q2 thì mức thưởng là 600 G/bài, tạp chí được xếp hạng Q3 là 300 G/ bài và Q4 là 250 G/bài [H6.06.01.08]. Điều này sẽ tạo động lực cho GV/NCV tăng cường viết đề xuất đề tài các cấp và tham gia NCKH để có công bố quốc tế.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được xác định rõ ràng. Kết quả công việc của GV được đánh giá và có chế độ khen thưởng NCKH phù hợp. Việc lên kế hoạch công tác cụ thể cho từng GV cũng như quản trị theo kết quả thực hiện công việc được Trường áp dụng theo đúng quy định, minh bạch công khai trong thời gian qua đã góp phần xây dựng nên một đội ngũ cán bộ chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại

Chính sách khen thưởng chỉ tuân theo Quy định của Nhà nước, chưa làm nổi bật đãi ngộ của Trường ĐHCT ngoại trừ việc khen thưởng NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Trường xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo các chỉ mục cụ thể theo từng vị trí và hạng mục công việc.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện được xác lập và được nêu rõ ràng trong Quy định về chế độ làm việc của GV [H06.02.05]. Các loại hình hoạt động NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án khoa học

công nghệ các cấp; hướng dẫn SV làm NCKH; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; báo cáo seminar cấp đơn vị, tọa đàm về NCKH. Mỗi loại hình sản phẩm NCKH đều được quy đổi sang giờ chuẩn hoặc có cơ chế thưởng riêng theo quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.08].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà GV Khoa KTHH đã thực hiện trong giai đoạn 2017-2021 bao gồm đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ, cấp trường; các báo cáo seminar cấp trường, giáo trình, các xuất bản phẩm ở các tạp chí trong và quốc tế, hội nghị, hội thảo quốc tế [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Trên cơ sở thống kê, Khoa đưa ra các đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, các hoạt động NCKH của GV cũng được định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng. Nhìn chung, GV TBK thực hiện hầu hết các loại hình NCKH mà Trường ĐHCT liệt kê trong Quy định về chế độ làm việc của GV. Hoạt động NCKH của GV còn được thực hiện thông qua công tác hướng dẫn NH viết luận văn, chuyên đề, tiểu luận dù giờ chuẩn được tính theo giờ giảng dạy. Để có thể hướng dẫn tốt NH, đòi hỏi GV cần phải tìm hiểu, học hỏi thông qua các sách, tạp chí trong và ngoài nước cũng như học hỏi thêm từ các đồng nghiệp; từ đó giúp cho khả năng hướng dẫn và NCKH của GV ngày một hoàn thiện và nâng cao hơn. Đối với loại hình hoạt động công bố quốc tế, GV/NCV cần có kinh phí nghiên cứu thông qua các đề tài các cấp. Từ đó GV mới có các công bố quốc tế có giá trị. Trường có Quy định về mức thưởng NCKH phụ thuộc vào chất lượng công trình được công bố (xem thêm Tiêu chí 6.6).

2. Điểm mạnh

Trường xác lập các loại hình NCKH một cách cụ thể, rõ ràng; theo dõi đánh giá chất lượng và số lượng các công trình khoa học để thực hiện việc cải tiến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHCT đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt về việc đấu thầu các Dự án và Đề tài cấp cao nên có các Dự án và Đề tài để thực hiện là vô cùng khó khăn. Bên cạnh đó, Quy trình đề xuất và nghiệm thu Đề tài và Dự án kéo dài gây khó khăn cho việc thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT định kỳ rà soát và hình thành nên các nhóm nghiên cứu mạnh để có đủ khả năng tham gia các Dự án và Đề tài cấp Bộ và cấp Quốc gia.

Nhà trường hỗ trợ giảng viên nộp hồ sơ đề tài các cấp để có kinh phí thực hiện các dự án lớn. Qua đó tạo điều kiện cho cán bộ và SV nâng cao năng lực nghiên cứu, học tập và có các công bố quốc tế có giá trị.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHCT đã quy hoạch đội ngũ GV đảm bảo về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ NH/GV được rà soát, đối sánh liên tục để xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Khối lượng công tác của GV được xác định và được theo dõi bằng phần mềm nên dễ dàng đánh giá và điều chỉnh. Quy trình và tiêu chí tuyển dụng được công khai và rõ ràng, tiêu chí bổ nhiệm chức danh giảng dạy và chức vụ quản lý được phổ biến công khai đến từng đơn vị. Năng lực đội ngũ GV được đánh giá bởi đồng nghiệp, đơn vị quản lý và NH. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ được xác định và hỗ trợ thực hiện đầy đủ. Việc quản trị theo kết quả công việc tạo động lực cho GV. NCKH được khuyến khích thực hiện với đầy đủ các loại hình được xác lập và công nhận.

Trong công tác giảng dạy, đội ngũ GV luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và được ban lãnh đạo cũng như NH đánh giá kết quả thực hiện công việc rất tích cực. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV đã đáp ứng tốt nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHCT. Tuy nhiên, GV của Khoa đảm nhiệm nhiều giờ giảng trên lớp làm hạn chế thời gian NCKH.

Việc tuyển dụng đội ngũ GV chưa chú ý nhiều đến giới tính cũng như độ tuổi nên phân bố độ tuổi và giới tính chưa thật sự phù hợp. Tỷ lệ NH/GV được giám sát toàn Trường nhưng chưa chú ý đến từng CTĐT nên có sự thay đổi nhiều giữa các CTĐT mặc dù tỷ lệ NH/GV của toàn trường là phù hợp theo Quy định của BGDDĐT. Đối với một số chuyên ngành chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu đào tạo của GV các chuyên ngành này là một vấn đề khó khăn của Trường ĐHCT. Việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Trường ĐHCT vẫn đang tiến hành.

Hiện nay, độ tuổi của GV, NCV trong TBK và Khoa KTHH tập trung chủ yếu từ 30-50 tuổi. Số lượng GV < 30 tuổi rất ít khiến lực lượng giảng dạy mất cân đối. Nhà

trường cần tăng cường tuyển dụng GV trẻ nhằm đảm bảo tỷ lệ NH/GV cũng như chuẩn bị đội ngũ có trình độ, kinh nghiệm một cách lâu dài. Xây dựng chính sách để hình thành nên các nhóm nghiên cứu mạnh không những cho CTĐT ngành KTHH mà còn cho CTĐT các ngành khác là ưu tiên kế tiếp mà nhà trường sẽ thực hiện hàng năm.

Tiêu chuẩn 6 có 6 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Sự thành công của chương trình đào tạo CNKTHH luôn gắn liền với chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo luôn được đặt lên hàng đầu khi xây dựng và phát triển ngành CNKTHH nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Bên cạnh sự nỗ lực của đội ngũ chủ chốt là GV, mối quan hệ giữa GV và NH, rất cần sự đồng hành và hỗ trợ tối đa của đội ngũ NV. Đội ngũ này là những người làm việc tại các phòng ban, các trung tâm của Trường cũng như đội ngũ làm việc tại văn phòng Trường, Khoa, thư viện Trường, Khoa và các trung tâm. Do đó, Trường ĐHCT đã đưa ra những chính sách, chủ trương, phương pháp và giải pháp từ tuyển dụng đến nâng cao năng lực, phát triển chuyên môn cũng như đánh giá đội ngũ NV một cách tốt nhất nhằm đạt chất lượng phục vụ và chất lượng đào tạo ngày càng tốt hơn và hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trong Đề án điều chỉnh, quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2030, Trường đã đề ra kế hoạch hành động để xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường. Cụ thể, đề án có phân tích/dự báo cũng như đề xuất các giải pháp về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức toàn trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.03]. Do nhiệm vụ của từng phòng ban, trung tâm được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ [H7.07.01.01] nên đội ngũ NV cũng xác định rõ tính chất công việc cũng như vai trò, nhiệm vụ của chính mình. Bên cạnh đó, do có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công việc nên đội ngũ này luôn đồng hành và góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tất cả các ngành nói chung và ngành CNKTHH

nói riêng. Tính đến tháng 12/2022, đội ngũ NV của Trường là 417 cán bộ trên tổng số 1.513 cán bộ, chiếm 27,56% (Bảng 7.1) [H7.07.01.02]. Riêng số lượng NV của TBK tính đến tháng 12 năm 2022 là 28 NV và 01 GV kiêm nhiệm phụ trách công tác trợ lý NCKH, HTQT và QLDA, chiếm tỉ lệ 15.56% trong tổng số 180 cán bộ của TBK. Ngoài ra, trình độ của đội ngũ NV thuộc TBK cũng được thể hiện rõ ràng ở Bảng 7.2, trong đó có 3 NV có trình độ ThS [H7.07.01.03]. Bên cạnh đó, thống kê số lượng nhân viên trong 5 năm từ 2018-2022 của TBK cho thấy số lượng NV tương đối ổn định, số lượng nhân viên này bao gồm cả nhân viên các trung tâm trực thuộc trường, phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường Bách khoa (Bảng 7.3)[H7.07.01.04]. Với số lượng và chất lượng NV hiện nay đã đáp ứng yêu cầu công việc của ĐHCT nói chung và TBK nói riêng theo khung năng lực vị trí việc làm của Trường [H7.07.01.05].

Bảng 7.1: Thống kê số lượng NV của Trường ĐHCT

NV	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số	Trường Bách khoa
	Khác	Đại học/CD	ThS	TS		
NV thư viện	2	19	8	1	30	1
NV PTN	23	22	20	0	65	17
NV CNTT	0	29	8	0	37	2
NV hành chính	11	90	62	2	165	4
NV hỗ trợ NH (NV quản lý NH, NV bảo vệ cơ quan, NV lái xe, NV vệ sinh)	78	13	0	0	91	4
Tổng số	114	173	98	3	388	28

**Số liệu được thống kê tính đến ngày 31/12/2022*

Bảng 7.2: Thống kê trình độ NV của TBK

NV	Trình độ cao nhất đạt được	Tổng số
----	----------------------------	---------

	Khác	Đại học/CĐ	ThS	TS	
NV thư viện	0	1	0	0	1
NV PTN	1	16	0	0	17
NV CNTT	0	2	0	0	2
NV hành chính	0	0	1	0	1
NV trợ lý giáo vụ	0	0	1	0	1
NV trợ lý NCKH (kiêm nhiệm)	0	0	1	0	1
NV văn thư	0	0	1	0	1
NV quản lý phòng học	1	0	0	0	1
NV bảo vệ	3	1	0	0	4
Tổng số					29

**Số liệu được thống kê tính đến ngày 31/12/2022*

Bảng 7.3: Thống kê số lượng NV của TBK trong 5 năm gần nhất

Năm	Tổng số		Giảng viên		Nhân viên khác	
	Toàn trường	TBK	Toàn trường	TBK	Toàn trường	TBK
2018	1539	175	1093	144	446	31
2019	1519	168	1090	138	429	30
2020	1503	171	1082	142	421	29
2021	1503	176	1084	141	419	35
2022	1513	180	1096	144	417	36

**Số liệu được thống kê trong 5 năm gần nhất (2018-2022)*

Tùy theo nhiệm vụ được Ban giám hiệu TBK phân công, mỗi NV đều cố gắng phấn đấu hỗ trợ tốt nhất cho GV và NH trong tất cả các hoạt động từ phục vụ giảng dạy, NCKH đến các công tác hành chính và các vấn đề liên quan đến GV và NH. Đặc biệt là đội ngũ NV thuộc Văn phòng TBK, luôn thể hiện tốt vai trò hỗ trợ Ban giám hiệu TBK giải quyết tất cả các vấn đề liên quan nhiều đến NH, GV. Nhiệm vụ và chức năng của từng NV thuộc Văn phòng TBK được thể hiện rõ ràng và đưa lên website của TBK để

NH cũng như GV dễ dàng liên lạc khi cần thiết [H7.07.01.06]. Các NV này đa phần có nhiều kinh nghiệm và chủ động xử lý linh hoạt các tình huống cấp thiết.

Để có thể phát triển TBK nói chung và đội ngũ NV TBK riêng, TBK có kế hoạch phát triển đơn vị cụ thể và định hướng rõ ràng theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu thực tế và theo xu thế phát triển của Nhà Trường [H4.04.01.04]. Ngoài ra, dựa trên đánh giá/phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV có thể thấy đội ngũ NV là nhân tố không thể thiếu trong việc góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo ngành CNKTHH, đáp ứng về nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Khoa [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV hỗ trợ tại các phòng ban chức năng, trung tâm và đội ngũ NV của TBK được Nhà Trường quy hoạch đủ về số lượng và có trình độ chuyên môn phù hợp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ một cách chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ tích cực, hiệu quả công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Còn một số NV hiện tại do đã lớn tuổi, gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cũng như kỹ năng mềm.

4. Kế hoạch hành động

Hằng năm, nhà Trường tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ NV cũng như đội ngũ GV kiêm nhiệm hay GV có quan tâm để nâng cao năng lực nhằm đạt hiệu quả công việc tốt hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các Nghị định của chính phủ, Trường ĐHCT ban hành các quy định về tuyển dụng viên chức, trong đó nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, các thông tin đều được công bố công khai trên website của Trường. Về tuyển dụng viên chức, Trường đã ban hành quy định số 1980/QĐ-ĐHCT ngày 30/06/2021 về tuyển dụng viên chức, nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng [H7.07.02.01], trong đó, quy trình tuyển

dụng được quy định rõ ràng và minh bạch [H6.06.03.03]. Trường cũng đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Văn phòng khoa, Văn phòng Trường, Viện, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc Trường để ứng viên cũng như viên chức, các bên liên quan dễ dàng liên hệ công việc và hiểu rõ hơn vị trí mình sẽ ứng tuyển [H7.07.02.02]. Đồng thời, nhà Trường cũng ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường [H7.07.02.03].

Để có sở sở tuyển dụng, dựa vào tình hình thực tế, các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng NV, GV sẽ gửi kế hoạch các vị trí cần tuyển dụng cho TBK để TBK làm công văn gửi lên Trường [H7.07.02.04] [H6.06.02.06]. Sau khi xem xét, nhà Trường sẽ ra quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức [H7.07.02.05] và ra thông báo chỉ tiêu tuyển dụng [H7.07.02.06]. Trường cũng ra quyết định tuyển NV hay GV tương tự cho trường hợp đơn vị trả lương [H7.07.02.07].

Với các tiêu chí tuyển dụng, NV cần đáp ứng được trình độ chuyên môn và thâm niên làm việc cũng như khả năng sử dụng thành thạo vi tính và ngoại ngữ theo quy định của Bộ nội vụ đối với từng vị trí ứng tuyển như chuyên viên, kế toán viên, kỹ thuật viên, thư viện viên hay kỹ sư [H7.07.02.08]. Sau khi trúng tuyển, cũng giống như GV, NV cũng phải trải qua một năm tập sự hay thử việc. Nếu hoàn thành nhiệm vụ, NV sẽ được bổ nhiệm chính thức vào vị trí đã ứng tuyển sau thời gian thử việc [H7.07.02.09]. Riêng đối với NV hợp đồng, khi hợp đồng hết hạn NV sẽ được đánh giá bởi đơn vị. Nếu NV đã hoàn thành nhiệm vụ và đơn vị có nhu cầu thì hợp đồng sẽ được ký lại.

Tất cả các thông tin liên quan đến việc tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển đều được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ bằng nhiều hình thức như trang thông tin điện tử của Trường, của Khoa, bảng thông báo, email nội bộ. Đối với cổng thông tin của Trường, các thông tin về tuyển dụng được đăng tải tại mục Thông tin tuyển dụng [H7.07.02.10], trang web chính của Phòng TCCB hoặc trang web về thông tin việc làm tại trang chủ [H7.07.02.11] để ứng viên có quan tâm dễ dàng tìm kiếm thông tin.

2. Điểm mạnh

Tất cả các tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển dụng, lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển đều tuân thủ đúng quy định về công tác cán bộ của Trường. Bên cạnh đó, các kế

hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng cán bộ cho từng đơn vị đều được Trường thực hiện nghiêm túc, rõ ràng và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Đa phần đội ngũ NV phụ trách các vị trí đều ổn định, ít thay đổi, chính vì vậy, đội ngũ NV chỉ cần cố gắng hoàn thành tốt công việc nên đôi khi chưa có cơ hội phát huy tối đa các kỹ năng mềm khác.

4. Kế hoạch hành động

Tương tự như GV, Trường lên kế hoạch khảo sát ý kiến đóng góp của các BLQ hằng năm nhằm hoàn thiện các tiêu chí tiêu dụng cũng như luôn sẵn sàng tiếp nhận, lắng nghe góp ý từ các BLQ để việc bổ nhiệm, điều chuyển NV phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh các tiêu chí đội ngũ NV cần đạt được theo quy định của Bộ nội vụ thì năng lực của đội ngũ NV được xác định và đánh giá hàng năm. Đối với năng lực của đội ngũ NV bao gồm nhóm năng lực chung, nhóm năng lực chuyên môn và nhóm năng lực quản lý, tùy theo từng vị trí công việc mà yêu cầu cụ thể sẽ khác nhau. Để đánh giá năng lực làm việc của NV, đầu tiên, Nhà Trường thành lập tổ soạn thảo đánh giá Quy định về đánh giá viên chức của Trường [H7.07.03.01] căn cứ vào Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ban hành ngày 09/06/2015 [H7.07.03.02] và số 88/2017/NĐ-CP ban hành ngày 27/07/2017 [H7.07.03.03] của chính phủ về đánh giá, xếp loại cán bộ công chức, viên chức, căn cứ vào Luật giáo dục 2012 [H7.07.03.04]. Sau đó, nhà Trường thành lập Hội đồng đánh giá Thi đua-Khen thưởng [H7.07.03.05] và lập kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng hằng năm [H7.07.03.06]. Trong đó, quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của NV cũng như GV được phổ biến đến các đơn vị bằng văn bản và công khai trên website của Trường hằng năm theo kế hoạch đã thông báo.

Dựa vào kế hoạch và quy định đánh giá của Trường, TBK tiến hành cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá dành cho NV trên cơ sở các tiêu chí chung theo Quy định để NV có thể tự đánh giá, sau đó đồng nghiệp đánh giá và Ban giám hiệu TBK đánh giá. Các tiêu chí này được công bố rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.07]. Kết quả đánh giá NV trong giai

đoạn từ 2018 đến 2022 cho thấy, tất cả các NV thuộc TBK đều hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Bảng 7.4) [H7.07.03.08].

Bảng 7.4: Thống kê kết quả đánh giá NV Trường Bách khoa trong 5 năm gần nhất

Năm	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không xét
2018	35	18	17	0	0
2019	34	8	22	4	0
2020	34	4	30	0	0
2021	31	15	13	3	0
2022	30	16	11	2	1

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ NV được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên theo các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, minh bạch, công khai.

3. Điểm tồn tại

Trường khuyến khích đội ngũ NV đăng ký các đề tài nghiên cứu hoặc cải tiến các thủ tục hành chính để hoạt động hành chính được tinh gọn và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì việc đánh giá hàng năm và tiến hành cải tiến các tiêu chí đánh giá cho phù hợp với từng vị trí công việc dựa trên các góp ý của các bên liên quan và tùy tình hình thực tế tại mỗi đơn vị.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Với các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai, năng lực của đội ngũ NV cũng được xác định và đánh giá định kỳ hàng năm thì nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV để có thể đáp ứng các yêu tố đó là rất thiết thực. Chính vì vậy, Phòng TCCB luôn gửi thông báo về cho tất cả các đơn vị đăng ký các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn

ng nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các lớp tập huấn ngắn hạn để NV có thể tham gia học tập, rèn luyện các kỹ năng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc. Vào thời điểm cuối năm, Nhà Trường lên kế hoạch đăng ký nhu cầu bồi dưỡng viên chức, người lao động cho năm kế tiếp [H6.06.04.02], [H7.07.04.01]. Sau khi có thông báo, TBK sẽ triển khai cho viên chức, người lao động có nhu cầu đăng ký và gửi về Trường theo mẫu của Phòng Tổ chức cán bộ gửi [H7.07.04.02]. Thông qua kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức và người lao động thuộc các đơn vị làm căn cứ để Phòng TCCB, Phòng Tài chính xây dựng dự toán kinh phí chi cho các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho NV. Dựa vào tình hình thực tế và nhu cầu đăng ký, Trường tổ chức các lớp tập huấn phù hợp dành cho đối tượng NV.

Nhằm phát huy tối đa vai trò của đội ngũ NV trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, TBK luôn khuyến khích NV đăng ký và tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ như bồi dưỡng Quản lý nhà nước dành cho chuyên viên và chuyên viên chính [H7.07.04.03], bồi dưỡng ngạch chuyên viên [H7.07.04.04], nghiệp vụ Thông tin-Thư viện [H7.07.04.05]. Bên cạnh đó, TBK còn khuyến khích NV tham gia các lớp võ thuật nhằm nâng cao thể lực và nâng cao nghiệp vụ truy bắt và khống chế tội phạm [H7.07.04.06]. Một số NV còn được đề cử tham gia tập huấn công tác PCCC để sẵn sàng ứng phó khi có tai nạn xảy ra [H7.07.04.07]. Để chất lượng phục vụ ngày càng được cải tiến, TBK còn cử NV học tập dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn [H7.07.04.08]. Kinh phí có liên quan do Trường đài thọ hay cán bộ tự túc đều được ghi rõ trong quyết định được cử đi học theo các quy định của Trường [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]. NV sau khi học tập nâng cao trình độ về sẽ có quyết định thu nhận [H7.07.04.11]. Bảng 7.5 mô tả những hoạt động đào tạo mà TBK đã thực hiện trong giai đoạn 2018-2022.

Bảng 7.5: Thống kê hoạt động đào tạo cho đội ngũ NV TBK

STT	Nội dung đào tạo	Số lượng NV của TBK tham dự theo năm				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Nghiệp vụ quản trị	0	0	0	0	0
2	Nghiệp vụ quản lý	0	0	0	0	0

STT	Nội dung đào tạo	Số lượng NV của TBK tham dự theo năm				
		2018	2019	2020	2021	2022
3	Kỹ năng giao tiếp	0	0	0	0	0
4	Nghiệp vụ thủ thư	0	0	0	0	0
5	Nghiệp vụ thông tin thư viện	1	0	0	0	0
6	Đào tạo tin học/ngoại ngữ	0	0	0	0	0
7	Đào tạo đại học	0	0	0	0	0
8	Đào tạo thạc sĩ	0	1	1	1	0
9	Chuyên viên	0	0	0	0	0
10	Chuyên viên chính	0	0	0	0	0
	Tổng	1	1	1	1	0

2. Điểm mạnh

-Trường ĐHCT và TBK luôn ủng hộ đội ngũ NV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn cũng như phát triển năng lực cá nhân.

-Đa phần NV luôn chủ động đăng ký học tập và nâng cao năng lực bồi dưỡng chuyên môn dù kinh phí tự phúc hay được trường đài thọ để đáp ứng nhu cầu công việc được phân công.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí do nhu cầu đào tạo không đủ mở lớp nên cũng một số NV dù đăng ký cũng chưa mở lớp được.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT tiếp tục tổ chức các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ NV của Trường và các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, Trường ĐHCT và TBK luôn khuyến khích NV chủ động các nguồn kinh phí tài trợ để đăng ký tập huấn ngắn hạn để bồi dưỡng chuyên môn cũng như nâng cao năng lực nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường có quy định rõ ràng về công tác chuyên môn đối với từng vị trí công việc của đội ngũ NV [H7.07.01.01] và cũng đã phê duyệt khung năng lực vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ và bản mô tả vị trí việc làm tại Trường nên việc quản trị theo kết quả công việc của NV được thực hiện tốt [H7.07.01.05]. Dựa vào quy định về công tác chuyên môn đối với từng vị trí cũng như khung năng lực vị trí việc làm đã được phê duyệt, Ban giám hiệu TBK cùng với Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm phân công nhiệm vụ NV định kỳ đầu năm theo kế hoạch chung của trường. Sau đó, qua mỗi lần họp giao ban Trường, giao ban Khoa sẽ tiến hành kiểm tra lại công việc NV đã làm và tiếp tục phân công công việc cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế. Qua mỗi lần họp giao ban, trưởng đơn vị cũng giám sát và đánh giá khối lượng cũng như chất lượng NV đạt được và có ghi nhận lại thông qua các biên bản giao ban để có cơ sở đánh giá. Hằng năm, Trường lập kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua-khen thưởng [H7.07.03.06]. Căn cứ quy định này, TBK đã tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ viên chức theo phương pháp chấm điểm định lượng dựa trên các chỉ số hiệu quả công việc chủ yếu KPI (Key Performance Indicators). Sau vài năm áp dụng, phương pháp này tỏ ra hiệu quả và không còn tình trạng khiếu kiện như phương pháp đánh giá cảm tính trước đó. Chính vì vậy, TBK đã có công văn đề nghị Nhà trường cho phép TBK được đánh giá, phân loại viên chức hàng năm theo phương pháp KPI [H7.07.05.01]. Cụ thể, TBK đã thiết lập bộ tiêu chí đánh giá KPI gồm 8 phần như sau: 1) Chấp hành chính sách và pháp luật nhà nước;

(2) Kết quả công tác; (3) Tinh thần kỷ luật; (4) Tinh thần phối hợp trong công tác; (5) Tính trung thực trong công tác; (6) Lối sống đạo đức; (7) Tinh thần học tập nâng cao trình độ; (8) Tinh thần và thái độ trong công tác [H7.07.03.07]. Quy trình đánh giá này được triển khai rộng rãi đến toàn bộ viên chức, đặc biệt đội ngũ NV để đảm bảo công bằng và khách quan. Kế hoạch thực hiện đánh giá được thực hiện đồng thời với đánh giá GV, tuy nhiên, tiêu chí đánh giá của NV khác với tiêu chí đánh giá của GV. Công tác thi đua-khen thưởng được thực hiện giống nhau cho GV và NV. Kết quả đánh giá NV được công bố cùng thời gian với kết quả đánh giá GV. Tất cả NV thuộc TBK đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên [H7.07.05.02] (Bảng 7.6).

Bên cạnh đó, dựa vào điều kiện cụ thể tình hình phát triển của nhà Trường, các quy định có điều chỉnh, bổ sung về vị trí việc làm trước khi ban hành điều cho tất cả GV, NV được tham gia xây dựng và góp ý trong quá trình xây dựng quy định. Ban giám hiệu TBK sẽ tổng hợp ý kiến của tất cả cán bộ và gửi về Trường [H7.07.05.03]. Chính vì vậy, việc quản trị theo kết quả công việc của NV luôn được thực hiện tốt để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 7.6: Thống kê danh hiệu thi đua NV Trường Bách khoa trong 5 năm gần nhất

Danh hiệu	Số lượng NV đạt danh hiệu theo năm				
	2018	2019	2020	2021	2022
Lao động tiên tiến	30	30	33	31	25
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	5	4	1	0	2

2. Điểm mạnh

Trường Bách khoa đã lập phiếu đánh giá (KPI) riêng cho đội ngũ NV, các tiêu chí đánh giá NV được công khai, rõ ràng theo từng công việc nên có cơ sở để đánh giá năng lực của từng NV.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí trong phiếu đánh giá thường chia đều cho tất cả các công việc trong khi mỗi NV phụ trách các vị trí khác nhau nên sẽ khó hoàn thành xuất sắc tất cả các nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hành động

Trường nên có hình thức khen thưởng riêng cho đội ngũ NV, các tiêu chí đánh giá cần được cải tiến để phù hợp với từng vị trí công việc, tạo thêm động lực phấn đấu cho đội ngũ NV.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV là một trong những yếu tố góp phần không nhỏ đến sự thành công của CTĐT ngành CNKTHH nói riêng và tất cả các ngành đào tạo thuộc Trường ĐHCT nói chung. Việc quy hoạch đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai cũng như năng lực của đội ngũ NV cũng được xác định và được đánh giá. Ngoài ra, việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV được tổ chức hằng năm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc. Các tiêu chí đánh giá đội ngũ NV để làm cơ sở khen thưởng và công nhận được xác định và công khai trong toàn thể đội ngũ NV nên nhận được sự đồng thuận cao, góp phần tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ NV. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được thực hiện tốt để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Chính sách và quy trình thu nhận SV của Trường ĐHCT rất rõ ràng giúp Trường tuyển `sinh được SV đầu vào có chất lượng. Hệ thống quản lý tích hợp giám sát sự tiến bộ trong học tập của SV được thực hiện một cách kịp thời và minh bạch. Quá trình học

tập, rèn luyện của SV còn được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV của các GV, CVHT, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích tốt của Trường cũng đã góp phần nâng cao CLĐT cho NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của ngành KTHH tuân theo chính sách tuyển sinh của Trường ĐHCT và được công bố công khai. Hình thức xét tuyển chủ yếu vào ngành KTHH là xét tuyển theo học bạ và điểm thi tốt nghiệp PTTH. Chính sách tuyển sinh này phù hợp với những quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT [H8.08.01.01]. Hàng năm, Trường ĐHCT lập kế hoạch tuyển sinh các ngành và đề ra đề án tuyển sinh của Trường và được Bộ GDĐT xét duyệt [H8.08.01.02]. Điểm tuyển sinh các năm trước, chỉ tiêu tuyển sinh mới cũng được thống kê bao gồm chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng đăng ký xét tuyển, điểm sàn, điểm chuẩn, số lượng trúng tuyển... [H8.08.01.03]. Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách đầy đủ và chi tiết từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển [H8.08.01.02].

Kế hoạch tuyển sinh của Trường ĐHCT sau khi được Bộ GDĐT chấp thuận được công bố công khai trên website của Trường và chia sẻ trên các trang mạng xã hội như Facebook, các diễn đàn của NH. Căn cứ vào Đề án tuyển sinh hàng năm được Bộ GDĐT xét duyệt, Trường sử dụng website để thông báo công khai kế hoạch tuyển sinh đến các thí sinh bao gồm mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển (nguyên vọng I và các nguyện vọng bổ sung), cập nhật thông tin xét tuyển, đối tượng ưu tiên, công bố và gửi kết quả trúng tuyển (các nguyện vọng), thời hạn kết thúc việc xét tuyển, thời gian bắt đầu nhập học chính thức. Thông tin tuyển sinh được in thành tờ rơi và cung cấp miễn phí cho các trường PTTH khi thực hiện Tư vấn tuyển sinh [H8.08.01.04]. Ngoài ra, Trường cũng công khai các chính sách này trên các phương tiện truyền thông, kết hợp tổ chức ngày Hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp để thí sinh có thể tiếp cận với các ngành học của Trường [H8.08.01.05]. Các thông tin về Trường, Khoa, BM, CTĐT, vị trí làm việc và nơi làm việc được giới thiệu chi tiết trong video clip giới thiệu ngành tại website của Trường, điều này giúp cho các ứng viên định hướng chọn lựa ngành phù hợp, giúp đảm bảo số lượng và chất lượng SV đầu vào [H8.08.01.06]. Mặc dù thông tin

tuyển sinh của ngành KTHH khá đầy đủ và phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông nhưng thí sinh ở vùng sâu, vùng xa và vùng khó khăn vẫn chưa được tiếp cận tốt.

Để đảm bảo số lượng và chất lượng SV đầu vào, chính sách tuyển sinh của ngành KTHH luôn có khảo sát của các BLQ [H2.02.02.09], [H8.08.01.07]. Trường ĐHCT căn cứ vào các quy định hiện hành, có sự góp ý, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực của các BLQ để đề ra chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho ngành [H8.08.01.03]. Trường dựa vào nhu cầu tuyển dụng nhân lực hằng năm của các doanh nghiệp, dự báo nhu cầu về thị trường lao động [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], đồng thời dựa vào các hướng dẫn công tác tuyển sinh, các thông tư bổ sung của Bộ GDĐT cho nhóm ngành kỹ thuật hệ chính quy để xây dựng chính sách tuyển sinh cho ngành KTHH. Nhu cầu nhân lực của ngành KTHH đang ở mức rất cao, vì vậy chỉ tiêu tuyển sinh của ngành KTHH được xác định tối đa theo số lượng GV đang đào tạo cho ngành KTHH và có sự điều chỉnh theo ngưỡng chất lượng được quy định bởi Bộ GDĐT cho mỗi đợt tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành CNKTHH được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Chưa thể thực hiện việc Tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại những vùng khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, trường Bách khoa phối hợp với Phòng Đào tạo để tăng cường công tác Tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại những vùng khó khăn, khó tiếp cận thông tin đại chúng.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV ngành CNKTHH được Trường và TBK xây dựng từ Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Đề án tuyển sinh của Trường. Trường thực hiện tuyển sinh ngành CNKTHH dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia và điểm học bạ (hình thức xét tuyển theo học bạ được áp dụng từ năm 2020). Tổ hợp các

môn xét tuyển cho ngành CNKTHH được công bố trong Đề án tuyển sinh của Trường và trong Tờ rơi tuyển sinh bao gồm tổ hợp môn khối A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh Văn), B00 (Toán, Hóa, Sinh), D007 (Toán, Hóa, Tiếng Anh). Dựa trên kết quả tổng hợp về điểm số tổ hợp môn của các ứng viên trong kỳ thi, điểm học bạ và chỉ tiêu dự kiến ban đầu của ngành, Khoa và Trường xác định điểm trúng tuyển của ngành tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng mức điểm sàn do Bộ GDĐT quy định cho từng Khối thi. Cuối cùng, danh sách ứng viên trúng tuyển sẽ được công bố trên website của Trường, báo chí và gửi thư thông báo đến các địa chỉ của ứng viên. Điểm trúng tuyển của ngành dựa trên tổ hợp môn phản ánh đúng trình độ NH. Quy trình tuyển chọn như trên mang tính khách quan và thực hiện nghiêm túc từ cấp Trường đến cấp Khoa, tạo cho SV cơ hội được tham gia chương trình một cách công bằng và đúng theo khối ngành [H8.08.01.02]. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho ngành CNKTHH được rà soát, đánh giá hàng năm và được đưa vào đề án tuyển sinh chung của Trường.

Trường thông báo đến các SV đủ điều kiện trúng tuyển các thông tin cần thiết (mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển, cập nhật thông tin xét tuyển, công bố và gửi kết quả trúng tuyển, thời hạn kết thúc việc xét tuyển, thời gian bắt đầu nhập học chính thức) để các tân SV có thể hoàn thành thủ tục nhập học tại Trường. Các tài liệu cần thiết cho SV trong năm đầu tiên được phát khi SV làm thủ tục nhập học, [H8.08.02.01]], [[H8.08.01.06].

Kết quả đầu vào của một số ngành thuộc TBK được trình bày trong Bảng 8.1. Điểm trúng tuyển của ngành CNKTHH được xếp vào mức tương đối cao so với các ngành khác của TBK. Điều này cũng tạo tâm lý thoải mái cho ứng viên khi đăng ký nguyện vọng vào ngành CNKTHH. Kết quả so sánh điểm tuyển sinh của các trường đại học cho thấy Trường ĐHCT có điểm tuyển sinh tương đối cao trong cả nước [H8.08.01.03].

Hình 8.1 So sánh điểm chuẩn ngành CNKTHH của Trường ĐHCT so với các trường trong vùng có đào tạo ngành CNKTHH. Kết quả so sánh cho thấy Trường ĐHCT tăng dần điểm chuẩn từ 14 điểm năm 2019 đến 21.75 năm 2021, sắp xỉ với điểm chuẩn của Trường ĐH KHTN-ĐHQG TPHCM.

Bảng 8.2 và ghi nhận số lượng thí sinh đăng ký tuyển sinh và số lượng thí sinh trúng tuyển ghi danh vào ngành CNKTHH của Trường ĐHCT. Năm 2019-2020 số lượng thí sinh đăng ký vào ngành CNKTHH giảm 50% so với trước đó do ảnh hưởng thời gian đầu của dịch bệnh covid-19, số lượng thí sinh năm 2020-2021 không tăng nhưng số

lượng trúng tuyển tăng 58% so với năm 2019-2020 cho thấy sự thu hút của ngành CNKTHH trường ĐHCT.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành KTHH được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Không

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Trường Bách khoa phối hợp với Phòng Đào tạo để tăng cường công tác Tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại những vùng khó khăn, khó tiếp cận thông tin đại chúng. Đồng thời đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh để thu hút thí sinh đối với ngành KTHH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các bộ phận/NV chuyên trách (GV, CVHT, trợ lý đào tạo, đội ngũ NV các phòng/ban/trung tâm, các tổ chức đoàn thể) được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV một cách kịp thời và nhân văn. Công tác giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của SV được quản lý thường xuyên với sự hỗ trợ của CVHT và của đội ngũ GV BM, Khoa, Trường [H8.08.03.01]. Mỗi năm SV đều được hướng dẫn sinh hoạt đầu khóa, đặc biệt là SV mới vào năm thứ nhất, Trường và Khoa kết hợp tổ chức sinh hoạt đầu khóa để cung cấp, hỗ trợ cho tân SV những thông tin cần thiết, giới thiệu CVHT để hướng dẫn SV về kế hoạch học tập và các sinh hoạt khác theo lớp chuyên ngành [H8.08.01.06], [H8.08.03.02].

Quá trình học tập của SV được giám sát và theo dõi, tư vấn giúp đỡ một cách có hệ thống. Trường ĐHCT đã sử dụng HTQLTH để quản lý công tác dạy và học trong trường nhiều năm qua, đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho SV đăng ký HP, theo dõi tiến độ học tập của cá nhân để có những thay đổi, cải thiện HP hợp lý. Trong quy định về công tác học vụ của trường quy định rất rõ về việc thực hiện KHHT, đăng ký HP, đánh giá

HP cũng như trách nhiệm của CVHT và GV giảng dạy HP. Hiện tại, HTQLTH hoạt động khá tốt, chỉ rõ trường hợp SV bị cảnh báo học vụ, lý do SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp,...[H8.08.03.03]. Bằng cách sử dụng dữ liệu có sẵn từ HTQL, CVHT truy cập tình hình học tập của SV tại bất kỳ thời gian nào [H8.08.03.04]. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp xúc trao đổi giữa CVHT và NH, PĐT đã sắp lịch chính thức cho GV 4 lần/HK chính, cách nhau khoảng 3 – 4 tuần, mỗi buổi gặp gỡ là 01 tiết học [H8.08.03.05]. Đối với ngành CNKTHH, CTĐT được thiết kế theo hệ thống tín chỉ của Bộ GDĐT. Tân SV được CVHT hướng dẫn lập KHHT hoàn chỉnh cho toàn bộ khóa học theo KHHT do BM đề xuất. Căn cứ vào KHHT, SV sẽ được học các HP trong chương trình chính xác và đầy đủ, đồng thời các HP sẽ được phân bổ một cách hợp lý cho mỗi HK. Trong học kỳ, SV được phép đăng ký tối đa 25 tín chỉ, tương đương với 7 – 8 HP trong HK chính, như vậy một SV trung bình có thể theo học thời gian tối đa cho phép học theo hệ thống tín chỉ là gấp đôi thời gian đào tạo của ngành học. Ngoài 2 HK chính trong một năm học, Trường cũng mở HK thứ ba (HK diễn ra trong hè) cho những SV muốn rút ngắn thời gian học tập. Sau mỗi HK, Trường cho phép SV được điều chỉnh KHHT dựa vào điều kiện và khả năng của từng NH.

Việc tham gia các lớp HP của SV được theo dõi bởi các giảng viên phụ trách HP bằng nhiều hình thức khác nhau. GV có thể điểm danh trong các lớp học hoặc ghi nhận sự đóng góp ý kiến cho nội dung HP bằng cách cho điểm chuyên cần cho SV chăm chỉ. Trong trường hợp SV có điểm trung bình tích lũy trong HK chính nhỏ hơn 0,8 thì Trường sẽ gửi kết quả học tập tới gia đình của SV đó vào cuối HK, trường hợp này được gọi là cảnh báo học vụ. Nếu HK chính tiếp theo, SV có điểm TBTLCHK nhỏ hơn 1, SV sẽ bị đình chỉ học. Khoa chưa có quy chế phụ đạo cho SV học kém. SV có học lực trung bình có thể hoàn thành chương trình học trong thời gian thiết kế của chương trình. Trong trường hợp SV có hoàn cảnh đặc biệt, SV có thể xin tạm dừng tham gia HP và nhận điểm I cho HP đó. Việc trễ tiến độ hoàn thành CTĐT đối với trường hợp này có thể xảy ra. Vì vậy, Trường cũng bố trí GV làm CVHT cho nhóm sinh viên này.

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập (kết quả học tập, khối lượng học tập) và rèn luyện của SV được Trường xây dựng theo quy trình cụ thể như tất cả các tân SV đều phải thực hiện việc kiểm tra trình độ tiếng Anh khi bắt đầu vào học ở trường. Nhà trường sử dụng điểm khảo sát này làm cơ sở xếp lớp, miễn HP tiếng Anh, giúp SV có kế hoạch phấn đấu nâng cao trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Trường luôn có kế

hoạch kiểm tra văn bằng tốt nghiệp và hồ sơ nhập học của SV để có những quyết định kịp thời và công bằng cho NH. Ngoài ra, các báo cáo kết quả và phản hồi về sự tiến bộ của SV luôn được đánh giá và thống kê định kì để có thể khen thưởng hoặc cảnh báo đúng lúc. Hàng năm Trường đều có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến SV về công việc dạy và học như buổi tiếp xúc của SV với Khoa và của SV với lãnh đạo Trường [H8.08.03.07]. Sau các cuộc tiếp xúc trực tiếp Trường luôn có văn bản để giải đáp những thắc mắc. Đây là kênh thông tin phản hồi trực tiếp khá hữu hiệu về SV mà Trường tổ chức hiệu quả, thông qua đó, Trường có cơ sở để thực hiện các biện pháp cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của NH. Kể từ năm 2018, quy trình đánh giá điểm rèn luyện của Trường ĐHCT đã chuyển hoàn toàn sang hình thức trực tuyến, giúp GV và SV cập nhật nhanh chóng về tình hình các hoạt động và tiết kiệm thời gian với quy chế đánh giá kết quả rèn luyện được Trường quy định cụ thể [H8.08.03.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện trực tiếp trên HTQLTH. Sự tiến bộ của SV được giám sát đồng bộ bởi GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thực hiện giải pháp hỗ trợ đối với nhóm sinh viên trễ tiến độ.

4. Kế hoạch hoạt hành động

Trường thực hiện nhiều hơn nữa các chính sách để phát huy vai trò của GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan trong việc giám sát hoạt động cải tiến chất lượng học tập của NH và tăng cường hỗ trợ đối với nhóm SV chậm tiến độ.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn có những bộ phận chịu trách nhiệm, cũng như có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch

vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Hệ thống đội ngũ NV của tất cả các đơn vị, bộ phận chức năng trong Trường ĐHCT đều có vai trò hỗ trợ NH. Nhằm hỗ trợ cho các tân SV những bước cơ bản trong thủ tục nhập học, Trường ĐHCT có cung cấp website hướng dẫn trình tự làm thủ tục nhập học [H8.08.04.01]. Các tân SV khi mới vào Trường sẽ được tiếp cận với rất nhiều điều mới, có buổi tiếp xúc đầu tiên với BGH Trường, học các buổi học về sử dụng thư viện của TTHL. Về phía Khoa, SV thuộc TBK cũng sẽ được trao đổi trực tiếp với BCN Khoa, BM, CVHT và thực hiện việc lao động đầu khóa [H8.08.04.02]. Riêng ngành CNKTHH, BM tự tổ chức buổi chào đón tân SV như là một tiền lệ hàng năm. Mục đích buổi gặp gỡ nhằm giúp tân SV có cái nhìn thiện cảm cũng như mối quan hệ thân tình giữa GV và SV cũng như SV khóa trước và khóa sau. Buổi gặp gỡ này diễn ra thân mật giữa GV trong BM với NH. Sau buổi gặp gỡ đầu tiên của Khoa và tân SV, CVHT sẽ gặp lớp và tổ chức thành lập Ban cán sự của lớp cũng như phổ biến thêm về định hướng học tập và các quy trình khác [H2.02.02.07],[H8.08.03.02].

BM có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn học tập và chuyên môn cho SV và được thực hiện thông qua các CVHT là GV có kinh nghiệm của BM. Thành viên Ban cán sự sẽ thường xuyên liên hệ với CVHT để truyền đạt các ý kiến và câu hỏi từ SV trong lớp để đảm bảo mọi vấn đề trong hoạt động học tập được giải quyết đầy đủ và kịp thời. Ngoài ra, nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào, Trường cũng thực hiện việc kiểm tra trình độ tiếng Anh cho các tân SV [H5.05.01.01] làm cơ sở xếp lớp, miễn HP tiếng Anh, giúp SV có kế hoạch phấn đấu nâng cao trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Để SV năng động tham gia vào các công tác xã hội, đoàn thể, SV sẽ được đánh giá ĐRL của từng HK chính, kết quả ĐRL của HK chính trước đó và ĐTBCHK sẽ là điều kiện để xét học bổng hay khen thưởng. ĐRL được tính thang điểm 100 và có các loại sau: Xuất sắc (90 - 100), Tốt (80 – dưới 90), Khá (65 - dưới 80), Trung bình (50 – dưới 65), Yếu (35 – dưới 50), Kém (dưới 35). Nếu SV bị cảnh báo học vụ thì ĐRL không được lớn hơn mức TB. SV bị ĐRL kém 1 lần sẽ bị đình chỉ học tập 1 năm tiếp theo, nếu ĐRL kém lần thứ 2 trong toàn khóa học sẽ bị buộc thôi học [H8.08.03.08]. Đoàn Thanh niên được phân công thực hiện các hoạt động ngoại khóa và đánh giá ĐRL của SV. Bên cạnh các hoạt động ngoại khóa, SV nhận được các sự hỗ trợ sau đây trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường:

a. Tư vấn học tập: SV được phân vào một lớp học đúng chuyên ngành và được quản lý bởi một CVHT phụ trách tư vấn cho SV về việc học tập, giúp các em xây dựng KHHT cho toàn khóa học, lựa chọn các HP phù hợp với từng HK, cách thức sử dụng cơ sở vật chất của Trường, và tìm hiểu các quy định học tập. Ngoài ra, cuối mỗi HK, Trường sẽ gửi kế hoạch về việc triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy [H5.05.03.05].

Đặc biệt trong đợt dịch covid-19, Trường tổ chức các lớp tập huấn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến cho GV và sinh viên [H8.08.04.03]. Đặc biệt, Trường đã thành lập Không Gian Sáng Chế vào tháng 5 năm 2019, chủ yếu phục vụ sinh viên khối ngành kỹ thuật do TBK quản lý trên cơ sở dự án hợp tác giữa Trường ĐHCT và Trường Đại học Bang Arizona (Arizona State University - ASU), Hoa Kỳ. Không Gian Sáng Chế được thành lập với mục tiêu là xây dựng một “Không gian sáng chế” tại ĐHCT để phục vụ cho nhu cầu đam mê sáng tạo của SV và GV chuyên ngành kỹ thuật tại Trường ĐHCT [H8.08.04.04].

b. Hỗ trợ về NCKH: Trường ĐHCT dành một phần kinh phí để khuyến khích phong trào NCKH trong SV nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và khả năng nghề nghiệp của SV. Số liệu thống kê cho thấy, tính năm 2019-2021, Bộ môn CNHH có 29 đề tài sinh viên và 947 đề tài sinh viên toàn trường [H8.08.04.05].

c. Hỗ trợ về mặt tài chính và học bổng: Để khuyến khích SV học tốt, dựa trên KQHT của mỗi HK, Trường tạo điều kiện cấp học bổng cho các SV có KQHT xuất sắc, giỏi chiếm khoảng 8% số lượng SV mỗi lớp [H8.08.04.06]. Ngoài ra, SV nữ thuộc khối ngành Kỹ thuật còn được Trường hỗ trợ học phí 50% cho học kỳ đầu tiên. Bên cạnh các học bổng của Trường, Khoa cũng có học bổng riêng để khuyến khích SV như học bổng Xô số kiến thiết An Giang 2020; học bổng Hessen và nhiều học bổng khác nữa [H8.08.04.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng có nguồn học bổng riêng để hỗ trợ SV xuất phát từ sự hỗ trợ của các cựu SV và của doanh nghiệp ngành CNKTHH [H8.08.04.07]. Đối với cấp Bộ môn, Bộ môn cũng vận động và tạo được nguồn học bổng từ 1 số doanh nghiệp và cựu sinh viên, đặc biệt trong trường hợp dịch bệnh covid vừa rồi, nguồn học bổng này hết sức thực sự cần thiết trong hoàn cảnh các em gặp khó khăn khi hoạt động xã hội bị đình trệ và gia đình không có nguồn dự trữ [H8.08.04.08].

BM cũng rất nỗ lực tạo các mối quan hệ quốc tế để cử SV có học lực tốt và ngoại ngữ khá để có được các học bổng thực tập sinh tại các nước tiên tiến trên thế giới như

Hàn Quốc, Đài Loan, Ý,...[H8.08.04.09]. SV sẽ quảng bá hình ảnh của Trường ĐHCT, Khoa, BM và trao đổi văn hóa Việt Nam với các nước bạn. Đồng thời, SV cũng có cơ hội mở rộng tầm nhìn và học hỏi nhiều kiến thức bổ ích trong chuyến đi thực tập sinh tại nước ngoài. Ngoài sự hỗ trợ từ KKTHH, TBK và Trường ĐHCT, SV còn có sự hỗ trợ về học phí và học bổng được thông báo và cập nhật thường xuyên trên website Phòng CTSV.

d. Hướng nghiệp và việc làm: Trường và Khoa thường tổ chức các buổi tọa đàm giữa SV và DN để giúp SV có nhiều kiến thức thực tế hơn. Các cơ hội việc làm, thông tin tuyển dụng từ các nhà tuyển dụng được cung cấp chi tiết trên website của Trường và của Phòng CTSV [H8.08.04.10]. Đồng thời, ĐTN và DN cũng tổ chức rất nhiều các cuộc thi bổ ích dành cho SV nhằm tạo sân chơi lành mạnh, nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, và kỹ năng sống cho SV như: hàng năm có cuộc thi Tiếng Anh trong NH, cuộc thi WILMAR CLV AWARDS - nơi tài năng tỏa sáng do Đoàn Trường ĐHCT phối hợp với tập đoàn Wilmar CLV tổ chức; cuộc thi dự án kỹ thuật vì cộng đồng EPICS – theo chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Bang Arizona (Mỹ), tổ chức DOW với các trường đại học ở Việt Nam [H8.08.04.11].

CTĐT ngành CNKTHH có 2 TC cho SV năm 3 đi thực tập ngành nghề vào HK hè. Khoa và BM sẽ kết hợp tìm kiếm và lựa chọn các tổ chức, DN thích hợp cho SV đi tham quan thực tế tại DN [H8.08.04.12]. Chương trình này với mục đích giúp SV có điều kiện tham quan thực tế cách thức tổ chức và sản xuất của một số nhà máy, công ty, đồng thời qua đó SV cũng nâng cao hiểu biết của mình về các máy móc thiết bị, quy trình công nghệ đã được học. Đối với học phần LVTN, Bộ môn cũng tìm và tạo cơ hội cho sinh viên thực tập ở nhà máy hoặc công ty. Trong thời gian thực tập, sinh viên được hướng dẫn và giám sát bởi cán bộ hướng dẫn của nhà máy và cán bộ của Bộ môn.

Ngoài ra, Trường còn thường xuyên phối hợp với các tổ chức, DN địa phương để tổ chức triển lãm hội chợ việc làm - nơi mà sẽ cung cấp một mạng lưới liên kết giữa SV và các DN để giúp các SV được tiếp cận với thị trường lao động [H8.08.04.10]. Trường ĐHCT còn có Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV sẽ cung cấp cụ thể các mục tư vấn và hỗ trợ SV về việc làm [H8.08.04.10].

e. Hỗ trợ nhà ở: KTX của Trường ĐHCT có 2 khu A và B, với 1.391 phòng đáp ứng nhu cầu về chỗ ở cho 10.243 SV (xem thêm Tiêu chuẩn 9). Khi kết thúc mỗi HK, Trường sẽ thông báo kết thúc thời gian ở KTX ở kỳ hiện tại và đăng ký KTX cho kỳ kế

tiếp trên website Trung tâm Phục vụ SV nhằm giúp SV có đủ thời gian chuẩn bị [H8.08.04.13]. Nhờ những hỗ trợ tích cực và chủ động về chỗ ở từ phía Trường mà SV có thể chú tâm vào việc học tập.

f. Chăm sóc y tế: Trường ĐHCT tổ chức khám sức khỏe đầu khóa học cho tất cả các tân SV nhập học tại Trường. Trạm Y tế của Trường có các hoạt động tư vấn chăm sóc sức khỏe miễn phí cho NH, đặc biệt là dành cho những SV có biểu hiện bệnh cần được tư vấn. Tất cả SV được yêu cầu phải mua bảo hiểm y tế theo quy định, để đảm bảo các khoản chi ngoài khả năng của SV trong trường hợp bị bệnh. Ngoài ra, Phòng CTSV cũng thường xuyên cung cấp thông tin về dịch bệnh, tư vấn phương pháp phòng tránh, quy trình chăm sóc sức khỏe và hướng dẫn các bước gia hạn, điều chỉnh cũng như cấp lại thẻ Bảo hiểm y tế SV trên Website Phòng CTSV [H8.08.04.14].

g. Các dịch vụ hỗ trợ khác: Trong đợt dịch covid vừa rồi, Công đoàn trường triển khai phiên chợ 0 đồng dành cho sinh viên. Phong trào này hoạt động khoảng 3 tháng, giải quyết khó khăn của các em về lương thực thực phẩm và đồ dùng thiết yếu khi giãn cách xã hội. Ngoài trường hợp đột xuất như trên, Phòng CTSV là đơn vị hỗ trợ đề đạt các kiến nghị với Hiệu trưởng thực hiện chính sách SV về các vấn đề xã hội, học bổng và học phí, khen thưởng, kỷ luật, tư vấn về học tập, cuộc sống, chỗ ở, việc làm, y tế, website cung cấp thông tin liên lạc về y tế của Trường ĐHCT, và quản lý SV trong và ngoài KTX. Hơn nữa, khi tham gia vào đội tự quản ngoại trú của Trường, SV có thể được đề nghị khen thưởng cấp trường hoặc cộng điểm rèn luyện vào cuối mỗi HK. Bên cạnh đó, Phòng CTSV cũng thường xuyên thông báo đến SV về các hoạt động ngoại khóa và vui chơi được tổ chức trong và ngoài trường như được nêu ở Bảng 8.3. Ngoài ra, ĐTN và Hội Sinh viên của Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao để tạo sự thoải mái cho NH [H8.08.04.15]. Bảng 8.3 Hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

Mặc dù Trường đã cố gắng thực hiện nhiều hoạt động nhưng nhu cầu của sinh viên là đa dạng do số lượng sinh viên rất lớn nên việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu của SV là khó khăn. Tuy nhiên, Đoàn Trường tổ chức buổi tiếp xúc giữa BGH và SV hàng năm để định hướng những hoạt động trong những năm tiếp theo và tiếp nhận phản hồi của SV về các mặt hoạt động của Trường, qua đó đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị chức năng. Tuy nhiên, Trường vẫn chưa nhận được phản hồi yếu kém về các hoạt động của Trường, của các đơn vị chức năng cũng như thái độ của GV và NV đối với NH.

2. Điểm mạnh

Trường có một hệ thống đồng bộ hỗ trợ cho SV về tất cả các mặt hoạt động (học tập, NCKH, tài chính, y tế,...) giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhu cầu của SV là đa dạng nên việc đáp ứng đầy đủ là rất khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Trường theo dõi và đánh giá hoạt động của hệ thống CVHT thường xuyên. Khoa tổ chức tập huấn công tác CVHT cho GV. Đoàn Trường triển khai và tiến hành đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ, ngoại khóa đã được SV hưởng ứng tích cực, giảm bớt các hoạt động ngoại khóa có ít SV tham gia.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh, trong đó quy định rõ về trang phục, giao tiếp ứng xử, bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan, môi trường. Vì vậy, GV, NV và SV hình thành nên chuẩn mực văn minh trong tất cả các hoạt động của Trường [H8.08.05.01].

Trường ĐHCT có ba khu đào tạo chính đặt tại trung tâm TPCT (Khu 1 tại đường 30/4, Khu 2 tại đường 3/2, và Khu 3 tại đường Lý Tự Trọng). Ngành CNKTHH được tập trung đào tạo tại Khu 2 có khuôn viên rộng lớn bao gồm nhiều công trình như: Nhà điều hành, TBK, TTHL, giảng đường, Phòng thí nghiệm, Nhà thi đấu TDTT, KTX và các phòng ban chức năng. Các công trình này bố trí một cách khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho SV ngành CNKTHH học tập, NCKH, và các hoạt động ngoại khóa. Mỗi tòa nhà đều có sơ đồ chỉ dẫn giúp SV dễ dàng tìm kiếm vị trí cần liên hệ.

Trường ĐHCT là một trong những trường đại học có môi trường học tập tốt nhất phía Nam, có hệ thống thư viện hiện đại và chuẩn mực phục vụ hoạt động dạy, học và NCKH (gồm TTHL, 14 thư viện chuyên ngành). TTHL của Trường là một trong 4 trung tâm được Tổ chức Atlantic Philanthropy (Mỹ) tài trợ xây dựng với các khu chức năng, từ các khu mượn, trả, gia hạn tài liệu, giao dịch làm thẻ; tư vấn thông tin học thuật; dịch

vụ nghe nhìn. Hơn thế nữa, ký túc xá của Trường cung cấp chỗ ở cho khoảng 10.243 SV và được xây dựng mới, sửa chữa thường xuyên trong các năm qua để đảm bảo điều kiện học tập cho NH. Trường cũng có các cửa hàng tiện ích trong các khu ký túc xá giúp cho người học thuận tiện mua sắm.

Khuôn viên Trường ĐHCT xanh mát nhiều cây xanh là nơi ý tưởng để SV học tập, làm việc nhóm, rèn luyện thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện giao thông trong Trường được bố trí hợp lý, có các bảng hiệu, biển báo, bảng chỉ dẫn rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển trong khuôn viên Trường.

Nhà trường có Trung tâm tư vấn và CVHT giúp SV tháo gỡ những khó khăn trong học tập, cuộc sống và xã hội. Trung tâm tư vấn, Phòng Công tác SV và Đoàn Thanh niên từ lâu đã là địa điểm đáng tin cậy của SV.

Nhà trường đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, thoải mái cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH. Môi trường tâm lý còn được xây dựng bằng các hỗ trợ về chăm sóc y tế. Tất cả SV năm nhất được kiểm tra sức khỏe tổng quát vào đầu năm học. Việc kiểm tra nhằm cung cấp thông tin về tình trạng sức khỏe của SV và đề tư vấn cho SV chăm sóc bản thân họ để luôn trong tình trạng tốt nhất khi theo học tại Trường. Để tạo ra một môi trường giải trí lành mạnh cho NH, mỗi năm Khoa đều tổ chức các chương trình văn nghệ, các cuộc thi thể thao để chọn ra những SV ưu tú tham gia thi đấu giải văn nghệ và thể thao cấp trường. SV có thể tham gia nhiều hoạt động thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, võ thuật, chạy bộ. SV tham gia các sự kiện đạt thành tích sẽ được ghi nhận và khen thưởng.

Bên cạnh các hoạt động về thể chất, các hoạt động về nghệ thuật như các buổi biểu diễn nghệ thuật, lễ hội âm nhạc, các cuộc thi sắc đẹp trong khối SV...thường xuyên được tổ chức tại ĐHCT nhằm giúp SV có những giây phút thoải mái và vui vẻ sau khoảng thời gian học tập và thi cử vất vả.

Ngoài ra, Hội SV và ĐTN cũng đóng góp vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường tâm lý và xã hội cho NH, thông qua các chương trình “Mùa hè xanh” giúp SV tham gia các công tác xã hội và tăng kỹ năng xã hội, kỹ năng cuộc sống và nhiều hoạt động vì cộng đồng khác có ý nghĩa xã hội như hiến máu tình nguyện.

Trường ĐHCT có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương để thực hiện tốt công việc an ninh trật tự trong khuôn viên Trường. Công an TPCT và Trường ĐHCT có Quy

chế phối hợp trong việc giữ gìn ANTT và PCCC. Điều này hình thành nên môi trường an toàn trong khuôn viên Trường.

Hơn nữa, Trường ĐHCT còn có rất nhiều câu lạc bộ như câu lạc bộ bóng chuyền, cầu lông, tiếng Anh, ... là nơi tập hợp và giao lưu giữa các SV có chung sở thích. Các hoạt động ngoại khóa thường xuyên được thông báo và tổ chức [H8.08.04.15]

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và làm việc thân thiện, có các công trình được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Cảnh quan xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh tạo sự thoải mái cho GV, NV và NH. Nếp sống văn minh của Trường được cụ thể hóa bằng quy định, làm cơ sở pháp lý để mọi người thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Số lượng người học của ngành KTHH khá khiêm tốn so với các ngành khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022-2023, Trường tiếp tục có chính sách để thu hút người học vào ngành CNKTHH như quảng bá ở vùng sâu vùng xa.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trường ĐHCT luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho NH. Chính sách tuyển sinh và quy trình thu nhận SV rõ ràng giúp Trường tuyển sinh được SV có chất lượng. HTQLTH giám sát sự tiến bộ trong học tập của SV được thực hiện một cách đồng bộ, kịp thời và minh bạch. Quá trình học tập, rèn luyện của SV còn được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV của CVHT, GV, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, tiện ích tốt của Trường cũng đã góp phần nâng cao CLĐT.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHCT là một trong những trường đại học hàng đầu tại Việt nam về điều kiện CSVN, diện tích, môi trường tự nhiên cùng với nguồn học liệu phong phú đảm bảo tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của tập thể cán bộ GV và NH. Qua hơn 50

năm hình thành và phát triển, Trường ĐHCT không ngừng mở rộng cơ sở hạ tầng; đầu tư, hoàn thiện CSVC, trang thiết bị phù hợp nhằm hỗ trợ tốt công tác đào tạo và NCKH, đáp ứng mục tiêu của các CTĐT nói chung, trong đó có ngành CNKTHH nói riêng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học số 12/2017/TT-BGDĐT. Trường ĐHCT có tổng diện tích đất 2.249.773,47 m², đáp ứng tốt tiêu chuẩn theo thông tư 24/2015/TT – BGDĐT (ít nhất 25 m²/NH) [H9.09.01.01]. Cơ sở vật chất của trường được thông báo công khai trên trang web [H9.09.01.02]. Với tổng diện tích sàn xây dựng 127.822,01 m², bao gồm các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, hội trường, các khu nhà học, thư viện các khoa và TTHL. Trường đảm bảo có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT. Tỷ lệ diện tích đất/NH tính đến quý I/2021 đạt 68,27 m²/NH. Tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/NH đạt 3,88 m²/NH, vượt mức chuẩn quy định (ít nhất 3 m²/NH). Các khu KTX (tổng diện tích sàn xây dựng 77.259,12 m² phục vụ 11.300 chỗ) đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của NH. Tỷ số diện tích KTX/NH chính quy là 6,3. Ngoài ra, Trường có 55.879 m² đất dùng làm sân bãi an toàn phục vụ các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao cho NH toàn Trường ĐHCT. Đề án quy hoạch phát triển tổng thể thành trường đại học trọng điểm tầm nhìn đến 2030 đã góp phần rất lớn trong việc trang bị cơ sở hạ tầng, thiết bị cho các PTN/PTH phục vụ cho đào tạo ngành Công nghệ nói chung và ngành CNKTHH nói riêng. Ngoài ra, trường cũng triển khai kế hoạch sửa chữa, mua sắm hàng năm nhằm bảo trì và nâng cao năng lực cơ sở vật chất của các PTH/PTN [H9.09.01.02].

Bên cạnh phần CSVC sử dụng chung của toàn Trường ĐHCT, TBK được trang bị đầy đủ phòng làm việc và phòng học chức năng cùng hệ thống trang thiết bị phù hợp cho công tác giảng dạy và nghiên cứu theo đặc thù SV chuyên ngành kỹ thuật [H9.09.01.03]. Hiện tại, TBK được bố trí tại cơ sở Khu II của Trường, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Ngay từ những ngày đầu thành lập TBK và Khoa KTHH, việc đào tạo và phát triển ngành CNKTHH luôn được Trường ĐHCT ưu tiên đầu tư phát triển. Những chương trình hợp tác với các công ty, xí nghiệp lớn, đem

lại cho TBK và Khoa KTHH những cơ hội lớn về giao lưu, nghiên cứu thực tế cũng như trang bị cơ sở vật chất. Đặc biệt, dự án trọng điểm của Bộ GDĐT về “Nâng cấp Trường ĐHCT thành trường đại học nghiên cứu xuất sắc từ dự án ODA của chính phủ Nhật Bản được phê duyệt năm 2015 theo QĐ số 938/QĐ-BGDĐT đã góp phần rất lớn trong việc trang bị cơ sở hạ tầng, thiết bị cho các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của TBK và Khoa KTHH phục vụ cho đào tạo Công nghệ nói chung và ngành CNKTHH nói riêng, thể đảm bảo cho mỗi cán bộ, NCS có chỗ làm việc yên tĩnh, nghiêm túc, hiệu quả [H9.09.01.03].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. TBK hiện có tổng cộng 46 PTN/PTH tại các Khoa với trang thiết bị đồng bộ. Bên cạnh đó, TBK hiện có Thư viện chuyên ngành với trên 9.000 đầu sách; có 8 phòng học, 3 phòng seminar chuyên đề, 2 phòng máy tính và 1 hội trường với các trang thiết bị hiện đại và tổng cộng 249 máy tính phục vụ cho nhu cầu giảng dạy thực tập các môn chuyên ngành của các đơn vị. Sơ đồ mặt bằng được dán tại các lối vào của TBK giúp NH dễ dàng định vị được địa điểm cần đến [H9.09.01.14]. Bên cạnh CSVC được Trường ĐHCT phân giao cho TBK quản lý, các CSVC chung tại Trường cũng được phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường nói chung, của ngành CNKTHH nói riêng. Hệ thống phòng học tại Trường ĐHCT hiện tại đủ để xếp lịch học trong giờ hành chính, kích thước phòng phù hợp cho việc bố trí các lớp đông cũng như lớp ít NH hoặc học theo nhóm. Trường ĐHCT được trang bị 9 phòng học đa phương tiện với các thiết bị nghe nhìn, máy chiếu, projector, tivi LCD, ampli, micro, máy tính,... phục vụ cho việc giảng dạy lý thuyết trên lớp theo phương pháp dạy học tích cực [H9.09.01.03].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc cũng như các phòng chức năng đạt chuẩn được trang bị đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất phục vụ cho đào tạo và NCKH. Quản lý các phòng học theo quy định chung của Trường đảm bảo hiệu quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Do được xây dựng đã lâu trên nền đất phù sa, một vài PTN tại tầng trệt TBK bắt đầu có hiện tượng lún nền.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, TBK sẽ tiến hành khảo sát hiện trạng lún nền. Từ kết quả khảo sát, Trường ĐHCT sẽ có kế hoạch khắc phục, tu sửa các PTN tại tầng trệt.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại, hệ thống thư viện của Trường ĐHCT bao gồm Trung tâm học liệu (TTHL) và 13 thư viện (phòng đọc) ở các đơn vị đào tạo trong Trường với tổng diện tích 11.795 m². Trong đó, TTHL là một trong những điểm mạnh nổi trội của trường ĐHCT. Từ năm 2014, Bộ GDĐT đã có văn bản số 4324/KHTC về việc cho phép xây dựng TTHL của Trường ĐHCT với diện tích 7.560 m². [\[H9.09.02.01\]](#). TTHL được trang bị đầy đủ các thiết bị để hoạt động bao gồm các khu chức năng mượn, trả, gia hạn tài liệu, giao dịch làm thẻ; tư vấn thông tin học thuật; dịch vụ nghe nhìn học ngoại ngữ; nghiên cứu sau đại học và khu vực thư giãn được bố trí khoa học cùng các phương tiện hiện đại. Thông tin được giới thiệu chi tiết trên trang web của TTHL. Đội ngũ viên chức TTHL được trang bị kiến thức chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ chuyên nghiệp đảm bảo phục vụ tốt nhà nghiên cứu, GV, NH và bạn đọc ngoài Trường.

TTHL có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn. TTHL có quy định về thời gian mở cửa và các quy định liên quan đến hoạt động của thư viện. TTHL mở cửa phục vụ ba buổi/ngày trong năm học (kể cả thứ 7) [\[H9.09.02.04\]](#). Thời gian biểu hoạt động, các chính sách dành cho bạn đọc, quy định và hướng dẫn sử dụng được chuẩn hóa... được quy định cụ thể và công khai trên website của TTHL.

Số lượng tài liệu dạng in ấn hiện có là hơn 302.620 bản với hơn 136.314 nhan đề gồm có sách, luận văn, ấn phẩm định kỳ, tài liệu nghe nhìn, sách bộ, đề tài, báo cáo khoa học, file máy tính, bản đồ được sắp xếp theo chuẩn phân loại quốc tế 10 vùng tri thức DDC (Hoa Kỳ). TTHL có 1.841 đầu sách và Thư viện TBK có 1.424 đầu sách phục vụ đào tạo ngành CNKTHH cùng với các bài giảng của từng HP [\[H9.09.02.05\]](#). Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng 100% nhu cầu đào tạo và đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của ngành CNKTHH. Đề cương HP [\[H01.01.03\]](#) cũng như CTĐT và các tài liệu liên quan [\[H01.01.02\]](#) cũng được công bố công khai trên

website Trường ĐHCT. Đặc biệt, TTHL còn có sự kết nối các cơ sở dữ liệu quốc tế và thư viện quốc tế để nâng cao chất lượng chuyên môn của viên chức thư viện và mở rộng nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu học thuật của Nhà Trường. TTHL tại Trường ĐHCT có quyền truy cập cơ sở dữ liệu của các tạp chí từ Sciencedirect, IEEE, Springer, CABI và OPAC. Đây đều là các hệ thống tạp chí khoa học hàng đầu đã được thẩm định bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, luật, y học, khoa học xã hội, sinh thái học, phục vụ cho những ai ham thích học tập và nghiên cứu [H9.09.02.05].

Việc bổ sung tài liệu được thực hiện theo kế hoạch hàng năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các GV, NH và thư viện theo chính sách chung của Trường ĐHCT [H9.09.02.06]. Tài liệu mới được phân loại, dán mã vạch một cách hệ thống theo chuẩn quốc gia và quốc tế. Các nguồn tài liệu do TTHL điều phối chung trong toàn hệ thống thư viện, bạn đọc có thể tìm kiếm trực tuyến và định vị được vị trí tài liệu trong hệ thống thư viện Trường. Ngoài ra, TTHL xây dựng khoảng hơn 40.000 tài liệu nội sinh dạng số hóa như giáo trình Trường ĐHCT, luận văn, luận án, đề tài NCKH đáp ứng nhu cầu lưu trữ, truy xuất, chia sẻ nhanh chóng, tiện lợi cho bạn đọc truy cập qua Internet. Từ năm 2009 đến nay TTHL không ngừng phát triển các nguồn tài liệu điện tử có uy tín để phục vụ bạn đọc, bộ cơ sở dữ liệu điện tử Springerlink, Ebrary, Research4Life... và Thư viện pháp luật Việt Nam. Những nguồn tài liệu này được bổ sung từ ngân sách của Trường hoặc đăng ký miễn phí được đưa vào phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu tài liệu điện tử ngày càng nhiều hơn của bạn đọc [H9.09.02.06].

Để đảm bảo chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn, TTHL thường xuyên theo dõi tình hình sử dụng các nguồn học liệu của GV và NH. Bên cạnh đó, TTHL đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Thông qua các phân hệ phần mềm quản lý CB, SV sử dụng TTHL; quản lý thư viện điện tử (Ilib), TTHL dễ dàng theo dõi việc sử dụng nguồn học liệu qua các số liệu thống kê như: số lượt bạn đọc vào TTHL, số lượt mượn tài liệu tại thư viện, số lượt truy cập tài liệu nội sinh dạng số (luận văn, đề tài NCKH, giáo trình), việc mượn – trả tài liệu của sinh viên... Trong 5 năm, từ 2016-2021, thống kê cho thấy số lượt NH sử dụng TTHL tăng [H9.09.02.07].

Ngoài ra, TTHL thường xuyên mở các cuộc khảo sát trực tuyến để thu thập thông tin phản hồi từ bạn đọc về: nguồn tài liệu, dịch vụ Thư viện, CSVC và thái độ phục vụ

của đội ngũ viên chức TTHL. Kết quả khảo sát hoạt động TTHL cho thấy phần lớn bạn đọc hài lòng về nguồn tài liệu cũng như CSVC được trang bị ở TTHL [H9.09.02.07].

Với những đầu tư và nỗ lực trên, kết quả thống kê tình hình ra vào, mượn trả tài liệu tại TTHL Trường ĐHCT cho thấy những kết quả khích lệ qua việc thu hút nhiều người đến sử dụng thư viện hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, trong đó có NH thuộc CTĐT ngành CNKTHH [H9.09.02.08].

2. Điểm mạnh

TTHL của Trường hiện nay cơ bản có đủ nguồn tài liệu học thuật như sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và NCKH. Thư viện điện tử cho phép GV và NH tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường ĐHCT cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ kỹ năng, phương pháp giảng dạy chuyên biệt dành cho ngành CNKTHH cần được cập nhật thường xuyên hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, bộ phận đào tạo của TBK sẽ làm việc với cán bộ phụ trách chuyên môn của TTHL rà soát tổng thể các nguồn tài liệu phục vụ cho ngành CNKTHH và từng học phần trong CTĐT này hiện có tại TTHL. Trên cơ sở này, TBK sẽ tiếp tục đề xuất mua mới các tài liệu cập nhật đảm bảo điều kiện tốt nhất cho GV và NH có cơ hội cập nhật nhanh nhất các tài liệu học tập mới trong lĩnh vực chuyên ngành của mình.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Như đề cập ở báo cáo trong Tiêu chí 9.1, Trường ĐHCT trang bị đầy đủ hệ thống phòng và xưởng thực hành, thực tập phục vụ nhu cầu đào tạo cũng như NCKH cho khối ngành kỹ thuật trong đó có ngành CNKTHH. Trường ĐHCT và TBK đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường ĐHCT hiện có 134 PTH/PCĐ/PTN phục vụ cho việc giảng dạy và học tập các HP thực hành, thực tập chuyên đề, thí nghiệm. Các thông tin

về các PTN, thực hành, xưởng thực tập, phòng chuyên đề được công bố công khai cho các BLQ trên website của trường ĐHCT [H9.09.01.04]. Ngành CNKTHH hiện có 03 PTN gồm PTN Công nghệ hóa hữu cơ; PTN Công nghệ hóa vô cơ; PTN Công nghệ vật liệu; 01 phòng thực hành là PTH Quá trình và Thiết bị CNHH; và 01 xưởng thực hành vật liệu Composite. Mỗi phòng thí nghiệm, xưởng thực hành có diện tích phục vụ tối đa 25 NH trong một buổi học đảm bảo đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDĐH [H9.09.03.01].

Hệ thống PTN của Trường ĐHCT nói chung và TBK nói riêng với trang thiết bị đầy đủ và được cập nhật hàng năm, tổ chức, quản lý và sử dụng hợp lý [H9.09.01.09]. NH có thể sử dụng các PTN khác nhau của Trường ĐHCT và được tham quan các PTN của các công ty, viện và trường bên ngoài. Bên cạnh các PTN của Khoa KTHH, ngành CNKTHH có thể thực hành tại các PTN có liên quan thuộc TBK như: PTH Vật liệu và cơ sở thiết kế máy, PTH Kỹ thuật nhiệt, PTN Vật liệu xây dựng, PTN Vật liệu điện, PTN Đo lường và cảm biến... CSVC tại Trường ĐHCT được sử dụng chung phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường không phân biệt là NH của đơn vị nào. Ví dụ như sinh viên học HP Thực tập Tin học cơ bản (TN034) thuộc TBK vẫn có thể được bố trí thực tập tại các phòng máy tính thuộc Trường CNTT&TT [H9.09.03.02].

Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành đều được kiểm kê số lượng, chất lượng hàng năm [H9.09.03.03]. TBK thường xuyên cập nhật thiết bị mới và sửa chữa nhằm đảm bảo cho các thiết bị hoạt động tốt. Ngoài ra, dự án ODA của Nhật Bản cũng đang xây dựng các PTN công nghệ cao với các trang bị các thiết bị chuyên ngành, dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2023.

Trường ĐHCT và TBK có phân công người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trường ĐHCT và TBK cũng đã cử các cán bộ có chuyên môn cao đảm trách vai trò Trưởng phòng thí nghiệm [H9.09.03.04].

Vai trò của người quản lý các PTN, thực hành là phụ trách quản lý chung các trang thiết bị, tổ chức và theo dõi các lớp thực hành, thực tập, và đảm bảo an toàn các PTN... Tất cả các thiết bị trong các PTH/PTN đều có tài liệu hướng dẫn an toàn và sử dụng giúp NH dễ dàng thao tác đúng và an toàn NH phải tuân thủ các quy định của PTN khi vào

phòng học tập hay thực hiện nghiên cứu đồng thời phải ghi nhật ký sử dụng PTN cũng như tình trạng của các thiết bị trước và sau khi sử dụng để đảm bảo tuổi thọ của các máy móc và trang thiết bị [H9.09.03.04]. Bên cạnh đó, Trường cũng quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền lợi của cán bộ quản lý, cán bộ phục vụ chuyên trách nhằm đảm bảo công tác quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thực tập, xưởng thực hành với các trang thiết bị phù hợp, hiện đại, được cập nhật thường xuyên đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và NCKH cho GV và NH ngành CNKTHH. Nhà Trường quan tâm và hỗ trợ tích cực trong việc sửa chữa, mua sắm và trang bị thêm các thiết bị mới hằng năm cũng như có chính sách theo dõi quản lý phục vụ hiệu quả cho việc dạy và học của GV và NH.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại nhân sự bố trí theo dõi phụ trách các phòng chức năng, phòng lab là cán bộ kiêm nhiệm và công tác theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2023, TBK bố trí nhân sự chính thức phụ trách theo dõi việc sử dụng các phòng học, kiểm soát, bảo trì các thiết bị thường xuyên và báo cáo các hư hỏng về Phòng QTTB, Trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống công nghệ thông tin của trường ĐHCT là nền tảng để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hơn nữa, hệ thống này đã được đầu tư nâng cấp liên tục nhằm đảm bảo hiệu quả phục vụ cho nhu cầu làm việc cũng như dạy và học của GV và NH.

Các phòng máy tính được xây dựng và cập nhật đảm bảo nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy, học và nghiên cứu. Trung tâm Thông tin - Quản trị mạng và phòng quản trị thiết bị của đại học Cần Thơ là đơn vị chủ quản phụ trách công nghệ thông tin và cung cấp các dịch vụ chia sẻ thông tin trong toàn bộ trường. Với tổng số gần 4.000 máy tính trong toàn trường trong đó 90% phục vụ hoạt động dạy, học và

NCKH, số còn lại phục vụ cho nhu cầu làm việc của nhân viên. Tỉ lệ bình quân tính theo SV chính quy là 9,47 SV/máy tính. Đối với hoạt động đào tạo trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn các lớp về CNTT, Nhà Trường sử dụng 3 phòng máy tính với 97 máy trực thuộc TTTTQTM [H9.09.04.01]. Có thể khẳng định hệ thống CNTT tại Trường ĐHCT hoạt động ổn định, an toàn hỗ trợ tích cực các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đối với hệ thống máy tính công, trường có đưa ra các quy định về quản lý phòng máy tính công và nội quy sử dụng máy tính công. Ngoài ra, mỗi đơn vị trong trường đều có phòng máy tính riêng. Cụ thể ở TBK, có 5 phòng máy tính với 249 máy tính công phục vụ cho việc học và nghiên cứu của cán bộ và NH [H9.09.04.01]. Các máy tính được nối mạng trực tuyến, thường xuyên được bảo trì, thay mới hàng năm để đồng bộ với hệ thống máy tính của Trường ĐHCT.

Hệ thống mạng Internet và trang thông tin điện tử của Trường hoạt động rất hiệu quả. WIFI được phủ sóng trên phạm vi toàn Trường ĐHCT tạo điều kiện tối đa cho GV và NH tiếp cận thông tin để học tập và nghiên cứu [H9.09.04.01].

Trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT (<https://ctu.edu.vn>) được thiết kế đa dạng, cập nhật thường xuyên thông tin giúp hỗ trợ tốt hoạt động về đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, ... Bên cạnh trang thông tin điện tử của Trường, trang tin điện tử của TBK (<https://cet.ctu.edu.vn>) cũng có nhiều thông tin chuyên biệt phục vụ cho nhu cầu cập nhật thông tin liên tục của cán bộ và NH trong TBK [H9.09.04.01].

Phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến của Trường ĐHCT (E-learning) như Zoom, Google classroom, Google Meet... phục vụ hiệu quả việc dạy, học. Cách thức sử dụng các phần mềm quản lý và dạy-học trực tuyến được hướng dẫn chi tiết trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT. GV cũng có thể xây dựng bài giảng điện tử, trao đổi thông tin với NH, truy cập và bổ sung nguồn học liệu trực tuyến thông qua mạng truyền thông Trường ĐHCT.

Tại Trường ĐHCT, mỗi cán bộ GV và NH đều được cung cấp một tài khoản email cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc liên hệ, thông tin liên lạc. Đồng thời mỗi cán bộ GV và NH còn được cấp 1 tài khoản thông tin tích hợp cá nhân trên hệ thống của Trường. Vì thế, cán bộ GV có thể cập nhật thông tin cá nhân, xem thời khóa biểu giảng dạy, khối lượng công tác và quản lý NH trên tài khoản này. NH cũng vào tài khoản để lập kế hoạch học tập, đăng ký môn học, xem điểm và đánh giá GV vào mỗi khóa học [H9.09.04.01]. Trường ĐHCT còn có hệ thống dạy học và đánh giá trực tuyến rất mạnh,

sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến phổ biến hiện nay như Dokeos, Edmodo, Moodle.

Trường ĐHCT đã tin học hóa hầu hết các hoạt động quản lý trên hệ thống quản lý tích hợp cũng như việc lập kế hoạch học tập, kế hoạch giảng dạy, đăng ký HP, nhập điểm, xem điểm, theo dõi quá trình học tập, đăng ký tốt nghiệp, ... được thực hiện trực tuyến [H9.09.04.01].

Các hệ thống công nghệ thông tin như phòng máy tính, phần cứng, phần mềm, các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử đều có phần mềm theo dõi việc vận hành và bảo trì [H9.09.04.02].

Trường ĐHCT thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin [H9.09.04.03]. Nhìn chung, kết quả khảo sát ý kiến năm 2021-2022 của NH đối với sự hỗ trợ của hệ thống thông tin đạt tỷ lệ hài lòng 40,74%, rất hài lòng là 59,26%. Cụ thể, tỷ lệ NH hài lòng và rất hài lòng đạt tỷ lệ 88,89% đối với mạng không dây (WIFI), 100% đối với các phòng máy tính, 92,6% đối với phần mềm quản lý. Thêm vào đó, ý kiến của GV và các bên liên quan về hệ thống công nghệ thông tin cũng được khảo sát. Đối với sự hỗ trợ của hệ thống thông tin hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu đạt tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng là 92,86%. Cụ thể, tỷ lệ GV và các BLQ hài lòng và rất hài lòng đạt tỷ lệ 85,71% đối với mạng không dây (WIFI), 92,86% đối với các phòng máy tính, 85,71% đối với phần mềm quản lý.

Để đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động tốt, hàng năm, Trường ĐHCT đã phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT gọi là TTTT&QTM để thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trong phạm vi toàn Trường [H9.09.04.04].

TTTT&QTM có cơ sở vật chất hiện đại, thường xuyên thực hiện các đợt rà quét, nâng cấp và xử lý các lỗi liên quan đến máy tính, phần mềm, màn hình, máy chiếu, camera [H9.09.04.05]. Bên cạnh đó, việc tập huấn CNTT cho cán bộ nhằm kịp thời cập nhật và có thể sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ cũng được tổ chức thường xuyên [H9.09.04.06]. Tổng hợp kinh phí để duy tu/bảo dưỡng và cập nhật nâng cấp các trang thiết bị hệ thống CNTT được thực hiện như mua sắm thêm máy móc/thiết bị, thuê đường truyền internet, triển khai phòng dạy trực tuyến, hệ thống thông tin tích hợp, và thực hiện kế hoạch chuyển giao phần mềm ứng dụng của Trường trong chu kỳ KĐCLGD [H9.09.04.05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT tại Trường ĐHCT hoạt động ổn định, thường xuyên được bảo trì, cập nhật đã đáp ứng tốt nhu cầu quản lý, chia sẻ thông tin, tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành học. Ngoài ra, việc số hóa các hoạt động cũng giúp các BLQ tiếp cận thông tin và sử dụng hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng lớn và khối lượng hoạt động tập trung nên đôi khi tốc độ truy cập bị gián đoạn, nhất là thời điểm NH đăng ký HP trực tuyến. Ngoài ra, công tác theo dõi việc vận hành các thiết bị CNTT qua sổ sách chưa được triển khai ở phạm vi của TBK. TBK cũng chưa phân công bộ phận nhân sự chịu trách nhiệm công tác lấy ý kiến của NH về hiệu quả sử dụng CNTT trong quá trình học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, TBK lập kế hoạch triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ gồm GV, NH, cựu NH.... Ngoài ra, TBK phân công nhân sự chính thức phụ trách việc theo dõi hiệu quả sử dụng CNTT, thực hiện triển khai công tác lấy ý kiến các BLQ vấn đề về CSVC và CNTT do TBK quản lý.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT tự hào là một trong những Trường đại học có khuôn viên rộng, xanh và an toàn bậc nhất của cả nước, đảm bảo có đủ không gian đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho NH tuân thủ các quy định về bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP. Ngoài ra, Trường còn ban hành các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong Trường ĐHCT, về tổ chức, quản lý, và sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H9.09.05.01].

Cơ sở hạ tầng của Trường được thiết kế và xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn về môi trường có diện tích cây xanh và công viên nhiều hơn diện tích xây dựng. Khuôn viên Trường ĐHCT được cây xanh bao phủ tạo cảm giác mát mẻ là nơi học tập và vui chơi lý tưởng cho NH. Nhà Trường có đội ngũ NV vệ sinh đảm bảo khuôn viên trường luôn được xanh sạch đẹp phù hợp với một môi trường học thuật lành mạnh. Đoàn Trường

cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường học tập, cụ thể như: quét dọn, vệ sinh, trồng cây xanh theo quy hoạch của Trường, làm cỏ, phát hoang bụi rậm tạo mỹ quan và chống muỗi truyền bệnh [\[H9.09.05.01\]](#).

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và NH, Trường có chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ mỗi năm. Trường có trạm y tế khá đầy đủ trang bị sơ cứu ban đầu và điều trị các bệnh thông thường, đồng thời sẵn sàng tư vấn hỗ trợ cán bộ và NH về vấn đề sức khỏe. Ngoài ra Trường ĐHCT cũng như TBK luôn quan tâm đến các dịch bệnh và chủ động phản ứng kịp thời. Cụ thể là việc Trường ĐHCT đã thành lập ngay các Tổ phòng chống dịch Covid 19 và có những phương án nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro về sức khỏe cho cán bộ và NH trường trong suốt thời gian diễn ra dịch bệnh [\[H9.09.05.01\]](#).

Vấn đề an ninh trong khuôn viên Trường ĐHCT cũng được thực hiện rất chặt chẽ. Tất cả các khu làm việc, nhà học đều có cổng ra vào, có đội bảo vệ canh gác 24/24 và có hệ thống camera an ninh giám sát. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn an ninh được lên kế hoạch rõ ràng cụ thể, hệ thống đèn chiếu sáng luôn được đảm bảo đầy đủ đảm bảo an toàn cho GV và NH yên tâm giảng dạy và học tập. Trường ĐHCT đã xây dựng hệ thống các quy định về việc đi lại, ăn mặc, nơi để xe, nơi bỏ rác... khi vào Trường góp phần hiệu quả trong việc xây dựng môi trường học tập văn minh và an toàn trong khuôn viên Nhà Trường [\[H9.09.05.09\]](#).

Công tác phòng chống cháy nổ được xem là mối quan tâm hàng đầu, hàng năm đều được lãnh đạo Trường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy và có thể thực hiện việc cứu nạn tại chỗ khi có tai nạn xảy ra. Trường ĐHCT luôn đảm bảo sẵn sàng lực lượng ứng phó thường trực, trang bị phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ xảy ra nhằm hạn chế tối đa thiệt hại. Ngoài ra, Trường ĐHCT cũng thường xuyên tổ chức các lớp diễn tập đối phó sự cố và TBK cũng cử cán bộ tham gia tập huấn [\[H9.09.05.09\]](#).

Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,... hằng năm đều được thực hiện [\[H9.09.05.17\]](#).

Về việc phục vụ nhu cầu đặc thù cho người khuyết tật cũng được lãnh đạo Nhà Trường quan tâm. Các khu nhà học được xây dựng gần đây như khu D1 và D2, TTHL và Khoa Nông nghiệp cũng đã chú trọng đến việc xây dựng và bố trí các khu vực và thiết bị dành riêng cho nhóm người có nhu cầu đặc biệt cũng như bố trí lối đi thuận lợi hơn cho người phải sử dụng xe lăn, nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật [\[H9.09.05.18\]](#).

Đối với nhà học không có lối đi riêng cho người khuyết tật thì mỗi đơn vị sẽ đề nghị Nhà Trường ưu tiên xếp các lớp học có NH khuyết tật ở tầng trệt của tòa nhà nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người khuyết tật. Ngoài ra, nhà trường cũng thường xuyên mở các lớp tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho sinh viên khuyết tật. Hơn nữa, những sân chơi dành cho người khuyết tật cũng được Nhà Trường quan tâm [H9.09.05.18].

Nhằm đẩy mạnh hiệu quả phục vụ, nâng cao chất lượng, hằng năm TTQLCL Trường ĐHCT tiến hành việc lấy ý kiến khảo sát NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn, tạo môi trường tích cực nhất cho NH [H9.09.04.03]. Cụ thể, theo khảo sát năm 2021-2022, tỷ lệ NH hài lòng và rất hài lòng về cảnh quan và môi trường tự nhiên của trường là 96,3%. Đối với các tiêu chí như hoạt động tư vấn tâm sinh lý, hoạt động chăm sóc sức khỏe y tế, hoạt động thể thao giải trí, môi trường học tập an toàn và an ninh trật tự, mức độ hài lòng và rất hài lòng của NH đều đạt 100%. Đối với ý kiến của GV và các BLQ, tỷ lệ hài lòng đạt 100% về tiêu chí cảnh quan môi trường tự nhiên, môi trường học tập, và an ninh trật tự của Nhà Trường. Ý kiến của GV và các BLQ về các hoạt động như tư vấn tâm sinh lý, chăm sóc sức khỏe y tế, thể thao giải trí đều đạt 71,43%.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT luôn quan tâm hỗ trợ trong việc thực hiện các tiêu chuẩn liên quan vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn cho toàn thể cán bộ, NH, tạo điều kiện thuận lợi nhất cũng như sự an tâm nhất để cán bộ và người khuyết tật thực hiện những nhiệm vụ của mình. Thêm vào đó, đội ngũ NV y tế, thành viên đội PCCC thường xuyên được tập huấn, nâng cao trình độ để hoàn thành tốt công tác, đảm bảo điều kiện sức khỏe, môi trường học tập, làm việc an toàn cho NH và cán bộ.

3. Điểm tồn tại

Do lịch sử phát triển của Trường ĐHCT, một số khu nhà học chung đã được xây dựng nhiều năm trước. Việc bổ sung các thiết bị chuyên biệt dành cho người khuyết tật như thang máy hay lối đi xe lăn sẽ tốn kém khá nhiều hoặc phá vỡ kiến trúc chung của các tòa nhà hiện có. Chính vì vậy việc đảm bảo tất cả các khu nhà học thân thiện với người khuyết tật hiện tại chưa được đảm bảo đồng bộ 100%. Ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của một bộ phận nhỏ NH còn kém. Chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa thể hiện rõ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Trường ĐHCT tiến hành hiệu chỉnh, bổ sung một số chế tài, quy định nhằm nâng cao ý thức của NH trong công tác đảm bảo môi trường, an toàn và sức khỏe vào Quy chế thực hiện nếp sống văn minh; đồng thời xây dựng và thể hiện rõ các chính sách đặc thù cho người có nhu cầu đặc biệt. Ngoài ra, TBK cũng sẽ lập kế hoạch triển khai mở rộng hơn việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ gồm GV, NH, cựu NH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHCT, TBK cũng như Khoa KTHH rất quan tâm và đầu tư đúng mức, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị, nguồn tài liệu học tập thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo hướng hiện đại hóa đã hỗ trợ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành CNKTHH. Hệ thống TTHL, CNTT của Trường ĐHCT nói chung và TBK nói riêng tạo điều kiện tối đa cho cán bộ và NH ngành CNKTHH trong việc nghiên cứu, trao đổi học thuật. Mặc dù còn vài hạn chế về điều kiện môi trường, cảnh quan trong khuôn viên Trường, Trường ĐHCT cùng tập thể TBK luôn nỗ lực hết sức trong việc xây dựng cảnh quan môi trường, tạo điều kiện tối đa đảm bảo sức khỏe và an toàn cho tập thể cán bộ và NH hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Như vậy, với các tiêu chuẩn và quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn, Trường ĐHCT và TBK đã chuẩn bị tốt cho giáo dục, đào tạo ngành CNKTHH không những phục vụ ĐBSCL mà còn cho cả nước.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Hiện nay, Trường ĐHCT, TBK và Khoa KTHH rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. CTDH ngành CNKTHH được xây dựng và cải tiến trên cơ sở thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ theo các quy trình được thiết lập, đánh giá và cải tiến liên tục. Quá trình dạy và học cùng với việc đánh giá kết quả học tập của NH theo từng HP được rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với CĐR của CTĐT. Bên cạnh các hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của NH,

Trường ĐHCT cũng chú trọng và đẩy mạnh nâng cao chất lượng các dịch vụ và tiện ích để hỗ trợ cho công việc, hoạt động giảng dạy, học tập, giải trí, sức khỏe,.. cũng như khuyến khích các hoạt động NCKH để cải tiến việc dạy và học. Ngoài ra, Trường ĐHCT đã xây dựng, cải tiến và hệ thống hóa cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ trong quá trình phát triển CTDH ngành CNKTHH. Trường ĐHCT đã xây dựng hệ thống tổ chức bao gồm Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí (đã đổi tên thành TT QLCL năm 2018), các đơn vị đào tạo, các đơn vị hỗ trợ và các Tổ ĐBCL cùng phối hợp thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ và hệ thống công cụ đánh giá và ĐBCL CTĐT từ những năm 2014 đến nay, được thể hiện trong việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHCT [H10.10.01.01]. TTQLCL được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện việc thu nhận ý kiến BLQ [H10.10.01.02], qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến [H10.10.01.03] hoặc văn bản qua việc ban hành các quyết định [H10.10.01.02], kế hoạch [H10.10.01.04] và các phiếu khảo sát [H10.10.01.04]. CB GV ở Khoa KTHH và TBK làm nhiệm vụ hỗ trợ việc đánh giá nhu cầu của BLQ [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế và phát triển CTDH, được thực đầy đủ gồm nội dung chương trình, PPGD, CĐR, chất lượng GV, điều kiện CSVC... qua các hình thức khác nhau như phiếu điều tra trực tuyến của Nhà trường [H10.10.01.03], thông tin phản hồi của SV tốt nghiệp hoặc nhà tuyển dụng, GV hay phòng ban [H01.01.01.09]. Thông qua các hoạt động nghiên cứu về khoa học giáo dục, hướng đến việc phát triển năng lực của NH theo quy định số 4612/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 03/10/2017 về chương trình giáo dục THPT [H10.10.01.05], Trường ĐHCT đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTDH theo định hướng tiếp cận năng lực [H1.01.01.01], [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.13]. CTDH 150 TC của K45 năm 2019 đã được điều chỉnh một số HP (như gom hai chuyên ngành để sinh viên có thể học kiến thức công nghệ đa dạng nhằm thích ứng với nhu cầu việc làm sau này, và

giảm số tín chỉ học phần hóa học chất rắn và hóa học và hóa lý polymer, khoa học và công nghệ nano) dựa trên cơ sở đề xuất từ các GV của đơn vị, NH, nhà tuyển dụng hay phòng ban hay việc điều chỉnh chương trình cho K48 năm 2022 thành 161 TC để phù hợp với Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về việc đào tạo trình độ đại học các ngành/chuyên ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.13]. Bên cạnh đó, điều tra online, qua điện thoại và qua phiếu khảo sát là các kênh thông tin đã được thực hiện trong quá trình thu nhận ý kiến để phát triển chương trình. Hàng năm, BCN Khoa đều có các buổi họp với đại diện SV các khóa để thu thập thông tin phản hồi nhằm điều chỉnh CTDH cho phù hợp. Đặc biệt, các kỳ họp mặt cựu SV là cơ hội để Khoa tiếp xúc với sản phẩm đào tạo của mình sau khi ra trường, từ đó, thu nhận ý kiến phản hồi chân thật nhất để tạo cơ sở cho hoạt động điều chỉnh.

Kết quả phản hồi của tất cả các BLQ được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành CNKTHH và làm căn cứ phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Thông qua các cuộc họp của hội đồng TBK và Khoa KTHH, các ý kiến được lựa chọn để điều chỉnh CDR, khung CTDH đối với ngành đào tạo CNKTHH [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Tổ Đảm bảo chất lượng TBK cũng nhắc nhở GV và NH thường xuyên qua Email để NH thực hiện cho ý kiến về hoạt động giảng dạy các HP [H03.03.02.03]. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát lấy ý kiến các BLQ, tỉ lệ phản hồi của NH đang học tập tại trường chưa cao do hoạt động này được thực hiện ở cuối học kỳ, sau khi NH đã hoàn thành nhiệm vụ của học kỳ nên NH ít có động lực để thực hiện các phiếu khảo sát cho từng môn học. Lãnh đạo Khoa KTHH và GV sẽ nhận được thông tin phản hồi của NH cho từng HP từ HTQLTH để GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy cho phù hợp trong các học kỳ tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Trường DHCT có quy định, quy trình và kế hoạch rõ ràng trong hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau và được thực hiện định kỳ theo học kỳ hoặc năm tùy đối tượng khác nhau thuộc nhóm BLQ. Thông qua nghiên cứu, thu nhận phản hồi mà đội ngũ GV cùng Nhà trường đã phối hợp để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ phản hồi của NH đang học tập về hoạt động dạy học và nội dung dạy học có chiều hướng giảm trong thời gian gần đây vì người học chưa ý thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của các ý kiến mà họ sẽ đóng góp cho CTĐT hiện tại và Nhà trường cũng như GV của Khoa KTHH chưa có các phương pháp, cơ chế khuyến khích cho hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, GV của Khoa KTHH và GV phụ trách HP sẽ phân tích, hướng dẫn và khuyến khích NH hiểu hơn về việc phản hồi thông tin về nội dung CTDH, từ đó sẽ có nhiều ý kiến đa chiều hơn cho CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học của ngành CNKTHH hiện tại được xác lập bởi quy trình chuẩn của Trường ĐHCT dựa trên các quy định trong Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của BGD ký ngày 22/06/2021, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 [H10.10.02.01] và được trình bày ở Bảng 10.1 – Phụ lục 4. Trong đó, quy trình tập trung được thiết kế theo mô hình Plan – Do – Check – Act với các bước cơ bản gồm (1) Khảo sát nhu cầu; (2) Thiết lập mục tiêu và CĐR; (3) Xây dựng cấu trúc, khối lượng; (4) Đối chiếu, đối sánh với chương trình khác; (5) Thiết kế CTĐT; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến; (7) Hoàn thiện theo góp ý và (8) Đánh giá định kỳ và thường xuyên [H10.10.02.02].

Việc thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH trình độ đại học ngành CNKTHH đã được thiết lập một cách rõ ràng và định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Thông qua việc lấy ý kiến các BLQ từ những năm 2018 đến nay từ NH, nhà tuyển dụng, GV và phòng ban [H1.01.01.09], [H1.01.01.12]. GV của BM cùng kết hợp với Phòng Đào tạo để phối hợp đánh giá quy trình này thông qua từng bước cụ thể như việc rà soát CĐR và các phương pháp, nội dung đảm bảo đạt CĐR từ từng đề cương các HP, bài giảng và giáo trình. Việc thiết kế và phát triển CTDH được quy định trong hệ thống văn bản quy định nhiệm vụ

chức năng của các đơn vị trong trường [H10.10.01.02], đồng thời, ban chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo, các tiểu ban chuyên môn có nhiệm vụ đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH [H1.01.01.07], [H1.01.01.13]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành CNKTHH được xây dựng theo quy trình chuẩn của BGDDT, đáp ứng tốt mong đợi của NH và đáp ứng yêu cầu của xã hội với 57,9% hài lòng và 38,5 % rất hài lòng [H1.01.01.09], [H1.01.01.12].

Việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH luôn được Nhà trường, TBK và Khoa KTHH quan tâm, thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ tại Điều 43, 44 và 47 [H10.10.02.03], cũng như việc Trường thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.07], [H1.01.01.13] nhằm điều chỉnh, rà soát và cải tiến tốt nhất CTĐT cũng như quy trình thiết kế CTDH. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHCĐ, các tổ thư ký rà soát sự phù hợp của CTĐT với nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các BLQ về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác. Tổ điều chỉnh đề xuất cải tiến CTDH, sau đó Hội đồng TBK họp và thống nhất [H1.01.01.10], [H1.01.01.15]. Sau đó hồ sơ được chuyển cho Tổ chuyên môn thẩm định và đưa đến kết luận thống nhất và trình Hội đồng KH&ĐT Trường để kết luận cuối cùng và chính thức ban hành khung CTĐT ngành CNKTHH áp dụng cho từng khóa học [H1.01.01.02]. Việc thiết kế và phát triển CTDH còn được thực hiện thông qua việc tập huấn GV tham gia CTĐT về công tác đánh giá, phát triển và kiểm soát CDR. Nhờ vậy, quy trình phát triển CTĐT cũng như CTDH được cải tiến và quy định cụ thể trong hệ thống văn bản ở ĐHCĐ [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.13], [H1.01.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT, quy trình được đánh giá và cải tiến định kỳ phù hợp với Nhà trường, với sự tham gia góp ý của các chuyên gia, CB quản lý, GV, NTD, cựu SV và SV.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi của NSDLĐ và các chuyên gia trong quá trình cải tiến CTDH còn quá khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, TBK đẩy mạnh việc liên hệ và thu thập ý kiến từ các BLQ và thực hiện theo kế hoạch cải tiến CTDH theo sự hướng dẫn của Trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR được trường ĐHCT quan tâm thực hiện xuyên suốt trong năm học.

Quá trình dạy và học của GV và SV được giám sát bởi toàn bộ hệ thống làm việc của trường, được quy định và kiểm soát qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT [H10.10.01.02]. Trưởng Khoa KTHH chịu trách nhiệm chính trong việc phân công, kiểm tra hoạt động dạy học của GV được quy định trong Quy chế học vụ [H03.03.01.04], Quy chế tổ chức [H10.10.01.02]. Hoạt động học của SV thì được kiểm soát bởi đội ngũ CVHT [H04.04.02.09], [H04.04.02.10], Hệ thống quản lý, Phòng Đào tạo và Phòng công tác sinh viên. Ngoài ra, TBK và quản lý nhà học cùng tham gia kiểm soát việc dạy học lý thuyết và thực hành [H10.10.03.01]. Các tổ ĐBCL ở các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá thường xuyên sự tương thích và phù hợp của CTDH với CDR [H10.10.03.02].

Việc kiểm tra rà soát, đánh giá KQHT của NH thể hiện rất rõ trong đề cương môn học [H10.10.03.03], quy trình đánh giá KQHT và rèn luyện [H10.10.03.04], Quy chế học vụ [H03.03.01.04]. Trong đó, theo quy chế và đề cương chi tiết mẫu do trường phát hành thì điểm thi cuối môn tối thiểu là 50%; phần còn lại là quá trình đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau để đánh giá kỹ năng, thái độ và kiến thức của NH [H10.10.03.03]. Hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo kế hoạch của năm học và lịch làm việc của Trường ĐHCT [H10.10.03.04], và thời khóa biểu cụ thể cho từng GV và SV [H08.08.03.04]. Việc coi thi ở cuối mỗi học kỳ được giám sát bởi khoa [H05.05.01.05], [H05.05.04.01].

Từng GV ở cuối học kỳ sẽ kiểm tra lại hoạt động đánh giá NH của mình thông qua đề thi với CDR phù hợp với HP và CTĐT. Việc ra các câu hỏi, yêu cầu được thực hiện dưới sự hướng dẫn, tập huấn của Phòng Đào tạo và Trung tâm QLCL với thang chuẩn theo Bloom [H10.10.03.05]. Việc kiểm soát này được thực hiện bởi phiếu kiểm soát do từng cá nhân thực hiện và Ban chủ nhiệm Khoa KTHH có nhiệm vụ trong việc kiểm soát sự tương thích giữa quá trình đánh giá NH với CDR của CTĐT [H10.10.03.06].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được quy định cụ thể trong quy định về công tác học vụ của Nhà trường [H03.03.01.04] và các văn bản về việc giám sát hoạt động ra đề, coi thi [H05.05.03.01], [H05.05.03.02]. Đồng thời, trưởng Khoa KTHH và TBK chịu trách nhiệm giám sát hoạt động này thông qua việc nộp bảng điểm, đề thi, đáp án theo đúng theo yêu cầu của Nhà trường với các công cụ đo lường mà Nhà trường ấn định [H10.10.03.05], [H05.05.03.02]. Hoạt động thi cuối học kỳ cũng được Nhà trường quan tâm, kiểm soát nhằm ĐBCL cho các kỳ thi, trong đó, tương ứng với từng hoạt động đánh giá đều có các quy trình chuẩn do trường ban hành [H03.03.01.04] cũng như hướng dẫn đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá KQHT với CDR [H10.10.03.06].

Việc triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện qua nhiều năm, kết quả khảo sát ý kiến của NH tương ứng từng học kỳ đối với tất cả CTĐT hoặc đến từng cá nhân mỗi GV với HP mình phụ trách [H03.03.02.03], TTQLCL thống kê và gửi kết quả khảo sát đến GV phụ trách môn, Trưởng Khoa KTHH, Ban giám hiệu TBK nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học. Phiếu đánh giá hoạt động giảng dạy của GV do SV đánh giá tuy được thiết kế nhằm kiểm tra sự tương thích giữa CDR với những gì GV đã giảng dạy nhưng nhiều SV chưa được hiểu rõ về mục tiêu này. Nhìn chung, nhiều năm qua, kết quả thu được cho thấy GV có chất lượng giảng dạy và hoạt động đánh giá NH của GV đã đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy trình và được kiểm soát bởi nhiều BLQ nhằm đảm bảo phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHCT trao toàn quyền giảng dạy và kiểm tra đánh giá SV cho GV từ những năm 2010 nên hoạt động này vẫn còn đôi chút tính chủ quan, mặc dù việc giảng dạy và kiểm tra, đánh giá sinh viên đã được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục theo dõi ý kiến của NH về việc ra đề thi, chấm thi của GV.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2016-2022, số lượng đề tài các cấp của CB và SV ngày càng nhiều. Trong đó, có 54 đề tài nghiên cứu các cấp (Nhà nước, ODA, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở) [H06.06.07.01], [H06.06.07.04] và [H04.04.03.01]. Các nghiên cứu này được đúc kết để hình thành các giáo trình giảng dạy trong CTĐT, các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành [H06.06.07.03]. Đa phần các nghiên cứu mà Khoa KTHH thực hiện thuộc lĩnh vực nano, xúc tác, môi trường, năng lượng và y sinh. Các công trình, tài liệu và ấn phẩm của GV và SV được công bố trên website của Khoa KTHH. Các nghiên cứu cũng được tổng hợp báo cáo dưới dạng các seminar học thuật [H06.06.07.02] với chất lượng được đánh giá theo tiêu chí rõ ràng [H10.10.04.01] được Nhà trường quy định cụ thể [H10.10.04.02]. Các sản phẩm và kết quả nghiên cứu được sử dụng để xây dựng bài giảng, làm tiêu bản cho hoạt động giảng dạy thực tập hoặc làm tư liệu cho các sách chuyên khảo được soạn thảo bởi GV của BM.

Thông qua kết quả của các dự án nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu và quy trình đúc kết được trong các hoạt động nghiên cứu được chuyển giao về Khoa KTHH để ứng dụng trong việc giảng dạy ở các mức độ khác nhau, ví dụ như đề tài Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật polymer blend vào chế tạo màng cellulose lọc nước ao nuôi tôm được ứng dụng vào hai học phần Hóa học và hóa lý polymer (CN241) và học phần Kỹ thuật sản xuất chất dẻo (CN242); hoặc đề tài Kỹ thuật tổng hợp có kiểm soát hạt lai nhạy nhiệt PN1PAM@silica ở kích thước nano được ứng dụng trong giảng dạy hai học phần Khoa học và công nghệ vật liệu nano (KC332) và học phần Polymer sinh học và phân hủy sinh học (KC299); hay đề tài Kỹ thuật làm giàu cellulose trong phụ phẩm thân cây khóm

được ứng dụng vào trong hai học phần Nhiên liệu sinh học (KC294) và học phần Polymer sinh học và phân hủy sinh học (KC299). Trong đó, Khoa KTHH có báo cáo và chia sẻ các kinh nghiệm về việc cải tiến và ứng dụng các phương pháp giảng dạy thông qua các Hội thảo Khoa học và Đào tạo của Trường Bách khoa với chủ đề Đảm bảo chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H04.04.02.07].

2. Điểm mạnh

Giảng viên, SV tham gia tích cực trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học, có sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp GV có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để NH dễ hiểu và nắm bắt kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện NCKH của các giảng viên trong Bộ môn CNHH chưa có sự đồng đều, một số giảng viên còn áp dụng thuần lý thuyết vào giảng dạy mà chưa lồng ghép các kết quả NCKH vào giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy khả năng nghiên cứu và vận dụng kết quả nghiên cứu càng sâu rộng hơn nữa trong công tác giảng dạy, đồng thời, từ năm 2023 cố gắng liên kết đội ngũ GV trong Khoa KTHH lại với nhau để thực hiện các nghiên cứu sâu và rộng hơn, nhất là lĩnh vực khoa học vật liệu gắn với phát triển bền vững vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và đưa kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng tất cả các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quy định và đánh giá trong các quy trình làm việc của trường [H10.10.01.01]. Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho NH như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ, TTHL, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ, Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Không gian sáng chế [H10.10.05.01] và hoạt động hỗ

trợ được đánh giá thông qua các phiếu khảo sát cho người dùng [H10.10.05.02] và điều tra sự hài lòng của người dùng với dịch vụ công [H10.10.05.03] và qua các báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị [H09.09.02.06], [H09.09.02.07], [H09.09.04.03].

Bên cạnh đó, Trường ĐHCT có phân công CVHT và TBK cũng có cố vấn trợ lý quản lý SV là nguồn nhân lực đặc lực hỗ trợ SV ngành CNKTHH [H10.10.05.04], [H03.03.02.03], [H04.04.02.09], [H04.04.02.10]. Mỗi SV hay học viên cao học/nghiên cứu sinh học tập ở ĐHCT đều được cung cấp email [@student.ctu.edu.vn và @gstudent.ctu.edu.vn], bao gồm cả hệ thống học tập trực tuyến và lưu trữ đám mây miễn phí. SV và học viên được sử dụng đến tháng thứ 3 sau khi ra trường.

Thông qua việc khảo sát lấy ý kiến người dùng gồm cả GV và SV, các dịch vụ hỗ trợ được cải tiến liên tục. Tất cả các quy trình công tác đều được quy định cụ thể thực hiện các bước (giai đoạn), thời gian cho mỗi giai đoạn, đơn vị thực hiện giai đoạn tương ứng và có chú thích, sơ đồ hóa cụ thể. Các quy trình này được tiếp cận dễ dàng ở trang chủ website của Trường ĐHCT. Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh kéo dài nên TBK đã thực hiện việc cải tiến quy trình nộp đơn, giải quyết đơn từ hành chính và đào tạo cho NH thông qua các hình thức trực tuyến hay thông qua sự giúp đỡ của CVHT [H10.10.05.05]. Năm 2015, Trường ĐHCT thực hiện việc CNTT hóa toàn Trường với internet được phủ rộng bởi dự án 1.000 máy tính, trong đó TBK hiện có 02 phòng máy tính phục vụ giảng dạy các học phần tin học chuyên ngành. Hệ thống thư viện Trường được bổ sung thường xuyên về số lượng đầu sách và nâng cao chất lượng sách, đặc biệt TBK có 01 thư viện tại TBK với nhiều đầu sách chuyên ngành hóa học, vật liệu và kỹ thuật [H10.10.05.06]. Bên cạnh việc bổ sung tài liệu sách, Nhà trường còn tạo điều kiện cho NH tiếp cận các nguồn thông tin điện tử dễ dàng hơn thông qua việc điều chỉnh hệ thống wifi trong toàn trường [H10.10.05.07]. Căn cứ vào những điểm mạnh và hạn chế, những năm về sau, công tác ĐBCL được đẩy mạnh, khắc phục những điểm hạn chế và đạt các chuẩn GDDH Việt Nam và Quốc tế. Trường ĐHCT đã phát triển nhiều dự án nhằm phát triển hệ thống các PTN, các trung tâm hỗ trợ hoạt động cho NH từ các nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là từ nguồn vốn vay ODA Nhật Bản thực hiện dự án nâng cấp Trường ĐHCT, trong đó Khoa KTHH được bố trí 07 PTN với nhiều trang thiết bị hiện đại với tổng số vốn dự án 105,90 triệu USD [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Các dịch vụ hỗ trợ NH đa dạng. Dự án nâng cấp trường ĐHCT từ nguồn ODA Nhật Bản hiện đại hóa hệ thống PTN và các trung tâm hỗ trợ NH phục vụ tốt cho công tác đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá dịch vụ hỗ trợ từ các PTN do Khoa KTHH quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa KTHH sẽ tiến hành khảo sát và đánh giá chất lượng phục vụ của các PTN do Khoa KTHH quản lý từ người học để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi từ các BLQ về việc xây dựng và cải tiến CTDH ngành CNKTHH có tính hệ thống. Trường ĐHCT đã thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế phản hồi thông tin của các BLQ, trong đó TTQLCL giữ vai trò chủ trì và có sự tham gia của các tổ ĐBCL cấp đơn vị và các phòng ban liên quan [H10.10.01.02], [H10.10.03.01]. Ngoài việc kiện toàn nhân sự tham gia vào cơ chế này Trường đã ban hành các văn bản quy định, các công cụ thực hiện (trực tiếp và trực tuyến) giúp tạo ra thông tin và thông tin phản hồi từ đại diện các BLQ trong và BLQ ngoài về các khía cạnh hoạt động trong giáo dục đào tạo, nghiên cứu, phục vụ và trách nhiệm xã hội của Trường và của các đơn vị [H10.10.01.02]. Các thông tin và thông tin phản hồi sau khi thu thập được phân tích, báo cáo nhằm phục vụ các mục đích khác nhau bảo đảm nguyên tắc hướng đến việc đạt được các lợi ích đa chiều.

Trường Bách khoa với đội ngũ CB thuộc tổ ĐBCL gồm 15 người (gồm các thành viên là ban giám hiệu TBK, các trưởng/phó Khoa, các giảng viên phụ trách chuyên ngành) là một thành tố tích cực trong cơ chế phản hồi BLQ của Trường [H10.10.06.01]. Một số hoạt động của Khoa trong việc phối hợp vận hành cơ chế bao gồm: tổ chức thông tin đến BLQ về các văn bản, quy định, hướng dẫn cấp Trường, cử CB tham gia tập huấn

về công tác đảm bảo chất lượng và khảo sát BLQ, xây dựng thông tin liên lạc BLQ, phối hợp với TT.QLCL trong các đợt khảo sát, nghiên cứu các kết quả và báo cáo khảo sát [H10.10.03.05], [H10.10.06.01], [H3.03.02.03], [H1.01.01.09], [H1.01.01.12], để có các điều chỉnh, cải tiến phù hợp trong hoạt động đào tạo [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.13], [H10.10.06.02], [H10.10.01.01], [H10.10.06.03]. Đại diện các BLQ được tham gia đóng góp ý kiến thông qua hoạt động lấy ý kiến từ các cuộc họp các bên liên quan [H1.01.01.10], [H1.01.01.12], các buổi làm việc lãnh đạo tiếp xúc NH và viên chức [H10.10.06.04] hoặc các cuộc họp giao ban từ cấp Bộ môn/Khoa, cấp Khoa/Trường và qua hộp thư góp ý [H10.10.06.05], các phiên phỏng vấn BLQ trong đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài về CTĐT và CSGD, khảo sát mở ngành đào tạo, khảo sát điều chỉnh CTĐT, khảo sát đề tài NCKH của GV và SV, trao đổi tại hội nghị, hội thảo, phiên họp định kỳ, trao đổi qua điện thoại, hộp thư, e-mail, diễn đàn,... Như vậy bản thân đơn vị quản lý CTĐT cũng có các hình thức khác nhau để thu nhận ý kiến phản hồi của các BLQ để kịp thời điều chỉnh và cải tiến CTĐT của mình.

Có các vấn đề được Trường và đơn vị ghi nhận trong tiến trình thực hiện thời gian qua, đơn cử như: tỉ lệ phản hồi của các BLQ trong nhiều đợt khảo sát chưa cao như kỳ vọng do nhận thức và cam kết chưa cao; việc cập nhật thông tin của BLQ ngoài còn hạn chế do kênh thông tin hoạt động chưa hiệu quả; chưa thực hiện các biện pháp ràng buộc, chế tài đối với các đơn vị và cá nhân có kết quả phản hồi chưa tích cực. Thông qua, việc ban ngành Quyết định 4784/QĐ-ĐHCT ngày 18-11-2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thu thập ý kiến phản hồi và các bên liên quan [H10.10.01.02] thay thế cho Quyết định 1640/QĐ-ĐHCT ngày 20 tháng 08 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.06.06], cũng như các cuộc họp triển khai và rút kinh nghiệm trong từng giai đoạn [H10.10.06.01], [H10.10.06.02], [H10.10.06.03], Trường ĐHCT và các đơn vị liên quan đã từng bước tháo gỡ các khó khăn, điều chỉnh và cải tiến quy trình phối hợp thực hiện, qua đó giúp lần lượt điều chỉnh và cải tiến các khía cạnh và hoạt động có liên quan. Có thể khẳng định là cơ chế phản hồi thông tin các BLQ giúp Trường và các đơn vị không ngừng cải thiện chất lượng các khía cạnh chưa được đại diện các BLQ đánh giá cao và nâng cao hơn nữa chất lượng các khía cạnh nhận được phản hồi tích cực từ đại diện các BLQ, góp phần đáng kể vào các kết quả về đánh giá, kiểm định chất lượng và xếp hạng của Trường trong giai đoạn 2016-2021.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT thiết lập được cơ chế phản hồi của các BLQ mang tính hệ thống, tin học hóa, được củng cố, hoàn thiện dần và đánh giá, cải tiến giúp vận hành hiệu quả đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng các khía cạnh hoạt động của Trường và các đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của các BLQ trong nhiều đợt khảo sát chưa đáp ứng kỳ vọng. Đồng thời, chưa có các cơ chế ràng buộc, chế tài để chấn chỉnh, xử lý các trường hợp liên quan đến các kết quả phản hồi chưa tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Trường có kế hoạch tổ chức hội nghị giúp các đơn vị thảo luận và thực hiện các giải pháp khuyến khích các BLQ tham gia vào cơ chế phản hồi thông tin, qua đó nâng cao dần tỉ lệ phản hồi đáp ứng kỳ vọng.

Trong năm học 2023-2024, Trường rà soát, điều chỉnh cơ chế phản hồi về các quy định giúp đơn vị có thể thực hiện việc chấn chỉnh, xử lý các trường hợp nhận được phản hồi chưa tích cực từ đại diện các BLQ

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trường ĐHCT có nhiều kênh thông tin để thu nhận các phản hồi từ các BLQ, từ đó làm cơ sở cho khoa KTHH có những điều chỉnh đúng đắn, kịp thời cho CTĐT và CTDH của ngành CNKTHH. Quy trình thu nhận thông tin này được thiết lập rõ ràng, minh bạch, nhanh chóng và đa dạng là nhờ hệ thống thông tin và đội ngũ CB chuyên trách tiếp nhận, điều chỉnh và cải tiến. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có đơn vị phụ trách là TTQLCL, đơn vị này theo dõi và thu nhận phản hồi của các BLQ liên tục (ít nhất là mỗi học kỳ 1 lần) về hoạt động dạy, học và sự tương thích giữa CDR với hoạt động dạy – học. Phản hồi nhanh chóng đến GV, quản lý Khoa KTHH, BGH TBK và Ban giám hiệu Trường ĐHCT là điều kiện để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy-học và quản lý. Hơn thế nữa, chất lượng của CTĐT còn được phát triển thêm thông qua các ứng dụng của những đề tài NCKH các cấp vào thực tế giảng dạy của các GV trong đơn vị. Và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là những dịch vụ hỗ trợ NH đi kèm như hệ thống thư viện, PTN, dịch vụ tiện ích cũng góp phần đảm bảo cho sự thành công của chương trình. Mặc dù việc thiết lập và điều chỉnh cơ chế phản hồi của các BLQ đã được

thực hiện, tuy nhiên động lực để NH thực hiện các phản hồi chính xác và đầy đủ là chưa đủ mạnh nên tỉ lệ phản hồi của NH lên hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa cao. Từ năm 2021, Trường ĐHCT tập trung thiết lập các cơ chế khuyến khích người học nghiêm túc phản hồi các ý kiến thông qua các kênh thông tin. Đồng thời, đầu tư mua sắm các thiết bị hỗ trợ (như phần mềm) cho việc phản hồi thuận lợi hơn, đặc biệt là trong công tác hành chính, dịch vụ. Bên cạnh đó, Khoa KTHH kết hợp với TBK khuyến khích giảng viên đầu tư nghiên cứu nhiều hơn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật vật liệu thích ứng với chuyển biến của xã hội và phát triển bền vững.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Trường ĐHCT không những coi trọng đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà còn đặc biệt quan tâm đến kết quả đầu ra trong việc quản lý chất lượng. Đây là cơ sở quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động ĐBCL của nhà trường. Kết quả đầu ra được đánh giá dựa vào tỷ lệ NH tốt nghiệp (TN), tỷ lệ thôi học, thời gian TN trung bình và tỷ lệ có việc làm sau khi TN, mức độ tham gia và kết quả NCKH và mức độ hài lòng của các BLQ. Đây là tiền đề để tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng làm việc nhóm tốt, có thái độ phục vụ tích cực đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động theo dõi KQHT, thôi học, xét tốt nghiệp, thông tin cảnh báo học vụ tại Trường ĐHCT đều được thực hiện thông qua phần mềm hệ thống quản lý do Phòng công tác sinh viên và Phòng Đào tạo thực hiện [H7.07.01.01]. Việc theo dõi được thực hiện như sau: cuối kỳ điểm được GV công bố trên HTQL, qua đó NH, GV, và các đơn vị chức năng (Phòng Công tác SV và Phòng đào tạo) biết được kết quả. Qua đó Phòng Công tác sinh viên lọc những sinh viên có kết quả kém và tạo chức năng cảnh báo bằng màu vàng để NH biết được tình trạng mà điều chỉnh việc học được tốt hơn ở HK sau, CVHT cũng nắm bắt được tình trạng của SV bằng màu vàng trong HTQL để có hướng tư vấn phù hợp đặc biệt đối với trường hợp NH có kết quả học tập có dấu hiệu cảnh báo

hoặc có dấu hiệu kém [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Phần mềm cũng có chức năng nhận dạng điều kiện để xét tốt nghiệp như đủ tín chỉ, đủ điều kiện (ngoại ngữ, tin học...) Các quy định về xét tốt nghiệp, nghỉ học tạm thời, cảnh báo học vụ, đình chỉ học và buộc thôi học được qui định công tác học vụ. Danh sách NH bị cảnh báo học vụ, được quyết định tốt nghiệp hay bị buộc thôi học được cập nhật đầy đủ theo từng năm [H8.08.03.03], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05]. Qua đó, những trường hợp NH bỏ học cũng như tỉ lệ NH tốt nghiệp và được xếp loại đều được thống kê, phân tích, đối sánh để tìm ra nguyên nhân và đề xuất giải pháp kịp thời. Ví dụ, năm 2022 có tỉ lệ NH tốt nghiệp thấp so với các ngành khác trong những năm trước đó, nguyên nhân được đánh giá là do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid-19, từ đó Trường cũng có đưa nhiều biện pháp để tạo mọi điều kiện để NH có thể hoàn thành việc học sớm nhất có thể như mở HP anh văn cơ bản vào HK III (2021-2022) để NH có thể hoàn thành các HP điều kiện này thay vì mở các HP này ở HK chính.

Bảng 11.1: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học (của 5 khoá gần nhất)

Năm học	Tổng SV nhập học	Số SV thôi học	Tổng số SV còn lại	Số người và tỉ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Số người học thôi học trong thời gian			
				4 năm	4,5 năm	trên 4,5 năm	năm thứ nhất	năm thứ hai	năm thứ ba	năm thứ 4 và tiếp theo
2013-2014 (K39)	62	6	56	14	33	9	2	1	1	2
				25%	58,93%	16,07%				
2014-2015 (K40)	87	16	71	8	44	17	3	2	4	7
				11,27%	61,97%	23,94%				
2015-2016 (K41)	123	18	105	27	68	4	1	6	2	9
				25,71%	64,76%	3,81%				

2016-2017 (K42)	121	18	103	36	58	6	7	5	0	6
				34,95%	56,31%	5,83%				
2017-2018 (K43)	131	9	122	48	34	32	0	3	2	4
				39,34%	27,87%	26,23%				
2018-2019 (K44)	157	14	143	50	54	39	1	8	5	0
				34,96%	37,76%	27,27%				

Bảng 11.1 cho biết NH ngành KTHH có tỷ lệ nhỏ NH thôi học. Với những trường hợp thôi học hoặc bị cảnh báo học vụ, CVHT có buổi gặp gỡ, trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của NH để có những tư vấn phù hợp [H11.11.01.02], [H11.11.01.06], đa phần các trường hợp thôi học được xác định là không nộp đủ hồ sơ nhập học vào năm đầu tiên, chuyển trường theo gia đình hoặc các em có học lực kém. Quyết định cho NH thôi học được lưu trong hồ sơ quản lý của Phòng CTSV để thuận tiện cho việc giám sát tình hình NH trong quá trình đào tạo. Mặt khác thông tin thôi học cũng được theo dõi qua hệ thống quản lý.

Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KTHH được xác lập và thể hiện ở Bảng 11.2. Kết quả cho thấy, năm 2021 mặc dù tình hình dịch bệnh covid -19 có ảnh hưởng đến nhiều hoạt động của xã hội, kể cả hoạt động học tập, nhưng kết quả cho thấy NH ngành KTHH cũng cố gắng hoàn thành chương trình học đúng tiến độ 67,21%. Điều này cho biết việc quản lý kết quả học tập của NH được thực hiện chặt chẽ để có thể theo dõi và điều chỉnh hoạt động phù hợp như tình hình dịch bệnh gây cản trở nhiều hoạt động, nhưng trường vẫn cố gắng tạo điều kiện thuận lợi nhất để NH có thể thực hiện tốt được nhiệm vụ học tập để hoàn thành chương trình (vẫn dạy theo thời khóa biểu bằng hình thức online).

Bảng 11.2: Thống kê NH tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học

Năm nhập học	Số lượng SV	Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ % đã tốt nghiệp
2013-2014 (K39)	56	56	100
2014-2015	71	69	97,18

(K40)			
2015-2016 (K41)	105	99	94,29
2016-2017 (K42)	103	100	97,09
2017-2018 (K43)	122	114	93,44
2018-2019 (K44)	143	104	72,73

Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và nghỉ học so với các ngành trong và ngoài trường và [H11.11.01.07] cho biết tỉ lệ thôi học của ngành KTHH trường ĐHCT thấp nhất (11,89%), tuy nhiên tỉ lệ tốt nghiệp cao nhất trong bảng dữ liệu khảo sát (92,45%) tương đương Trường ĐHBK TP HCM (92,98%)

Khóa	Ngành	Tổng số đầu vào	Thôi học		Tốt nghiệp đúng hạn		Tốt nghiệp	
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)
2013 – 2019 (K39-K44) (Trường Bách khoa-ĐHCT)	Kỹ thuật xây dựng	1592	248	15,58	920	69,57	1080	80,95
	Công trình thủy	88	17	19,31	48	67,79	58	82,53
	CN Kỹ thuật hóa học	681	81	11,89	474	80	542	92,45
2013 – 2019	CN Kỹ thuật hóa học	1639	-	-	-	-	1524	92,98

Khóa	Ngành	Tổng số đầu vào	Thôi học		Tốt nghiệp đúng hạn		Tốt nghiệp	
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)
(Trường ĐHBK TP HCM)								

Ghi chú: (-): Không có số liệu, tính đến tháng 01/2023 thì khóa 2018-2019 (K44) mới vừa hết 4,5 năm

2. Điểm mạnh

Công tác xác lập, phân tích và đánh giá tỷ lệ NH tốt nghiệp, thôi học ngành KTHH được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Ngoài ra, việc cập nhật, đối sánh các tỷ lệ cũng được thực hiện thường xuyên, cung cấp tham chiếu đáng tin cậy cho hoạt động cải tiến chất lượng

3. Điểm tồn tại

Mặc dù tỉ lệ thôi học thấp so với một số ngành khảo sát, nhưng tỉ lệ này cũng khá cao

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục theo dõi số liệu thôi học, tốt nghiệp và tìm giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có quy định cụ thể về thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các bậc đào tạo. Thời gian đào tạo bậc đại học ngành KTHH tại Trường ĐHCT là 4,5 năm, thời gian tối đa là 9 năm. Để giám sát quá trình học tập của NH, Nhà Trường sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo trực tuyến [H11.11.01.01], trong đó có đầy đủ cơ sở dữ liệu về NH tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian đào tạo của mỗi NH.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành được thể hiện qua bảng bên dưới. Kết quả cho thấy, thời gian tốt nghiệp của ngành KTHH là 4,1-4,6 năm.

Năm tuyển sinh	Số lượng tuyển đầu vào	Số lượng theo học	Số lượng tốt nghiệp	Thời gian TN trung bình (năm)
2013-2014 (K39)	62	56	56	4,6
2014-2015 (K40)	87	71	69	4,6
2015-2016 (K41)	123	105	99	4,1
2016-2017 (K42)	121	103	100	4,2
2017-2018 (K43)	131	122	114	4,1
2018-2019 (K44)	157	143	104	3,1

Hằng năm, ngoài kế hoạch học tập được thực hiện dưới sự tư vấn từ CVHT, Phòng CTSV với vai trò là bộ phận chuyên trách hỗ trợ việc giám sát hoạt động học tập của NH định kỳ gửi công văn kèm theo danh sách NH sắp hết hạn đào tạo, chậm tiến độ đến Khoa quản lý chuyên ngành và CVHT để kịp thời thông báo và xử lý [H11.11.02.01].

Để đảm bảo yêu cầu hoàn thành CTĐT đúng thời hạn cũng như hạn chế tối đa tỉ lệ chậm tiến độ, Nhà Trường yêu cầu các Khoa thường xuyên nhắc nhở Bộ môn tiến hành giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của NH thông qua kênh CVHT. Đối với các trường hợp chậm tiến độ, CVHT tìm hiểu nguyên nhân cụ thể và đưa ra hướng tư vấn thích hợp như lập kế học tập học tập và đăng ký học phần,... nhằm giảm thiểu tối đa thời gian tốt nghiệp cho NH. Căn cứ vào thời gian tốt nghiệp trung bình, CVHT và Bộ môn tư vấn, hỗ trợ NH thực hiện thay đổi kế hoạch học tập, điều kiện tiên quyết, ưu tiên học học kỳ hè,... đảm bảo NH rút ngắn tối đa thời gian đào tạo [H3.03.01.04].

Công tác đảm bảo hạn chế tối đa việc NH chậm tiến độ, tốt nghiệp muộn hoặc phải thôi học được xác định là khâu quan trọng. CVHT lắng nghe nguyện vọng, tìm hiểu nguyên nhân và phối hợp đưa ra giải pháp là một kênh đột phá [H11.11.01.02], [H11.11.01.06], [H11.11.01.04]. Hệ thống quản lý đào tạo hỗ trợ NH về thời gian tốt

nghiệp trung bình của từng khóa được thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các khuyến nghị thích hợp để cải tiến chất lượng hỗ trợ cho người học. Khi mới nhập học NH được CVHT tư vấn lập kế hoạch học tập riêng cho từng NH, kế hoạch học tập này cũng có thể linh động thay đổi và điều chỉnh từng học kỳ tùy theo tình hình học tập thực tế [H11.11.02.02]. Ngoài ra, để tăng cường hiệu quả công tác CVHT, Trường Bách khoa đã tổ chức họp giữa Lãnh đạo Khoa và CVHT để thông tin các điểm mới của quy chế học so với phiên bản cũ, đồng thời trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về công tác CVHT nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hỗ trợ cho người học [H11.11.02.03]. Mặt khác Trường Bách khoa đã tổ chức hội thảo với chủ đề “Hội thảo hiện trạng và giải pháp nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ của Trường Bách khoa”, qua đó lãnh đạo được nghe phân tích nguyên nhân và những đề xuất từ các đơn vị đào tạo [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về các hoạt động liên quan hoạt động học tập của NH. Ngoài ra đội ngũ CVHT và các phòng ban tích cực thông tin, hỗ trợ tư vấn kịp thời giúp NH chủ động trong kế hoạch học tập của mình. Việc cung cấp khung kế hoạch học tập và hoạt động cập nhật điều chỉnh trong suốt thời gian đào tạo góp phần hạn chế tối đa việc chậm tiến độ. Việc quản lý kế hoạch học tập qua hệ thống trực tuyến cũng là một điểm mạnh

3. Điểm tồn tại

Công tác tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn còn gặp khó khăn do một số NH ít chủ động trao đổi với CVHT.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Trường ĐHCT và TBK kết hợp cùng CVHT tiếp tục rà soát, theo dõi kết quả học tập của NH, giúp NH linh động hơn nhằm nâng cao kết quả học tập của bản thân để hoàn thành tốt nghiệp đúng tiến độ hoặc sớm hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo cũng như khả năng có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. TTQLCL Trường định kỳ thực hiện điều tra khảo sát tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Kết quả khảo sát việc làm sau tốt nghiệp được trình bày ở Bảng 11.3.

Bảng 11.3: Tỷ lệ việc làm của SV Trường BK sau 1 năm tốt nghiệp

TT	Tên đơn vị	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	
1	Trường Bách khoa	Kỹ thuật công trình xây dựng	147	16	120	13	99,17%
2	Trường Bách khoa	Kỹ thuật điện, điện tử	91	4	88	4	97,73%
3	Trường Bách khoa	Kỹ thuật cơ khí	206	1	184	1	96,20%
4	Trường Bách khoa	Kỹ thuật cơ - điện tử	102	1	91	1	95,96%
5	Trường Bách khoa	Kỹ thuật máy tính	61	7	47	5	95,74%
6	Trường Bách khoa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	70	0	68	0	95,59%
7	Trường Bách khoa	Công nghệ kỹ thuật hóa học	113	56	110	55	98,18%

8	Trường Bách khoa	Quản lý công nghiệp	114	88	103	80	95,15%
9	Trường Bách khoa	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	86	13	74	10	97,30%
10	Trường Bách khoa	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	16	4	16	4	100,00%
11	Trường Bách khoa	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	38	2	25	1	100,00%
13	Trường ĐH BK TP HCM	Kỹ thuật hóa học	23	-	-		100,00%

Số liệu theo báo cáo tổng kết năm 2022 của TTQLCL Trường ĐHCT [H11.03.03 và Trường ĐHBK TP HCM [H11.11.01.06].

Tỉ lệ NH TBK có việc làm trung bình sau khi tốt nghiệp là cao (96,73%) và môi trường làm việc cũng rất đa dạng từ Nhà nước, tư nhân và môi trường làm việc yếu tố nước ngoài [H11.11.03.02], thể hiện ở Bảng 11.4.

Bảng 11.4: Tình hình việc làm và môi trường làm việc của người học tốt nghiệp ngành CN KTHH

Năm	Số SV được khảo sát	Số SV phản hồi	Có việc làm	Chưa có việc làm	Tỉ lệ có việc làm (%)	Khu vực làm việc			
						Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
2015 (K37)	80	60	47	5	91,67	3	32	11	1
2016 (K38)	99	80	76	4	95,00	14	39	12	1

2017 (K39)	39	33	32	1	96,97	4	24	2	0
2018 (K40)	48	45	40	5	100	2	35	0	1
2019 (K41)	80	70	70	0	100	3	25	8	1
2020 (K42)	119	107	98	6	94,39	12	63	21	2
2021 (K43)	113	110	108	2	98,18	10	79	13	4

Tỉ lệ NH ngành KTHH có việc làm cũng được đối sánh giữa các CTĐT khác trong Trường (bảng 11.5 và so sánh với các ngành kỹ thuật của trường khác [H11.11.01.07] nhằm làm tham chiếu cho hoạt động đánh giá cũng như có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh, nâng cao chất lượng CTĐT. Kết quả cho biết, tỉ lệ người học các ngành của Trường Bách khoa có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp là 96,73%, riêng ngành KTHH có tỉ lệ việc làm 98,18% đứng thứ tư trong bảng so sánh với các ngành kỹ thuật khác trong vùng tuy có thấp hơn 1,82% so với ĐH BK TP HCM , điều này cho thấy đầu ra của ngành KTHH đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.01].

Kết quả khảo sát tỉ lệ chưa có việc làm của Khoa và của ngành KTHH cũng được so sánh với trường khác (Bảng 11.5). Kết quả cho thấy tỉ lệ chưa có việc làm của ngành KTHH là thấp đứng thứ 5 trong các ngành khảo sát.

Bảng 11.5: Tỉ lệ % người học chưa có việc làm của một số ngành học ở Trường BK,
Trường ĐHCT

TT	Ngành học	Tỷ lệ chưa có việc làm (%)					
		2017	2018	2019	2020	2021	TB
1.	Kỹ thuật Cơ khí	3,60	2,24	5,10	20,52	3,80	7,01
2.	Kỹ thuật xây dựng	7,98	2,27	5,21	15,36	2,63	6,19
3.	Kỹ thuật điện, điện tử	4,00	0,00	5,45	12,96	2,27	4,94
4.	Công nghệ kỹ thuật hóa học/CNHH	3,00	0,00	0,00	15,13	1,82	3,99

5.	Kỹ thuật máy tính	4,90	4,40	1,54	1,67	4,26	3,35
6.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	12,70	5,80	5,00	9,96	2,70	7,23
7.	Quản lý công nghiệp	1,40	1,00	1,75	0,00	4,85	1,8
8.	Kỹ thuật cơ - điện tử	3,70	2,40	5,45	3,88	4,40	3,97
9.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9,30	5,90	0,00	21,19	4,41	8,16
10.	Kỹ thuật hóa học ĐHBKTP HCM	-	0	3,17	0	0	0,79
Trung bình		4,67	1,99	2,55	3,00	3,11	

Số liệu dựa theo báo cáo tổng kết (2016-2022) của TTQLCL Trường ĐHCT và thống kê của ĐHBK TPHCM [H11.11.01.06].

(-): không có số liệu thống kê

TTQLCL Trường ĐHCT duy trì hoạt động thu thập thông tin từ NH tốt nghiệp [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05], tham khảo ý kiến từ nhà tuyển dụng [H1.01.01.04, H1.01.01.09, H1.01.01.12] cũng như tiến hành giám sát chặt chẽ các tỉ lệ việc làm qua từng giai đoạn. Đồng thời thực hiện việc phân tích, đối sánh số liệu giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05].

Ngoài ra, Trung tâm Tư vấn – Hỗ trợ Sinh viên Trường ĐHCT có nhiệm vụ liên kết, phối hợp, hỗ trợ với các đơn vị trong và ngoài Trường để thực hiện các công tác tư vấn – hỗ trợ sinh viên. Hằng năm Trung tâm có tổ chức ngày hội việc làm, giúp NH có cơ hội gặp gỡ trực tiếp nhà tuyển dụng nắm bắt kịp thời thông tin có liên quan nhằm có sự chuẩn bị tốt về việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10]. Ngoài ra để giúp sinh viên khởi nghiệp, Trung tâm cũng mở các lớp tập huấn trang bị kiến thức khởi nghiệp và lập nghiệp cho sinh viên của Trường [H11.11.03.06].

Khoa KTHH cũng đối sánh tỉ lệ có việc làm của SV TN ngành mình với SV TN các ngành cùng Khoa làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhu cầu thị trường lao động. Việc tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục; thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm luôn được quan tâm với nhiều phương pháp tích cực như: Tổ chức các buổi giao lưu với nhà tuyển dụng [H11.11.03.07], trao đổi sinh viên với một số trường nước ngoài như Hàn Quốc, Đài Loan... nhằm tăng cường cơ hội tìm học bổng du học cho SV sau tốt nghiệp

[H8.08.04.09]. Hàng năm Trường tổ chức hội chợ việc làm, đây là cơ hội để sinh viên ra trường tìm kiếm việc làm phù hợp cho mình đồng thời cũng là nguồn động lực, là định hướng để người học sắp tốt nghiệp hướng đến [H11.11.03.08]. Thông tin tuyển dụng được cung cấp trên Website của Nhà trường, Website của TBK trên mạng xã hội, và thông qua các mối quan hệ của GV để giới thiệu việc làm cho người học khi có nhu cầu [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Nhà Trường có tiến hành khảo sát tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp. Tỉ lệ có việc làm của NH ngành CNKTHH sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh rõ ràng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành, hỗ trợ tối đa khả năng có việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NH tham gia khảo sát việc làm sau khi tốt nghiệp chưa thực hiện như mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Trường ĐHCT tiếp tục duy trì khảo việc làm của NH sau tốt nghiệp, nhằm đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT, tăng cường các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp tạo điều kiện để NH có nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

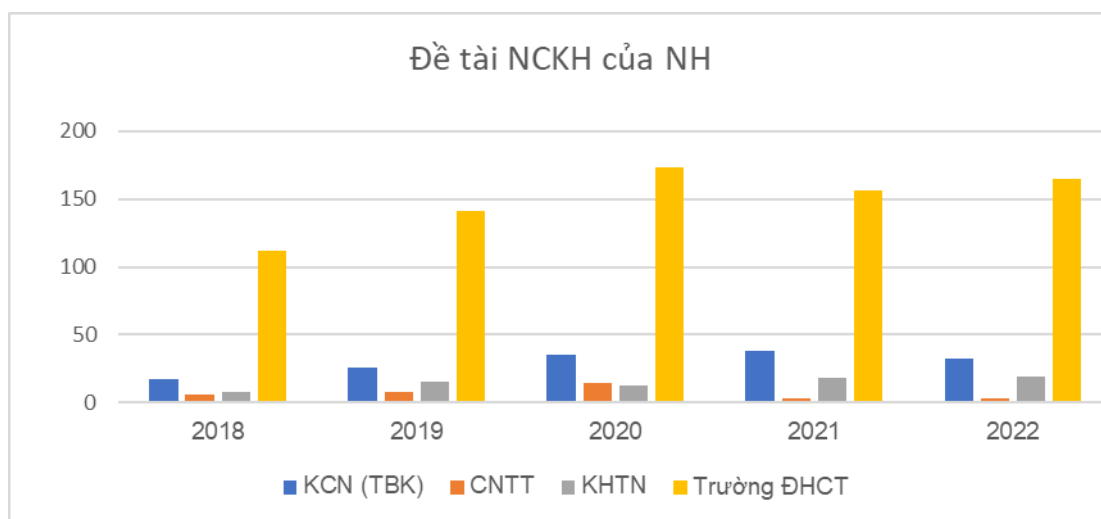
1. Mô tả hiện trạng

TBK có xác lập loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH. Hoạt động NCKH của NH ngành KTHH được xác lập chủ yếu dưới hình thức tham gia thực hiện đề tài NCKH cấp Trường [H4.04.03.01]. Bên cạnh đó, người học có thể tham gia NCKH cùng với GV trong các đề tài NCKH các cấp. NH còn có thể thực hiện NCKH thông qua LVTN/TLTN. Để hỗ trợ công tác NCKH, Trường ĐHCT và TBK thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo khoa học nhằm chia sẻ những kinh nghiệm hay thông tin nghiên cứu [H6.06.07.02].

Tính từ 2018 đến 2022, KCN (nay là TBK) có 179 đề tài NCKH của NH được phê duyệt, trong đó có 74 đề tài của NH thuộc Khoa KTHH quản lý (chiếm 41,3%) và 38 đề tài của NH ngành KTHH làm chủ nhiệm (chiếm 51,4%) [H4.04.03.01]. Qua đó cho thấy hoạt động NCKH của sinh viên đã và đang được quan tâm từ nhà Trường và NH.

Nhà Trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Ngoài Phòng QLKH chuyên trách tất cả các hoạt động liên quan NCKH trên phạm vi toàn Trường như lên kế hoạch thực hiện, thông tin cần thiết, hỗ trợ kinh phí,... KCN (nay là Trường Bách khoa) còn có bộ phận chuyên trách riêng quản lý các hoạt động NCKH của Khoa. Hàng năm Nhà Trường thông báo đăng ký đề tài NCKH cho NH. Chính sách tài chính được hỗ trợ 15 triệu đồng/đề tài. Hoạt động NCKH được Nhà trường quy định bằng văn bản, các biểu mẫu và giám sát tiến độ thực hiện. Nội dung KH của các đề tài NCKH được xét duyệt bởi tiểu ban chuyên môn do Trường thành lập [H1.01.01.13]

Hình 11.1 so sánh về số lượng đề tài NCKH được thực hiện bởi NH của Trường Bách khoa so với một số chương trình được đào tạo tại Trường ĐHCT thì số lượng công trình NCKH do NH thực hiện tại TBK cao hơn so với các đơn vị khác, điều này cho thấy hoạt động NCKH của NH ở TBK là cao [H4.04.03.01].



Hình 11.1 So sánh đề tài NCKH của Trường BK và một số đơn vị khác giai đoạn 2018-2022

Hình 11.2 so sánh đề tài NCKH của NH ngành KTHH của Trường ĐHCT và Trường ĐHBK TP HCM [H11.11.01.06] cho thấy số lượng đề tài NCKH của NH cả 2 trường tăng tuyến tính từ năm 2018-2021, tuy nhiên số lượng đề tài của cả 2 trường

giảm xuống năm 2022, điều này được ghi nhận do bị ảnh hưởng của dịch bệnh covid nên làm ảnh hưởng đến tiến độ và kinh phí thực hiện. Nhìn chung số lượng đề tài NCKH của NH ở Trường ĐHBK TP HCM cao hơn so với ĐHCT có thể do mức kinh phí thực hiện ở 2 trường khác nhau.

Khi các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học và căn cứ vào xu hướng phát triển của xã hội, chính sách phát triển của quốc gia và khu vực ĐBSCL, Trường ĐHCT có hướng dẫn để xem xét tính ưu tiên, tính cấp thiết, tính phù hợp của các đề tài NCKH. Hoạt động này được Trường ĐHCT giao cho các tiểu ban chuyên môn quyết định. Tùy theo cấp độ NCKH của đề tài, mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, sản phẩm nghiên cứu của đề tài được xem xét, cân nhắc phù hợp với khả năng của người thực hiện Ví dụ, trong tình hình dịch bệnh covid vừa qua, Hội đồng Khoa học & đào tạo họp xem xét đề xuất và duyệt đề xuất những đề tài có tính cấp thiết với kinh phí 250.000.000 đồng, trong đó Khoa Công nghệ được duyệt đề tài “Chế tạo buồng xét nghiệm mẫu covid-19 với kinh phí 120.000.000 đồng. [H1.01.01.13]. Các hoạt động NCKH cũng được xem xét rà soát và tổng kết hằng năm. Ví dụ trong Báo cáo tổng kết năm 2021 của Khoa Công nghệ về hoạt động NCKH cho thấy số lượng đề tài được duyệt ngày càng tăng (số đề tài năm 2021 tăng gấp đôi so với năm 2019) có thể thấy sinh viên ngày càng quan tâm thực hiện đề tài NCKH. Báo cáo còn đưa ra đề xuất như: đề thu hút, kích thích lòng đam mê nghiên cứu, sáng tạo của sinh viên, thời gian tới các bộ môn cần quan tâm phát triển thêm các cuộc thi mang tính học thuật không chỉ tạo điều kiện nâng cao kiến thức thực tế mà còn rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên [H10.10.06.03].

Nhìn chung, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập và giám sát cụ thể, rõ ràng và so sánh đối chiếu. Hoạt động của các loại hình NCKH được giám sát có hệ thống thông qua Phòng Quản lý Khoa học, các bộ phận quản lý khoa học cấp Khoa.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng đề tài NCKH của NH được xác lập, giám sát, so sánh đối chiếu cùng với chính sách hỗ trợ, tư vấn từ phía lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc xúc tiến hoạt động NCKH

3. Điểm tồn tại

Việc xuất bản các NCKH của NH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT và TBK tăng cường hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện cho người học tham gia hoạt động NCKH và xuất bản.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường định kỳ thực hiện việc thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về kết quả hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC... Đối với đội ngũ cán bộ GV, nhân viên, mức độ hài lòng được thể hiện qua Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm. Tại hội nghị, cán bộ viên chức tham gia đối thoại trực tiếp với lãnh đạo Nhà Trường, lãnh đạo các Phòng Ban trong môi trường dân chủ, thẳng thắn nêu quan điểm về các vấn đề liên quan chính sách, kế hoạch [H11.11.05.01]. Bên cạnh Hội nghị VC được tổ chức hằng năm, CB, GV có thể phản hồi trực tiếp thông qua các buổi họp Giao ban cấp Khoa (nay là TBK), cấp Bộ môn (nay là cấp Khoa) định kỳ 2 tuần [H10.10.06.02]. Ngoài ra việc ghi nhận ý kiến từ các bên có thể được thực hiện bằng các hộp thư góp ý [H10.10.06.05].

Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV

Hoạt động này được thực hiện trực tuyến rất hiệu quả ngay sau cuối học kỳ để SV góp ý, phản hồi về hoạt động giảng dạy HP. Từ đó, TT QLCL sẽ thực hiện việc phân tích, đánh giá chất lượng HP, cũng như chất lượng của CTĐT [H11.11.05.02]. Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng và rất hài lòng về hoạt động giảng dạy của Khoa KTHH là cao, tuy nhiên cũng có một tỉ lệ nhỏ không hài lòng.

Khảo sát người học năm cuối về CTĐT

Hoạt động này được thực hiện vào thời điểm NH làm thủ tục xét tốt nghiệp, nội dung khảo sát xoay quanh các vấn đề về kiến thức, kỹ năng, môn học, trang thiết bị phục vụ. Kết quả khảo sát năm 2021-2022 cho thấy đa số NH hài lòng với CTĐT ngành KTHH [H11.11.05.01]. NH đã tốt nghiệp đều có năng lực làm việc tại các cơ quan, công ty tuyển dụng, có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, thích nghi

tốt với các điều kiện làm việc thực tế và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Công tác khảo sát này được thực hiện thường xuyên hàng năm [H11.11.05.03].

Khảo sát NH tốt nghiệp về tình hình việc làm

Hoạt động này được thực hiện định kỳ hàng năm, [H11.11.05.04], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Tỷ lệ NH TBK có việc làm sau khi tốt nghiệp là cao (97,1%) và môi trường làm việc cũng rất đa dạng từ Nhà nước, tư nhân và môi trường làm việc yếu tố nước ngoài (bảng 11.6). NH ngành KTHH đã tốt nghiệp đều có năng lực làm việc tại các cơ quan, công ty tuyển dụng; có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, thích nghi tốt với các điều kiện làm việc thực tế, môi trường làm việc cũng đa dạng từ công ty liên doanh nước ngoài đến doanh nghiệp tư nhân. Thông tin này được thu thập thông qua hoạt động khảo sát hàng năm của TT QLCL kết hợp với các đơn vị đào tạo [H11.11.03.01]

Khảo sát NSDLĐ về người học tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp

Hoạt động này được thực hiện thông qua các buổi tham quan thực tế xuống doanh nghiệp, thông qua các mối quan hệ của GV với doanh nghiệp. Kết quả khảo sát NSDLĐ cho thấy 100% NSDLĐ hài lòng với năng lực chuyên môn của NH tốt nghiệp ngành KTHH [[H11.11.04.07]].

Khảo sát NH về các hoạt động hỗ trợ

Ngoài khảo sát về CTĐT thì những hoạt động hỗ trợ NH cũng được quan tâm lấy ý kiến người học [H9.09.04.03], qua đó có thể cải tiến hoạt động này được tốt hơn. Các hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ được thực hiện bằng văn bản [H11.11.05.04] và tổng kết báo cáo [H11.11.03.04].

Tất cả các hoạt động trên ghi nhận sự đóng góp ý kiến của GV, NV, NH, NH đã tốt nghiệp, NSDLĐ làm cơ sở cho việc cải tiến tất cả các hoạt động của Nhà Trường. Việc lấy ý kiến không chỉ tập trung vào hoạt động đào tạo và còn thể hiện trên nhiều hoạt động của Nhà Trường. Vì vậy, Trường ĐHCT có cơ sở để từng bước cải tiến các hoạt động của Nhà Trường. Cụ thể, qua ghi nhận ý kiến của các BLQ về NH ngành KTHH K43 đã làm việc ở các cơ quan, 100% NSDLĐ đã hài lòng [NSDLĐ hài lòng với năng lực chuyên môn của NH tốt nghiệp ngành KTHH [[H11.11.04.07]]]. Tuy nhiên để cải tiến thêm, trong buổi họp các BLQ để xây dựng cho CTĐT K45, Khoa KTHH cũng đã lắng nghe ý kiến các bên để xây dựng CTĐT K45 được cải tiến hơn so với K43 [H1.01.01.04]. Mặt khác kết quả khảo sát cũng được sử dụng so sánh để làm căn cứ cải

tiền chất lượng. Cụ thể, trong kết quả lấy ý kiến NH K43, có 15% NH không hài lòng về hoạt động hỗ trợ ví dụ như phòng học. Qua các ý kiến này, Nhà trường đã có kế hoạch và sửa chữa, nâng cấp các khu nhà học được khang trang hơn

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT nhận ý kiến đóng góp trực tiếp từ GV và NV thông qua các cuộc họp được tổ chức định kỳ. Trường có hệ thống lấy ý kiến các BLQ trực tuyến nên được thực hiện rộng rãi, nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

Trong các hoạt động khảo sát đã thực hiện thì số liệu còn khiêm tốn do các BLQ, đặc biệt là NSDLĐ chưa quan tâm đến việc đóng góp ý kiến để cải tiến hoạt động của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT tăng cường quảng bá việc lấy ý kiến các BLQ, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các BLQ tích cực tham gia lấy ý kiến.

5. Tự đánh giá

Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

CTĐT chuyên ngành KTHH luôn được quan tâm điều chỉnh cho phù hợp thời đại. Nhà Trường có hệ thống phần mềm quản lý và hỗ trợ người học, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ TN, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, CB-GV, NH sau TN, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nó nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Công tác khảo sát tỷ lệ SV TN tìm được việc làm luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên hàng năm, công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (cụm SV) được thực hiện mỗi năm/1 lần. Trường ĐHCT rất chú trọng việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất PTN, hàng năm đều rót kinh phí để mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm phục vụ công tác đào tạo tốt hơn đồng thời tổ chức nhóm nghiên cứu để NH tham gia các hoạt động NCKH. CB của BM CNHH luôn là tấm gương trong NCKH, luôn quan tâm hỗ trợ và là động lực thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV. Trường ĐHCT tăng cường quảng bá việc lấy ý kiến các BLQ, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các BLQ tích cực tham gia lấy ý kiến.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt, 0 tiêu chí không đạt.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Những điểm mạnh của CTĐT ngành

Mục tiêu đào tạo của ngành CNKTHH được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường BK, Trường ĐHCT và phù hợp với mục tiêu của GDĐH theo quy định Luật giáo dục hiện hành; được rà soát và điều chỉnh để đảm bảo sự rõ ràng theo yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện ở Việt Nam, tình hình thực tiễn của xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế; được công bố công khai cho SV và xã hội qua nhiều phương tiện thông tin. CĐR của CTĐT ngành CNKTHH được xác định rõ ràng, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Đồng thời, đảm bảo tính cụ thể, phù hợp, đo lường được, khả thi và định kỳ được cập nhật và điều chỉnh. CĐR của CTĐT ngành CNKTHH đã được xây dựng một cách khoa học, phản ánh được các yêu cầu của các BLQ và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát và cập nhật để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức đa dạng và phương tiện thông tin khác nhau.

Bản mô tả CTĐT chứa đựng đầy đủ thông tin và ĐCCT của các HP được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ thông tin cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy, NH, đồng thời cũng cung cấp thông tin đầy đủ cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến CTĐT. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của các HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung và được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Cấu trúc CTDH ngành CNKTHH được thiết kế hợp lý dựa trên mục tiêu, CĐR, PPDH và đánh giá HP nên đáp ứng được kết quả học tập mong đợi của NH. Mỗi HP trong CTDH có đóng góp rõ ràng, cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các HP đảm bảo mạch kiến thức được tiếp thu liên tục từ thấp đến cao, hướng đến phát triển năng lực của NH. CTDH được định kỳ rà soát và cập nhật nhằm đáp ứng CĐR cho phù hợp với chuyên môn và nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Trường ĐHCT luôn cập nhật các quy định của Nhà nước trong Luật GDĐH và các hướng dẫn Thông tư, Quy định của Chính Phủ, Bộ GDĐT, từ đó đề ra các mục tiêu GD rõ ràng về ngành CNKTHH. Các hoạt động dạy và học được thiết kế khoa học phù hợp

CĐR, từ đó giúp SV thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong quá trình theo học tại Trường và từng bước hình thành khả năng học tập suốt đời. Trường, Khoa, BM và các BLQ đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để thay đổi cách tiếp cận PPDH.

Kết quả học tập của SV được đánh giá dựa vào yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR đã được ĐHCT hướng dẫn rõ ràng và cụ thể có thể dễ dàng tìm thấy ở website của Trường và Quy chế học vụ được cung cấp cho từng GV và NH. Kết quả học tập của SV được đánh giá bằng nhiều phương pháp, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, và mục tiêu của từng HP. Ngoài ra, kết quả học tập cũng đánh giá được mức độ tích lũy của SV về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và giải quyết vấn đề cũng như thái độ của SV đối với từng HP. Kết quả này được công bố công khai và kịp thời cho SV trên HTQLTH của Trường và được quản lý, lưu trữ, chính xác và an toàn. Việc này giúp SV cải thiện được kết quả học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, Trường BK đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của NH, giúp SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Đề án của Trường đã xác lập được quy hoạch đội ngũ GV đảm bảo về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ NH/GV được rà soát, đối sánh liên tục để xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Tiêu chí tuyển dụng được công khai, tiêu chí bổ nhiệm được phổ biến đến từng đơn vị. Năng lực đội ngũ GV được đánh giá bởi đồng nghiệp, đơn vị quản lý và NH. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ được xác định và hỗ trợ thực hiện đầy đủ. Việc quản trị theo kết quả công việc tạo động lực cho GV. NCKH được khuyến khích thực hiện với đầy đủ các loại hình được xác lập và công nhận.

Quy hoạch nhu cầu của đội ngũ NV được xác định rõ ràng trong Quy hoạch phát triển tổng thể Trường đại học Cần Thơ, trong đó số lượng, trình độ của từng vị trí được xác định. Tiêu chuẩn tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ NV được công khai đến từng đơn vị. Việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV được tổ chức hàng năm. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được cập nhật thường xuyên. Tiêu chí đánh giá để làm cơ sở khen thưởng và công nhận được xác định và công khai trong toàn thể đội ngũ NV. Việc tuyển dụng thêm NV phục vụ đào tạo để thay thế dần NV chưa đáp ứng yêu cầu so với Quy hoạch. Quy định rõ tiến trình phân đấu cụ thể về

năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Tìm kiếm các cơ chế, chính sách để nâng cao thu nhập của NV bằng cách khuyến khích họ tham gia trong các hoạt động tạo ra thu nhập. Cải tiến tiêu chí đánh giá để làm động lực phấn đấu cho đội ngũ NV.

Trường ĐHCT luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho NH. Chính sách tuyển sinh và quy trình thu nhận SV rõ ràng giúp Trường tuyển sinh được SV có chất lượng. HTQL giám sát sự tiến bộ trong học tập của SV được thực hiện một cách đồng bộ, kịp thời và minh bạch. Quá trình học tập, rèn luyện của SV còn được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV của CVHT, GV, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, tiện ích tốt của Trường cũng đã góp phần nâng cao CLĐT.

Trường ĐHCT cũng như Trường Bách khoa và Khoa KTHH rất quan tâm và đầu tư đúng mức cho trang thiết bị đào tạo của ngành CNKTHH, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Các trang thiết bị, nguồn tài liệu học tập thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo hướng hiện đại hóa đã hỗ trợ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành CNKTHH. Với các tiêu chuẩn và quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn, Trường ĐHCT và Trường BK đã chuẩn bị tốt cho giáo dục, đào tạo ngành CNKTHH không những phục vụ ĐBSCL mà còn cho cả nước.

Trường ĐHCT luôn sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để trình xây dựng và cải tiến CTDH ngành CNKTHH. Việc xây dựng và cải tiến CTDH ngành CNKTHH được thiết lập, đánh giá và cải tiến liên tục. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV theo từng HP được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT ngành CNKTHH. Để việc thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ được hiệu quả, Trường có kế hoạch thực hiện xây dựng, cải tiến và hệ thống hóa cơ chế phản hồi của các BLQ. Ngoài ra, Trường ĐHCT luôn đẩy mạnh nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý. Nhìn chung, Trường ĐHCT luôn chú trọng đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành CNKTHH luôn được quan tâm điều chỉnh, nâng cấp thường xuyên xuyên suốt từ cấp Trường, cấp Khoa, cấp BM. Nhà Trường có hệ thống phần mềm quản lý và hỗ trợ NH, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ TN, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, CB-GV, SV sau TN, có quy định rõ ràng

về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nó nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Công tác khảo sát tỷ lệ SV TN tìm được việc làm luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên hàng năm, công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (cựu SV) được thực hiện mỗi năm/1 lần. Trường ĐHCT rất chú trọng việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất PTN, hàng năm đều rót kinh phí để mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm phục vụ công tác đào tạo tốt hơn đồng thời tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. CB của Khoa KTHH luôn là tấm gương trong NCKH, luôn quan tâm hỗ trợ và là động lực thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV. Trường ĐHCT tăng cường quảng bá việc lấy ý kiến các BLQ, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các BLQ tích cực tham gia lấy ý kiến.

Những điểm còn tồn tại của CTĐT ngành

Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của các BLQ, đặc biệt là NSDLĐ chưa thực hiện một cách qui mô và đồng bộ.

Các BLQ chỉ mới tiếp cận bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết HP qua cổng thông tin website của Trường ĐHCT và qua các buổi họp mặt, hội thảo do Trường BK và Khoa KTHH tổ chức.

Một số HP thuộc CTĐT của ngành CNKTHH nhưng được sử dụng để giảng dạy cho những ngành đào tạo khác nên CĐR của các HP này chưa hoàn toàn tương thích với CĐR của các HP trong CTĐT của ngành khác và ngược lại.

Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi trên website của Trường, nhà điều hành, nhà học, khu vực văn phòng Đoàn trường. Mục tiêu đào tạo của Khoa được phổ biến tương tự nhưng mục tiêu đào tạo của ngành CNKTHH chỉ được phổ biến trên website và thông qua việc khảo sát ý kiến của SV đang học. Nhiều hình thức tổ chức và PPDH tích cực mới chưa được sử dụng đều khắp trong tất cả các HP của CTDH. Các hoạt động bên ngoài lớp học cũng chưa được GV chú trọng nhiều ở các HP thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức chuyên ngành. Để đáp ứng nhu cầu xã hội, kiến thức chuyên môn cần phải cập nhật thường xuyên; tuy nhiên, việc liên tục điều chỉnh CĐR hoặc bổ sung PPGD cho HP để tương thích thì chưa được thực hiện kịp thời. Việc đối sánh giữa các trường còn khập khiễng do cùng ngành nhưng khác danh hiệu (cử nhân-kỹ sư).

Đội ngũ NV của toàn trường còn công kênh, số lượng NV tham gia các lớp học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ còn hạn chế. Hiện tại Trường đang xây dựng đề án vị trí việc làm nên chưa có tiêu chí đánh giá riêng cho NV theo từng vị trí việc làm.

Các khảo sát ý kiến đóng góp từ các BLQ chưa thực sự có hiệu quả. Nhà trường cũng cần mở rộng, nắm bắt thêm nhu cầu của NSDLĐ để xây dựng chính sách và đánh giá các tiêu chí tuyển sinh. Tình trạng SV bỏ học và tốt nghiệp chậm tiến độ vẫn còn. Các hoạt động tư vấn cho tìm kiếm việc làm riêng cho đối tượng là SV ngành CNKTHH chưa nhiều.

Nhà xưởng cần cải thiện việc thông gió để chống nóng. Một số thiết bị phục vụ thực tập của PTN, PTH ngành CNKTHH đang xuống cấp, cần bổ sung và thay thế. Mặc dù được đầu tư thiết bị thuộc dự án ODA Nhật nhưng thiết bị vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ. Tình trạng nghẽn mạng vào thời điểm đăng ký HP vẫn còn diễn ra. Các chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa thể hiện rõ trong văn bản ban hành.

Mặc dù việc thiết lập và điều chỉnh cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thực hiện nhưng động lực để NH phản hồi ý kiến chính xác và đầy đủ là chưa cao. Vì vậy, tỉ lệ NH tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy và CTĐT còn thấp.

Tỷ lệ thôi học chủ yếu do hoàn cảnh khó khăn nên tạm hoãn học đi làm phụ giúp gia đình.

Kế hoạch cải tiến

Trên cơ sở những điểm mạnh và những điểm tồn tại về toàn bộ hoạt động đào tạo, Khoa KTHH đề xuất kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng đào tạo.

Trường BK với nòng cốt là Khoa KTHH tiếp tục phối hợp TT QLCL tăng cường sử dụng các công cụ trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mục tiêu của CTĐT, CDR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT của các HP để điều chỉnh phù hợp cho lần chỉnh sửa tiếp theo. Tìm kiếm các chương trình quốc tế tiên tiến khác để thực hiện việc đối sánh đồng bộ.

Trường BK đề xuất Nhà Trường chỉ đạo TT QLCL phối hợp với Phòng TCCB thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho GV về PPDH mới để nâng cao hiệu quả trong công tác dạy – học. Hướng dẫn GV tăng cường sử dụng những phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng tiếp cận lấy SV làm trung tâm, tăng khả năng tự học, trao đổi,

phản biện cho NH. Phối hợp Phòng TCCB rà soát nhu cầu đào tạo và triển khai thực hiện đào tạo hàng năm. Phối hợp với Phòng QLKH tập huấn về việc thuyết minh đề tài các cấp (cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Nhà nước) và đề tài hợp tác trong nước và quốc tế.

Đơn vị trực tiếp quản lý ngành đào tạo là Khoa KTHH khuyến khích GV tiếp tục tăng cường sự công bằng và khách quan trong phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV ngành CNKTHH; Đề nghị Khoa KTHH thường xuyên tiến hành rà soát để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung HP đáp ứng CDR theo từng HK; lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV và phân tích báo cáo trong từng HK. Khoa KTHH đề xuất Nhà Trường tiếp tục thực hiện Quy định về việc SV phải đóng góp ý kiến về HP mới được xem kết quả học tập. Trên cơ sở góp ý của SV, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV cải tiến nâng cao chất lượng CTDH.

Đề nghị Khoa KTHH tiếp tục cải tiến quy trình kiểm tra đánh giá KQHT theo hướng đáp ứng tốt CDR của CTĐT; tiếp tục triển khai rà soát, cập nhật và cải tiến quy trình kiểm tra đánh giá có thể áp dụng đối với những HP có đông NH; cải tiến quy trình đánh giá kết quả học tập theo hướng đa dạng để đáp ứng yêu cầu thực tế; phát huy tính công khai và minh bạch của quy định về khiếu nại kết quả học tập của NH; khuyến khích SV mạnh dạn khiếu nại kết quả học tập nếu thấy chưa phù hợp.

Đề nghị Khoa KTHH đề xuất Trường và Khoa tiếp tục phát huy tính minh bạch, công khai, kịp thời và chính xác việc công bố kết quả học tập của NH; lập kế hoạch phát triển ứng dụng (app) HTQLTH trên nền tảng Android, iOS để hỗ trợ SV tiếp cận kết quả đánh giá một cách kịp thời và nhanh chóng trên thiết bị di động; từng bước nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để có thể đáp ứng lượng truy cập cao.

Đề nghị Khoa KTHH đề xuất Khoa Công Nghệ chủ trì và phối hợp cùng với Phòng TCCB tiến hành rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ hàng năm để điều chỉnh cho phù hợp; tiếp tục công khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thường xuyên rà soát tỷ lệ GV/SV và khối lượng giảng dạy hàng năm của GV để tiến hành điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ GV phù hợp; rà soát và điều chỉnh chính sách khuyến khích GV học tập, nâng cao trình độ. Khoa KTHH phối hợp Khoa để tiếp tục xây dựng các tiêu chí đánh giá một cách cụ thể, rõ ràng mang tính định lượng cao và đề xuất với Trường về việc áp dụng để đánh giá đội ngũ GV và NV của Khoa.

Đề nghị Khoa KTHH khuyến khích GV tăng cường quảng bá tuyển sinh cho ngành CNKTHH; khuyến khích CVHT trong BM tiếp xúc nhiều hơn với SV và hỗ trợ SV khi cần thiết; khuyến khích GV hỗ trợ Đoàn thanh niên trong các hoạt động ngoại khóa của SV.

Đề nghị Khoa KTHH tích cực quan tâm đến quá trình đầu tư đồng bộ trang thiết bị PTN trong dự án ODA, đề xuất Nhà Trường cải tạo điều kiện thực hành, thực tập tại xưởng; tích cực đề xuất giáo trình và tài liệu tham khảo để TTHL có kế hoạch mua sắm, cập nhật tài liệu.

Đề nghị Khoa KTHH tăng cường xây dựng mối quan hệ với NSDLĐ và cựu SV để thu thập thêm nhiều ý kiến phản hồi có giá trị về việc thiết kế CTĐT, CTDH và từng bước xây dựng cơ chế phản hồi một cách có hiệu quả.

**Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo thông tư
04/2016/TT-BGDĐT**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Cần Thơ

Mã: TCT

Tên chương trình đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật Hóa học

Mã chương trình đào tạo: 7510401

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,33	3	100%
Tiêu chí 1.2						6				
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,67	3	100%
Tiêu chí 2.2						6				
Tiêu chí 2.3						6				
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,33	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3						6				
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1						6		5,67	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3						6				
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1				4				5,00	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3						6				
Tiêu chí 5.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1				4				4,86	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5						6				
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3						6				
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1				4				4,40	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				5,00	6	100%
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5						6				
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,80	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3						6				
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								5,02	50	100%

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại Học Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHCT
 - Tiếng Anh: CTU
3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84-292) 3832663
E-mail: dhct@ctu.edu.vn. Website: www.ctu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 31/3/1966
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho Khóa I: 1970
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
☒ Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực
12. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

13. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: Trường Bách khoa
Tiếng Anh: College of Engineering
Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật Hóa học
Tiếng Anh: Faculty of Chemical Engineering
14. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:
Tiếng Việt: TBK

Tiếng Anh: COE

15. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Cơ khí Thủy nông

Tiếng Anh: Faculty of Mechanical - Hydroponic

16. Mã CTĐT: 7510401

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Công nghệ Hóa học

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Trường Bách khoa, Trường Đại Học Cần Thơ, Khu II, Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

19. Số điện thoại liên hệ: 02923834267; Số fax: 02923831151

E-mail: tbk@ctu.edu.vn; Website: <https://coe.ctu.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1977

20. Thời gian bắt đầu đào tạo Khóa I (của CTĐT Công nghệ Hóa học): 2000

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho Khóa I (của CTĐT Công nghệ Hóa học): 2005

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Lịch sử phát triển

Năm 1977, Khoa Cơ khí Thủy nông (tiền thân của Khoa Công Nghệ) được thành lập. Năm 1978, Khoa Cơ khí Thủy nông được tách thành Khoa Cơ khí nông nghiệp và Khoa Thủy nông và Cải tạo đất. Sau đó, Khoa Công nghệ được thành lập vào năm 1995 trên cơ sở sáp nhập 2 Khoa trên cùng với Trung tâm Năng lượng mới. Năm 2008, BM Tự động hóa và BM Điện tử Viễn thông được sáp nhập vào Khoa Công nghệ từ Khoa Công nghệ thông tin. Như vậy, sau hơn 40 năm thành lập (1977 – 2020), Khoa Công nghệ có đội ngũ GV cơ hữu có học vị tiến sĩ, có học hàm phó giáo sư, đã và đang tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực đại học và sau đại học cho vùng ĐBSCL.

Sứ mạng (Mission)

Sứ mệnh của Trường Bách khoa là: (i) Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng cao, có năng lực đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế; (ii) Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển bền vững của vùng, quốc gia và khu vực Đông Nam Á; (iii) Cam kết phục vụ cộng đồng thông qua kết nối và chia sẻ nguồn lực.

Tầm nhìn (Vision)

Đến năm 2030, Trường Bách khoa sẽ trở thành một đơn vị uy tín và chất lượng hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và sáng tạo về kỹ thuật và công nghệ, tác động vào sự phát triển bền vững của xã hội của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng.

Đào tạo

Trường Bách khoa hiện đang đào tạo 13 chương trình đào tạo bậc đại học đại trà, 03 chương trình đào tạo đại học chất lượng cao, 04 chương trình đào tạo Thạc sĩ, 01 chương trình đào tạo Tiến sĩ. Số lượng SV đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Trường Bách khoa tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 7066, 241 và 15 (Báo cáo Thống kê định kỳ quý 4 năm 2022 ngày 13/01/2022 của Trường Đại Học Cần Thơ, số 186/BC-DHCT).

Nghiên cứu khoa học

TBK là một trường lớn có số lượng SV và lực lượng GV rất lớn với 9 Khoa đang tổ chức đào tạo và NCKH. Vì vậy, hoạt động NCKH của TBK rất sôi động với nhiều đề tài, dự án ở các cấp khác nhau. Trường Bách khoa đã chú trọng đẩy mạnh công tác NCKH nhằm nâng cao năng lực của GV, NH. Số lượng đề tài NCKH các cấp tăng từ 23 đề tài năm 2016 lên 93 đề tài năm 2021. Xuất bản phẩm trong và ngoài nước của Trường Bách khoa cũng tăng hàng năm, từ 110 xuất bản năm 2016 tăng lên 172 xuất bản năm 2021; đặc biệt, số lượng xuất bản phẩm trên tạp chí quốc tế có uy tín tăng đáng kể (22 bài năm 2016 tăng lên 73 bài năm 2020)

Hợp tác trong nước và quốc tế

Bên cạnh công tác đào tạo và NCKH thì HTQT cũng là thế mạnh của TBK. Trong giai đoạn 2015-2021, TBK đã thực hiện việc hợp tác nghiên cứu với các đối tác quốc tế

thông qua việc thực hiện các dự án nghiên cứu hoặc các dự án phát triển: Đề tài hợp tác quốc tế: Đang thực hiện 02 đề tài hợp tác với Châu Âu (Erasmus+) với tổng kinh phí 187.000 Euro; Đề tài cấp Bộ và tương đương: Đang thực hiện 04 đề tài cấp Bộ với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng, 01 đề tài dự án ODA (kinh phí 1.1 tỷ đồng); Đề tài với quỹ Vingroup 6 tỷ đồng.

Sở hữu trí tuệ

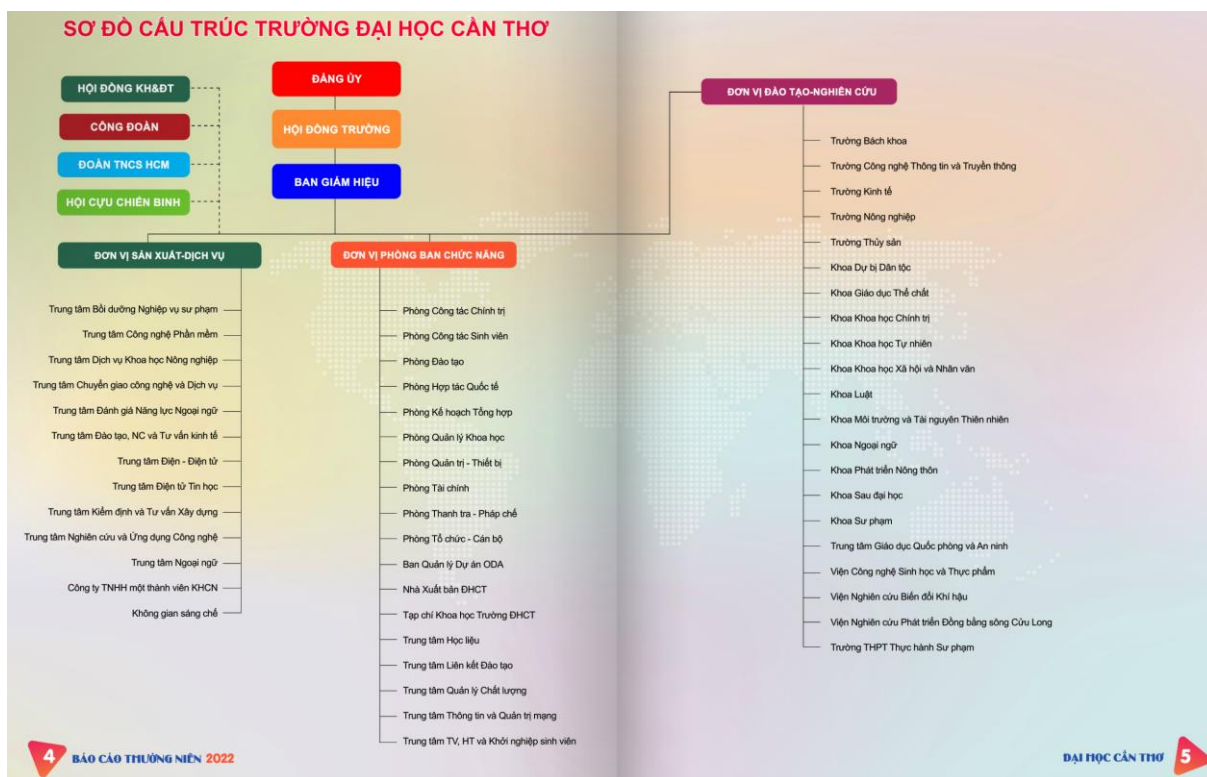
Công tác đăng ký Quyền sở hữu trí tuệ đã được TBK quan tâm, phát triển. Thời gian qua, TBK đã đăng ký 2 quyền SHTT gồm: Máy cán vỏ dừa (IP 2016-02, Quyết định số 80823/QĐ-SHTT, ngày 17/11/2017) và Thiết bị tước chỉ xơ dừa (IP 2016-01, Quyết định số 91499/QĐ-SHTT, ngày 26/12/2017).

Khoa Kỹ thuật hóa học

Tiền thân của Khoa kỹ thuật hóa học (KTHH) là Bộ môn Công nghệ Hoá học. Khoa KTHH là đơn vị thuộc TBK - Trường Đại Học Cần Thơ, được thành lập ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo Quyết định số 147/QĐ-ĐHCT.TCCB của Hiệu Trưởng Trường Đại Học Cần Thơ trên cơ sở tách tổ chuyên môn Công nghệ Hoá học, quản lý ngành đào tạo Công nghệ Hóa học (CNHH) tuyển sinh từ năm 2000, thuộc Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí – Khoa Công nghệ.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ)

Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHCT được thể hiện qua sơ đồ như sau:

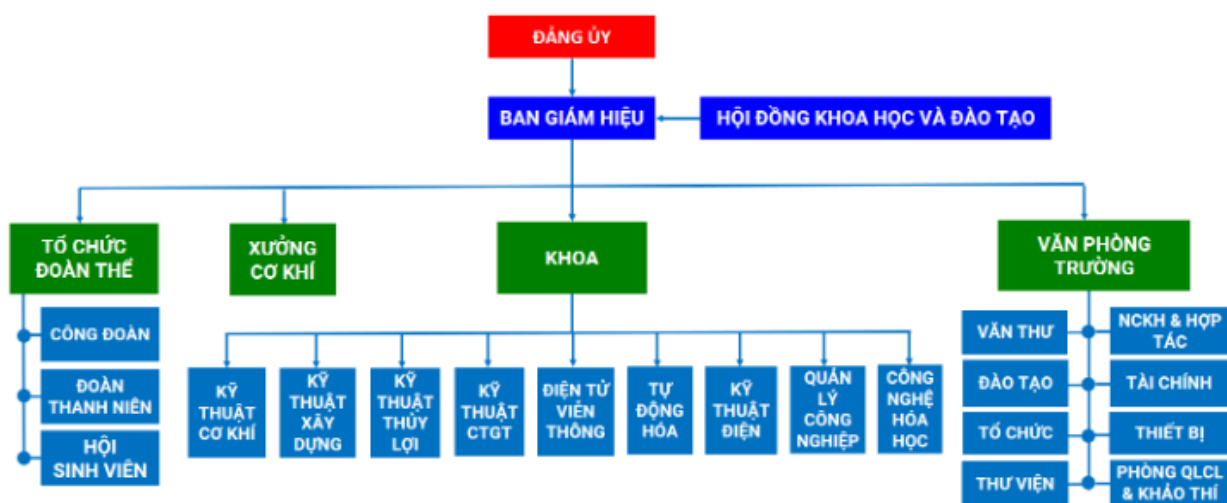


Sơ đồ tổ chức Trường Đại Học Cần Thơ

(Trích Báo cáo thường niên năm 2022 của Trường ĐHCT)

Trường Bách khoa

Trường Bách khoa có cơ cấu tổ chức hành chính được thể hiện qua sơ đồ như sau:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
I	Ban lãnh đạo Trường ĐHCT					
1		Hà Thanh Toàn	1963	GS. TS Hiệu trưởng	02923830604	httoan
2		Trần Ngọc Hải	1969	GS. TS Phó Hiệu trưởng	02923872202	tnhai
3		Nguyễn Hiếu Trung	1971	PGS.TS Phó Hiệu trưởng	02923834746	nhtrung
4		Trần Trung Tính	1973	PGS. TS Phó Hiệu trưởng	02923872073	tttinh
5		Nguyễn Thanh Phương	1965	GS. TS Chủ Tịch Hội đồng Trường	0292 3872099	ntphuong
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
	Lãnh đạo Trường					

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
	Bách khoa					
1		Nguyễn Văn Cương	1972	TS Hiệu Trưởng	0292 3834267	nvcuong
2		Trần Thanh Hùng	1972	TS Phó Hiệu Trưởng	0292 3834267	tthung
3		Trần Văn Tỷ	1977	PGS.TS Phó Hiệu Trưởng	0292 3834267	tvty
4		Hồ Ngọc Tri Tân	1972	ThS Phó Hiệu Trưởng	0292 3834267	hnttan
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1		Hồ Ngọc Tri Tân	1972	ThS Bí thư Đảng ủy	0292 3834267	hnttan
2		Nguyễn Minh Luân	1973	ThS Chủ tịch Công đoàn	0292 3834267	nmluan

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
3		Lâm Phúc Thông	1999	ĐH Bí thư Đoàn thanh niên	0292 3834267	lpthong
III.	Các phòng, ban					
1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	Dương Thanh Long	1962	ThS Trưởng phòng	0918 934011	dtlong
2	Phòng Công tác Chính trị	Trần Thiện Bình	1972	ThS Trưởng phòng	0913 759591	ttbinh
3	Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Tường	1965	TS Trưởng phòng	0919 636757	nttuong
4	Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Trí	1966	ThS Trưởng phòng	0292 3872166	nmtri
5	Phòng Hợp tác Quốc tế	Lê Văn Lâm	1977	TS Trưởng phòng	0292 3872160	lvlam
6	Phòng Quản lý Khoa học	Lê Nguyễn Đoan Khôi	1974	PGS. TS Trưởng phòng	0292 3872175	lndkhoi
7	Phòng Tài chính	Nguyễn Văn Duyệt	1968	ThS Trưởng phòng	0292 3832662	nvduyet

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
8	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Lan Hương	1976	TS Trưởng phòng	0292 3872114	nlhuong
9	Phòng Tổ chức Cán bộ	Lê Phi Hùng	1963	ĐH Trưởng phòng	0916326193	lphung
10	Phòng Quản trị - Thiết bị	Nguyễn Văn Trí	1970	ThS Trưởng phòng	0918367309	nvtri
11	Ban Quản lý ODA	Trần Trung Tính	1973	PGS. TS Trưởng ban	0292 3872162	tttinh
12	Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	Lý Thị Bích Phượng	1978	ThS Giám đốc	0292 3872295	ltbphuong
13	Trung tâm Học liệu	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	1968	ĐH Giám đốc	0292 3831565	ntttrinh
14	Trung tâm Quản lý chất lượng	Phan Huy Hùng	1967	TS Giám đốc	0292 3872170	phhung

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
15	Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	Lưu Trùng Dương	1971	ThS Giám đốc	0292 3830308	luutd
16	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV	Trần Cao Đệ	1969	PGS. TS. Giám đốc	0292 3872284	tcde
17	Nhà xuất bản ĐHCT	Trần Thanh Điện	1974	TS. Giám đốc	0292 3839981	thanhdien
18	Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT	Trần Ngọc Hải	1969	GS. TS Tổng biên tập	0292 3872157	tnhai
IV.	Các Khoa					
1	Khoa Kỹ thuật Cơ khí	Ngô Quang Hiếu	1980	PGS. TS Trưởng Khoa	0292 3834267	nghieu

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
2	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Bùi Lê Anh Tuấn	1972	PGS. TS Trưởng Khoa	0292 3834267	blatuan
3	Khoa Kỹ thuật Công trình thủy	Cao Tấn Ngọc Thân	1980	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	ctnthan
4	Khoa Kỹ thuật Công trình giao thông	Phạm Hữu Hà Giang	1981	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	phhgiang
5	Khoa Kỹ thuật Hóa học	Đoàn Văn Hồng Thiện	1980	PGS. TS Trưởng Khoa	0292 3834267	dvhthien
6	Khoa Điện tử viễn thông	Lương Vinh Quốc Danh	1973	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	lvqdanh
7	Khoa Kỹ thuật điện	Đỗ Nguyễn Duy Phương	1982	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	dndphuong
8	Khoa Quản lý công nghiệp	Nguyễn Hồng Phúc	1987	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	nguyenhongphuc

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email (@ctu.edu.vn)
9	Khoa Tự động hóa	Nguyễn Hoàng Dũng	1979	TS Trưởng Khoa	0292 3834267	hoangdung

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (Trường Bách khoa)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 4

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 16

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không.

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☐	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

32. Tổng số các ngành đào tạo: 21

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			
	Trong đó:			
	Trường Bách khoa	145	35	180
	Khoa Kỹ thuật hóa học	12	8	20
I.1	Cán bộ trong biên chế			
	Trường Bách khoa	145	35	180
	Khoa Kỹ thuật hóa học	12	8	20
I.2				

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	Cán bộ cơ hữu hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
	Trường Bách khoa	0	0	0
	Khoa Kỹ thuật hóa học	0	0	0
II	Các cán bộ khác, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)			
	Trường Bách khoa	0	0	0
	Khoa Kỹ thuật hóa học	0	0	0
	Tổng số			
	Trường Bách khoa	145	35	180
	Khoa Kỹ thuật hóa học	12	8	20

Số liệu thống kê của Khoa Kỹ thuật Hóa học đã được tính trong số liệu thống kê của Trường Bách khoa

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
	Trường Bách khoa	0	0	0	0	0	0
	Khoa KTHH	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư						

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
	Trường Bách khoa	14	14	0	0	0	0
	Khoa KTHH	6	6	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học						
	Trường Bách khoa	0	0	0	0	0	0
	Khoa KTHH	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ						
	Trường Bách khoa	51	51	0	0	0	0
	Khoa KTHH	9	9	0	0	0	0
5	Thạc sĩ						
	Trường Bách khoa	79	79	0	0	0	0
	Khoa KTHH	4	4	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số						
	Trường Bách khoa	144	144	0	0	0	0
	Khoa KTHH	19	19	0	0	0	0

Số liệu thống kê của Khoa Kỹ thuật Hóa học đã được tính trong số liệu thống kê của Trường Bách khoa

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 144 người (theo Trường Bách khoa)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $=144/180=80\%$ (theo Trường Bách khoa)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $=19/20=95\%$ (theo Khoa KTHH)

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
	TBK		0	0	0	0	0	0	0
	Khoa KTHH		0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0							

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
	TBK		14	14	0	0	0	0	42
	Khoa KTHH		6	6	0	0	0	0	18
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
	TBK		0	0	0	0	0	0	0
	Khoa KTHH		0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0							
	TBK		51	51	0	0	0	0	102
	Khoa KTHH		9	9	0	0	0	0	18
5	Thạc sĩ	1,0							
	TBK		79	79	0	0	0	0	79
	Khoa KTHH		4	4	0	0	0	0	4
6	Đại học	0,3							
	TBK		0	0	0	0	0	0	0
	Khoa KTHH		0	0	0	0	0	0	0
	Tổng								

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
	TBK		144	144	0	0	0	0	233
	Khoa KTHH		19	19	0	0	0	0	40

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư									
	Trưởng Bách khoa	14	9,72	10	4	0	5	8	1	0
	Khoa Kỹ thuật hóa học	6	4,17	3	3	0	3	3	0	0
3	Tiến sĩ									
	Trưởng Bách khoa	51	35,42	42	9	0	23	23	4	1

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Khoa Kỹ thuật hóa học	9	6,25	4	5	0	5	3	1	0
4	Thạc sĩ									
	Trường Bách khoa	79	54,86	67	12	5	25	37	12	0
	Khoa Kỹ thuật hóa học	4	2,77	3	1	0	1	2	1	0
5	Đại học									
	Trường Bách khoa	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khoa Kỹ thuật hóa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số									
	Trường Bách khoa	144		119	25	5	53	68	17	1
	Khoa Kỹ thuật hóa học	19		11	8	0	9	8	1	0

Số liệu thống kê của Khoa Kỹ thuật Hóa học đã được tính trong số liệu thống kê của Trường Bách khoa

36.1 Tuổi trung bình của GV cơ hữu (theo Trường Bách khoa): 41,48 tuổi

36.2 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): $[PGS (14) + TS (51)]/144 = 45,14\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Khoa KTHH): $[PGS (6) + TS (9)]/19 = 78,95\%$

36.3 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): $ThS (79)/144 = 54,86\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Khoa KTHH): $ThS (4)/19 = 21,05\%$

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	50	79,4
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30,6	19,1
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	12,9	1,5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	6,5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 4 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2018 - 2019	296	165	296/165	157	17,25	20,35	0
2019 – 2020	314	178	314/178	147	15	19,5	0
2020 – 2021	351	243	351/243	187	19 thi thptqg 22,25 xét học bạ	21,05 thi thptqg 24,85 xét học bạ	0
2021- 2022	322	151	322/151	140	26 thi thptqg 24 xét học bạ	27,75 thi thptqg 25,25 xét học bạ	0
2022- 2023	274	103	274/103	96	23,5 thi thptqg 28 xét học bạ	23,75 thi thptqg 28,25 xét học bạ	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV đại học Trong đó:	450	481	555	543	563
Hệ chính quy	450	481	555	543	563
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018 - 2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	40m ²	40m ²	40m ²	40m ²	40m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	89	112	139	167	156
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	76	93	124	131	132
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5m ²	5m ²	5m ²	5m ²	5m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng (người)	3	6	7	10	14
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0,67	1,25	1,26	1,84%	2,49%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:	83	116	113	152	76
Hệ chính quy	83	116	113	152	76
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó: Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó: Hệ chính quy Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	83	116	113	152	76
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	63,64% (K40) 22,58% (K41)	73,86% (K40) 80,65% (K41) 27,27% (K42)	(83,07%) (K41) 75,21% (K42) 36,64% (K43)	79,34% (K42) 84,73% (K43) 11,47% (K44)	85,5% (K43) 42,68% (K44) 0,68% (K45)
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	50%	61,22%	28,7%	40,74%	Chưa điều tra
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và	27,14%	33,67%	63,89%	58,52%	Chưa điều tra

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	22,86%	4,08%	1,85%	0,74%	Chưa điều tra
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	84,28%	91,54%	97,22%	100%	Chưa điều tra
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	31,43%	14,29%	4,63%	2,96%	Chưa điều tra
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	Chưa điều tra

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
	đồng/ tháng	đồng/ tháng	đồng/ tháng	đồng/ tháng	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Cấp NN	2	1	0	1	0	0	4
2	Cấp Bộ	1	4	4	7	9	5	29
3	Cấp trường	0,5	10	11	12	28	17	39
	Tổng		15	15	20	37	22	72

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

-Tổng số đề tài quy đổi 72

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): $72/180 = 0,4$

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Khoa KTHH): $11/20 = 0,55$ (1 đề tài cấp Nhà nước, 5 đề tài cấp Bộ, 8 đề tài cấp Trường)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	10	39	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	5	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	2	15	39	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước, tính theo qui đổi ở mục 45

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách		Số lượng
----	----------------	--	----------

		Hệ số**	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	3	6	3	2	21
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	3	6	3	2	21

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

- Tổng số sách (quy đổi theo Trường Bách khoa): 21

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu:
 $21/180 = 0,12$

- Tổng số sách (quy đổi theo Khoa KTHH): 3

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $3/20 = 0,15$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách (tính theo Khoa KTHH)			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	10	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	10	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	21	24	73	63	58	358,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	23	19	55	44	50	191
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		44	43	128	107	108	549,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

- Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi theo Trường Bách khoa): 549,5

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu: $549,5/180 = 3,05$.

- Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi theo Trường Bách khoa): 148 (72 tạp chí quốc tế, 40 tạp chí trong nước)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $148/20 = 7,4$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	42	38	0
Từ 6 đến 10 bài báo	9	6	0
Từ 11 đến 15 bài báo	3	1	0
Trên 15 bài báo	2	1	0

Tổng số cán bộ tham gia	56	44	0
-------------------------	----	----	---

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	20	16	31	24	16	107
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	1	7	2	7	11
3	Hội thảo cấp trường	0,25	75	44	60	102	95	94
	Tổng		100	61	98	128	118	212

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

-Tổng số bài báo cáo (quy đổi theo Trường Bách khoa): 212

-Tỷ số bài báo cáo (quy đổi theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu: $212/180 = 1,17$

-Tỷ số bài báo cáo (quy đổi theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $26,25/20 = 1,31$ (105 hội thảo cấp trường)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	32	9	39
Từ 6 đến 10 báo cáo	3	1	10
Từ 11 đến 15 báo cáo	1	0	5
Trên 15 báo cáo	1	0	7

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Tổng số cán bộ tham gia	37	10	61

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

55. NCKH của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường**	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	30	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	30	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**** Bao gồm đề tài NCKH của SV ở KCN và đề tài luận văn tốt nghiệp**

55.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	3	4	4	6	3

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 2.249.773,47m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 49.693m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 22.345,5m² Nơi học: 145.492,13m² Nơi vui chơi giải trí: 55.879 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 62.315,30m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,81m²/NH

(Được tính bằng tổng diện tích phòng học 62.315,30m²/34.265 tổng sinh viên chính quy của Trường ĐHCT– Số liệu SVCQ Quý IV năm 2022)

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1424 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 330 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 3.489 máy tính (chung hệ thống CNTT Trường)

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 373 bộ

- Dùng cho người học học tập: 3.116 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 11,03 SV/máy tính

(Được tính bằng số người học chính quy của Trường ĐHCT 34.365 SVCQ/3116 máy tính dành cho người học tập – Số liệu SVCQ Quý IV năm 2022)

(nguồn: báo cáo Thống kê CSVCS, Thư viện trường ĐHCT tính đến 31/12/2022)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

- Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 144 người

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $= 144/180 = 80\%$ (tính theo Trường Bách khoa)

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $= 19/20 = 95\%$ (tính theo Khoa KTHH)

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): 45,14%

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Khoa KTHH): 78,95%

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): 54,86%

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (Theo Khoa KTHH): 21,05%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 563

- Tỷ số người học chính quy trên GV quy đổi: 29,63

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): K43 (85,5%), K44 (42,68%).

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 40,74% (kiến thức và kỹ năng). Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 58,52%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100% sau 12 tháng tốt nghiệp.

- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 2,96%.

-Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu VNĐ.

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

-Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Không điều tra

-Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Không điều tra

6. Đánh giá NCKH và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Trường Bách khoa): $72/180 = 0,4$

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (theo Khoa KTHH): $11/20 = 0,55$

- Tỷ số bài đăng tạp chí (theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu: $549,5/180 = 3,05$.

- Tỷ số bài đăng tạp chí (theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $148/20 = 7,4$

-Tỷ số bài báo cáo (theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu: $212/180 = 1,17$

-Tỷ số bài báo cáo (theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $26,25/20 = 1,31$

- Tỷ số sách đã được xuất bản (theo Trường Bách khoa) trên cán bộ cơ hữu: $21/180 = 0,12$

- Tỷ số sách đã được xuất bản (theo Khoa KTHH) trên cán bộ cơ hữu: $3/20 = 0,15$

7. Cơ sở vật chất:

-Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 11,03 SV/máy tính

-Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $1,81\text{m}^2/\text{SV}$

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy (m^2/SVCQ): 2.12 m^2

(Được tính bằng tổng diện tích KTX của Trường ĐHCT $73.020,60\text{ m}^2/34.365$ sinh viên chính quy – Số liệu SVCQ Quý IV năm 2022)

Phụ lục II. QUYẾT ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT NGÀNH CNKTHH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 597 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành
Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý Chất lượng tại Công văn số 13/QLCL ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc thành lập các Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức-Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) ngành **Công nghệ kỹ thuật hóa học** trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành
Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học**

(Kèm theo Quyết định số 597 /QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ, Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Hiếu Trung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Cương	Trưởng khoa Công nghệ	Phó Chủ tịch
4	Đoàn Văn Hồng Thiện	Trưởng bộ môn CNHH, Khoa CN	Thư ký Hội đồng
5	Trần Văn Tỷ	Phó Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
6	Nguyễn Chí Ngôn	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
7	Ngô Thanh Phong	Trưởng khoa Khoa học Tự nhiên, Ủy viên Thường trực Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8	Nguyễn Minh Trí	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 2
9	Phan Minh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 1
10	Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 5
11	Lê Phi Hùng	Phó Bí thư Đảng ủy trường, Trưởng phòng Tổ chức-Cán bộ	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 4
12	Nguyễn Văn Trí	Trưởng phòng Quản trị-Thiết bị	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 6
13	Lê Nguyễn Đoàn Khôi	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	Thành viên
14	Văn Phạm Đan Thủy	Giảng viên cao cấp Ban Quản lý dự án ODA	Thành viên, phụ trách nhóm chuyên trách 3
15	Trần Thị Ngọc Mỹ (MSSV: B1909696)	Sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học – Khóa 45	Thành viên

(Danh sách có 15 người).

2. Danh sách thành viên Ban Thư ký:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	Đoàn Văn Hồng Thiện	Trưởng bộ môn CNHH, Khoa CN	Trưởng ban
2	Đặng Huỳnh Giao	Giảng viên cao cấp BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Cao Lưu Ngọc Hạnh	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
4	Hồ Quốc Phong	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
5	Huỳnh Liên Hương	Giảng viên cao cấp BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
6	Lê Đức Duy	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
7	Lương Huỳnh Vũ Thanh	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
8	Ngô Trương Ngọc Mai	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
9	Nguyễn Minh Nhựt	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
10	Nguyễn Thị Bích Thuyền	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
11	Nguyễn Việt Bách	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
12	Thiều Quang Quốc Việt	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
13	Trần Thị Bích Quyên	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
14	Nguyễn Hữu Lộc	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên

(Danh sách có 14 người).

3. Danh sách thành viên các Nhóm Công tác chuyên trách:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng			
1	Đoàn Văn Hồng Thiện	Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Đặng Huỳnh Giao	Giảng viên cao cấp BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Lương Huỳnh Vũ Thanh	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo và Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
1	Hồ Quốc Phong	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Thiều Quang Quốc Việt	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Nguyễn Minh Nhựt	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học và Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học			
1	Nguyễn Thị Bích Thuyền	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Huỳnh Liên Hương	Giảng viên cao cấp BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Lê Đức Duy	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên			
1	Đoàn Văn Hồng Thiện	Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Ngô Trương Ngọc Mai	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Trần Thị Bích Quyên	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học và Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra			
1	Nguyễn Thị Bích Thuyền	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Huỳnh Liên Hương	Giảng viên cao cấp BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Nguyễn Việt Bách	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	Hồ Quốc Phong	Phó Trưởng BM. CNHH, Khoa CN	Trưởng nhóm
2	Thiều Quang Quốc Việt	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên
3	Cao Lưu Ngọc Hạnh	Giảng viên BM. CNHH, Khoa CN	Thành viên

(Danh sách có 13 người)

litz

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 406 /KH-ĐHCT-TBK

Cần Thơ, ngày 20 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC



I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học trình độ đại học và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) ngay sau khi có khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD là 05 năm. Thông tin, minh chứng được thu thập trong giai đoạn 05 năm tính từ hết Quý I/2023 trở về trước. Trong quá trình thực hiện, các thông tin, minh chứng sẽ được cập nhật đến thời điểm đánh giá ngoài hoặc theo yêu cầu thực tế.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; các tài liệu hướng dẫn hiện hành của Cục QLCL về KĐCLGD CTĐT gồm: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28 tháng 6 năm 2016, Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021; các văn bản bổ sung, điều chỉnh, thay thế có liên quan khác (nếu có).

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật hoá học trình độ Đại học được thành lập theo Quyết định số 597/QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng gồm có 15 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: thực hiện theo phân công của Chủ tịch Hội đồng TĐG.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Đoàn Văn Hồng Thiện Trần Thị Bích Quyên Lương Huỳnh Vũ Thanh	09/01/2023- 08/04/2023	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Hồ Quốc Phong Thiều Quang Quốc Việt Nguyễn Minh Nhựt	09/01/2023- 08/04/2023	
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc, và nội dung chương trình đào tạo	Hồ Quốc Phong Thiều Quang Quốc Việt Nguyễn Minh Nhựt	09/01/2023- 08/04/2023	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nguyễn Thị Bích Thuyền Cao Lưu Ngọc Hạnh Lê Đức Duy	09/01/2023- 08/04/2023	
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nguyễn Thị Bích Thuyền Huỳnh Liên Hương Lê Đức Duy	09/01/2023- 08/04/2023	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Đoàn Văn Hồng Thiện Ngô Trương Ngọc Mai Trần Thị Bích Quyên	09/01/2023- 08/04/2023	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Đoàn Văn Hồng Thiện Đặng Huỳnh Giao Trần Thị Bích Quyên	09/01/2023- 08/04/2023	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nguyễn Thị Bích Thuyền Huỳnh Liên Hương Nguyễn Việt Bách	09/01/2023- 08/04/2023	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Hồ Quốc Phong Thiều Quang Quốc Việt Cao Lưu Ngọc Hạnh	09/01/2023- 08/04/2023	
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Đoàn Văn Hồng Thiện Lương Huỳnh Vũ Thanh Đặng Huỳnh Giao	09/01/2023- 08/04/2023	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nguyễn Thị Bích Thuyền Huỳnh Liên Hương Nguyễn Việt Bách	09/01/2023- 08/04/2023	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

Các thành viên trong Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách

được tập huấn, hướng dẫn về quy trình thực hiện TĐG và ĐGN, bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT, chuyên môn và nghiệp vụ triển khai hoạt động TĐG và ĐGN. Hoạt động tập huấn, hướng dẫn được tổ chức do đội ngũ viên chức có kiến thức và kinh nghiệm trong công tác kiểm định chất lượng của Trường thực hiện vào thời điểm và bằng hình thức phù hợp.

Trong điều kiện cho phép, Trường thuê Tổ chức KĐCLGD để thực hiện việc tập huấn tại Trường và cấp chứng nhận cho đội ngũ viên chức được tập huấn.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 1.	- Nhân lực: Đoàn Văn Hồng Thiện, Trần Thị Bích Quyên, Lương Huỳnh Vũ Thanh - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 2.	- Nhân lực: Hồ Quốc Phong, Thiệu Quang Quốc Việt, Nguyễn Minh Nhựt. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm.	09/01/2023-08/04/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
			- Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán		
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc, và nội dung chương trình đào tạo	Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 3.	- Nhân lực: Hồ Quốc Phong, Thiệu Quang Quốc Việt, Nguyễn Minh Nhựt - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 4	- Nhân lực: Nguyễn Thị Bích Thuyền, Cao Lưu Ngọc Hạnh, Lê Đức Duy. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập	Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.	- Nhân lực: Nguyễn Thị Bích Thuyền, Huỳnh Liên Hương, Lê Đức	09/01/2023-08/04/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
	của người học	- Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 5	Duy. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán		
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn	- Nhân lực: Đoàn Văn Hồng Thiện, Ngô Trương Ngọc Mai, Trần Thị Bích Quyên. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí.	- Nhân lực: Đoàn Văn Hồng Thiện, Đặng Huỳnh Giao, Trần Thị Bích Quyên. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm.	09/01/2023-08/04/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		- Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 7	- Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán		
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 8	- Nhân lực: Nguyễn Thị Bích Thuyền, Huỳnh Liên Hương, Nguyễn Việt Bách. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 9	- Nhân lực: Hồ Quốc Phong, Thiệu Quang Quốc Việt, Cao Lưu Ngọc Hạng. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.	- Nhân lực: Đoàn Văn Hồng Thiện, Lương Huỳnh Vũ Thanh	09/01/2023-08/04/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		- Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 10	Đặng Huỳnh Giao - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán		
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá, phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 11	- Nhân lực: Nguyễn Thị Bích Thuyền, Huỳnh Liên Hương, Nguyễn Việt Bách. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: chi phí thực hiện tự đánh giá theo dự toán	09/01/2023-08/04/2023	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các Nhóm công tác chuyên trách sử dụng phiếu “Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin và minh chứng” ban hành tại Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 2085/QLCL-KTKĐCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý Chất lượng để phân tích các yêu cầu của tiêu chí và xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập, bao gồm cả thông tin, minh chứng từ nguồn ngoài trường và tại các đơn vị khác trong trường; thực hiện thu thập thông tin theo khung thời gian và nội dung hoạt động tự đánh giá.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Đối với các yêu cầu tập huấn và hướng dẫn khác theo nhu cầu thực tế nếu có, Trường Bách Khoa trực tiếp báo cáo và xin ý kiến của Ban Giám hiệu để quyết định.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Dựa trên các thông tin và minh chứng thu được, các Nhóm công tác chuyên trách thực hiện phân loại và xử lý các minh chứng thu được, thảo luận các minh chứng phù hợp theo yêu cầu cho từng tiêu chí và tiến hành lập Bảng Danh mục minh chứng theo mẫu quy định. Việc mã hóa minh chứng và mẫu Bảng Danh mục minh chứng được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai hoạt động TĐG thực hiện như sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ 02/01 đến 07/01/2023)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 1 (từ 02/01 đến 07/01/2023)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 2 (từ 09/01 đến 14/01/2023)	- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 – 4 (từ 16/01 đến 28/01/2023)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 5 - 7 (từ 30/01 đến 19/02/2023)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 8–10 (20/02 đến 11/03/2023)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 11–12 (từ 13/03 đến 25/03/2023)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 13–14 (từ 27/03 đến 08/04/2023)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 15 (từ 10/04 đến 10/04/2023)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GD&ĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- Cục QLCL, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong Trường (để th/h);
- Lưu VT, TBK

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hiếu Trung